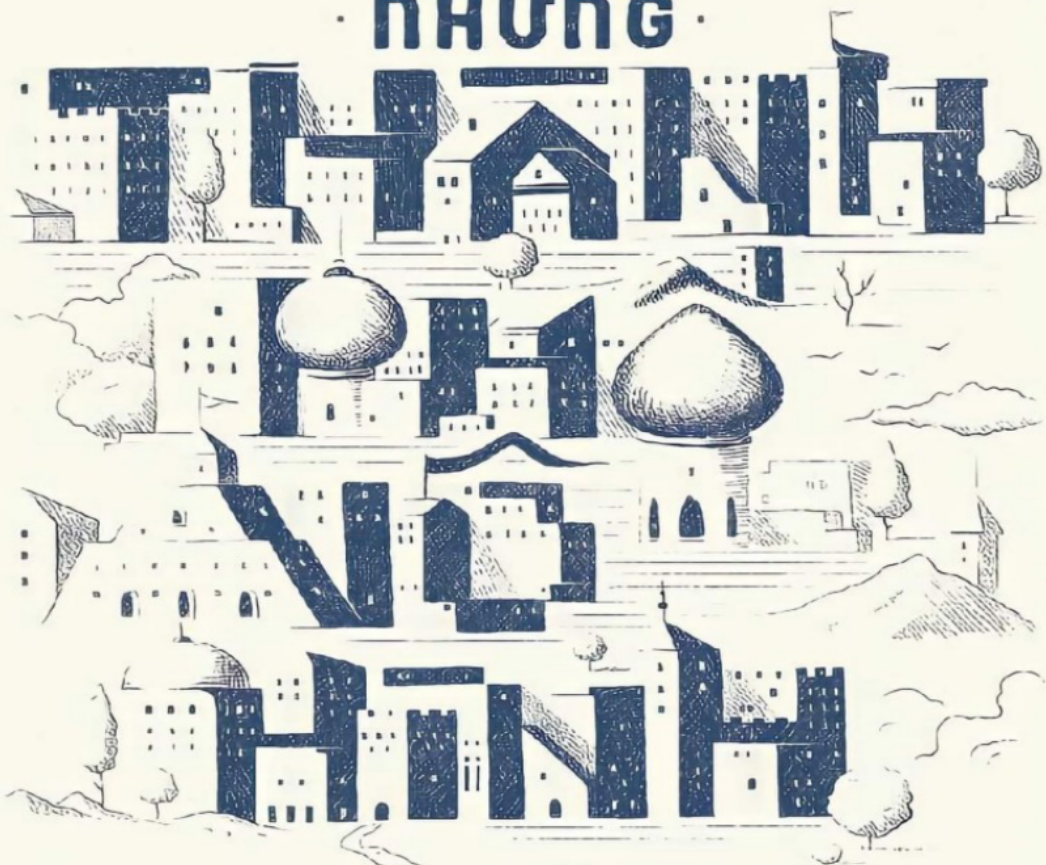


PHỮNG



ITALO CALVINO



nhà nam



NI LÀ XUẤT BẢN
HÀ NỘI



Tác Giả: Italo Calvino

Dịch giả: Vũ Ngọc Thắng

Năm Xuất Bản: 2015

Nhà xuất bản: Hà Nội

Phát hành: Nhã Nam

Số Trang: 199

LE CITTÀ INVISIBILI

Copyright © 2002, The Estate of Italo Calvino

All rights reserved

Dịch từ nguyên bản tiếng Ý Le Città Invisibili, NXB
Mondadori

Dưới con mắt một người quan sát không gian đô thị, Marco Polo, nhà du hành vĩ đại nhất trong lịch sử, đã kể với Hốt Tất Liệt, vị đại hãn thứ năm của người Mông Cổ, về hơn năm mươi thành phố ông đã gặp, đã mơ hoặc đã tưởng tượng trong quá khứ, hiện tại hay tương lai. Hơn năm mươi thành phố, không thật, không giả, nhưng lại cụ thể đến từng chi tiết khiến người đọc bất giác tự đặt câu hỏi: vậy rốt cuộc, một thành phố trong tưởng tượng của ta là gì?

Và những cái tên thành phố cùng tính chất của nó, không chỉ là những suy tư của Calvino về đô thị, hơn thế nữa, là những thấu hiểu mang tính tiên phong của ông về thế giới con người thời hiện đại, nếu xét thời điểm cuốn sách lần đầu ra mắt năm 1972.

Hốt Tất Liệt Đại Hãn không hẳn tin vào mọi điều Marco Polo nói khi chàng miêu tả các thành phố mình đã tham quan trong suốt chuyến đi sứ, song đúng là vị Hoàng đế Mông Cổ miên man lắng nghe chàng tuổi trẻ thành Venezia, tò mò và chăm chú hơn hẳn lắng nghe bất kỳ một sứ giả hoặc nhà thám hiểm nào khác. Trong đời các bậc đế vương, có một khoảnh khắc - tiếp sau niềm kiêu hãnh trước các lãnh thổ mở rộng bao la đã chinh phục được, tiếp sau nỗi u sầu và rồi niềm khuây khỏa khi biết rằng chẳng chóng thì chày chúng ta sẽ từ bỏ việc làm quen và thấu hiểu những miền đất ấy - cái cảm giác trống rỗng chiếm ngự chúng ta vào một buổi chiều tỏa ngái mùi đàn voi sau cơn mưa và tro gỗ đàn hương tàn lạnh trong lò; một cơn chóng mặt đến run rẩy cả sông ngòi và núi non vắt ngang những tuyến cong hung đỏ trên bản bình đồ địa cầu, những bức điệp báo về cuộc tan rã sau chiến bại này đến chiến bại kia của các đội địch quân cuối cùng, chồng chất cuộn vào nhau và lớp sáp dấu triện bị rạn tróc của những vị vua vô danh khẩn nài được triều cống hằng năm nào là kim loại quý, da thuộc, mai

rùa để được bảo hộ dưới trướng quân đội chúng ta khi thế ngút trời. Đây chính là cái khoảnh khắc vô vọng khi ta phát hiện ra rằng, cái đế chế mà đối với chúng ta dường như là tổng hòa của mọi điều kỳ diệu này, chỉ là một đồng hoang tàn đổ nát vô hình, vô tận, sự hủy hóa của nó hoại thư đến nỗi vương trượng của ta cũng vô phương cứu chữa, rằng khúc khải hoàn trước các lãnh chúa thù địch đã biến chúng ta thành kẻ kế thừa sự suy tàn theo thời gian. Chỉ trong lời tường thuật của Marco Polo, Hốt Tất Liệt mới có thể nhận biết trên những dải tường thành và những ngọn tháp mà theo vận mệnh rồi sẽ sụp đổ, cái mẫu thức họa tiết chạm trổ tinh vi đến mức loài mối cũng không nở gặm tới.

Thành phố và Ký ức • 1

Rời nơi đó và đi ba ngày về hướng mặt trời mọc, lũ khách thấy mình ở Diomira, thành phố có sáu mươi vòm bát úp dát bạc, các bức tượng đồng đúc mọi vị thần, các con đường lát chì, một nhà hát pha lê, một chú gà trống vàng gáy sáng trên đỉnh tháp. Nhà lũ hành biết tất cả các vẻ đẹp này rồi vì đã từng trông thấy chúng ở những thành phố khác. Song đặc điểm của thành phố là ở chỗ kẻ đến đây vào một chiều tháng Chín khi ngày đang ngắn dần và những chiếc đèn lồng rực rỡ được đồng loạt thắp sáng trên cổng các cửa hiệu bánh rán, rồi từ trên sân thượng có tiếng một người nữ kêu lên ái! sẽ cảm thấy ganh tị với những ai lúc này nghĩ rằng mình từng trải qua một buổi chiều y như buổi chiều hôm nay và buổi hôm ấy mình đã hạnh phúc.

Thành phố và Ký ức • 2

Kẻ bốn ba lâu ngày trên những vùng đất hoang vu thì những ước muốn một thành phố. Cuối cùng, họ đến Isidora, thành phố nơi các dinh thự có thang xoáy tròn ốc khảm xà cừ, nơi những chiếc ống nhòm và những cây vĩ cầm chuẩn mực được chế tạo, nơi vị khách lạ nếu phân vân giữa hai người nữ thì thế nào cũng tao ngộ người nữ thứ ba, nơi những trận đá gà bị thoái hóa thành những cuộc ẩu đả đổ máu giữa dân cá độ với nhau. Vị khách lạ nghĩ đến tất cả những điều này khi ước muốn một thành phố. Isidora, cho nên, là thành phố trong những giấc mộng của họ, với một khác biệt: thành phố trong mộng, giữ chân họ, khi trẻ; còn Isidora, họ đến nơi, về già. Trên bệ rìa tường ở quảng trường, một dãy tụ hội bạn già ngồi nhìn tuổi trẻ băng qua; vị khách lạ ngồi vào nổi hàng với các cụ. Ước muốn đã là kỷ niệm.

Thành phố và Dục vọng • 1

Có thể kể về Dorotea qua hai cách: hoặc bảo rằng thành phố có bốn ngọn tháp nhôm vươn cao trên dải tường thành với bảy cánh-cổng-cầu-kéo khép thả bên sườn, bắc ngang con hào cấp nước cho bốn dòng kênh xanh, chia thành phố thành chín quận, mỗi quận có ba trăm ngôi nhà và bảy trăm cột ống khói; nên nhớ rằng các cô gái đến tuổi cập kê ở mỗi quận sẽ se duyên cùng những chàng trai ở quận khác, rồi gia đình hai họ sẽ trao đổi cho nhau những món hàng mỗi bên giữ độc quyền: lê becgamot, trứng cá tầm, thuốc thiên văn, thạch anh tím; trên cơ sở các số liệu này, bạn có thể tính toán cho đến khi biết được toàn bộ những gì mình muốn biết về thành phố: quá khứ, hiện tại, tương lai; hoặc nói như người lái lạc đà đã đưa tôi tới chốn đó: “Tôi đến đây thời đầu tuổi trẻ vào một buổi sớm mai, dòng người tấp nập rảo bước trên các nẻo đường dẫn đến phiên chợ, những cô gái có hàm răng tuyệt đẹp và nhìn thẳng vào mắt lũ khách, trên bục nọ ba người lính đang gióng lên hồi kèn đồng, khắp nơi xung quanh kinh luân xoay xoay và cờ phướn phấp phới sắc màu. Trước đây tôi đã chỉ biết đến sa mạc và

những nẻo đường cứu vạn. Sáng hôm ấy ở Dorotea tôi đã cảm nhận ra rằng không có điều tốt lành nào trên đời mà mình không thể ngóng chờ. Những năm sau đó, mắt tôi quay về chiêm nghiệm sự trải rộng của sa mạc và những nẻo đường cứu vạn; song bây giờ tôi biết, đấy chỉ là một trong vô vàn nẻo đường khai mở cho tôi sáng hôm ấy ở Dorotea.”

Thành phố và Ký ức • 3

Vô vọng, thừa hoàng đế bao dung, song tôi sẽ cố miêu tả thành phố Zaira từ trên vòng tường thành cao vời vợi. Tôi có thể kể cho ngài nghe các tuyến đường bậc thang gồm có bao nhiêu bậc, khổ cong của các vòm cổng, loại phiến kềm nào dùng để lợp mái nhà; nhưng tôi biết rồi, nói thế thì như thể tôi đã chẳng kể gì. Thành phố không được hình thành bởi điều này mà bởi mối quan hệ giữa các chiều không gian và các sự kiện trong quá khứ: khoảng cách từ mặt đất tới ngọn đèn đường và từ mặt đất tới cặp cảng chân lũng lảng của một kẻ mưu toan tiếm quyền bị treo cổ; sợi dây căng từ cây cột đèn tới một bao lơn đối diện và tràng dây hoa chằng trên lộ trình đoàn rước hôn lễ một bà hoàng; chiều cao thành bao lơn và cú phóng nhảy vụng trộm buổi sớm mai; độ nghiêng một máng nước và bước tiến trịnh trọng của một con mèo khi lách vào khung cửa sổ bên dưới; đường đạn bắn ra bất ngờ từ cỗ pháo hạm khuất sau mũi đất và quả tạc đạn tiêu hủy cái máng nước; mảng rách của tấm lưới đánh cá và ba cụ già đang ngồi vá trên con đê chắn sóng kể lại cho nhau nghe chẳng biết bao nhiêu lần câu chuyện cỗ pháo hạm

của kẻ mưu toan tiếm quyền mà theo thiên hạ có lẽ là một đứa con rơi của bà hoàng bị quẩn tã bỏ ngay đó trên con đê.

Thành phố, như một miếng bọt biển, ngấm lấy từng đợt sóng chuyển lưu kỷ niệm này và phình ra. Một miêu tả Zaira như Zaira hôm nay hẳn phải chứa đựng toàn bộ quá khứ của Zaira. Thế mà thành phố không phát biểu về quá khứ mà cứ mang quá khứ như các đường chỉ trong lòng một bàn tay, ghi khắc trên ngõ ngách đường phố, song cửa sổ, thành cầu thang, ngọn ăng ten thu lôi, cột cờ, lần lượt mọi đoạn thức hằn dấu: răng cửa, chẻ khía, uốn cuộn.

Thành phố và Dục vọng • 2

Sau ba ngày trực chỉ hướng Nam, lũ khách gặp Anastasia, thành phố lênh láng mạng kênh hội tụ và trên không lơ lửng những cánh diều. Giờ tôi cần liệt kê những món hàng mua được ở đây với giá hời: các loại đá mã não vân đồng tâm, đa sắc, xanh lam, và nhiều loại đá chanxedon khác; ca ngọ thịt gà-lôi-vàng nướng trên lửa nhóm củi anh đào tẩm nắng qua thời gian và rắc rõ nhiều rau kinh giới; kể về những người nữ tôi gặp đang đắm mình trong bể tắm ở một khu vườn mà theo lời thiên hạ lưu truyền đôi khi sẽ mời khách qua đường cùng cởi quần áo, rồi quần thảo nhau trong nước. Song với các thông tin này tôi vẫn chưa kể cho ngài nghe về cái bản chất đích thực của thành phố: bởi trong khi sự miêu tả Anastasia chỉ lần lượt đánh thức từng dục vọng để buộc ta phải bóp nghẹt tất cả, thì toàn thể các dục vọng lại đồng loạt bùng dậy vây bủa kẻ một sáng thấy mình ở Anastasia. Thành phố đối với bạn như một toàn thể trong đó không dục vọng nào bị thất thoát và bạn là một phần trong đó, và bởi vì thành phố hưởng toàn thể những điều bạn không hưởng, nên bạn chỉ còn có cách là ngụ trong dục vọng ấy và hài

lòng với nó. Đây là cái quyền năng, lúc thì được bảo là tốt lành, lúc thì bị bảo là độc hại mà thành phố Anastasia đổi lứa sở hữu; nếu bạn lao động tám giờ mỗi ngày như một người thợ xẻ đá mã não vân đồng tâm, đa sắc, xanh lam, thì nỗi nhọc nhằn của bạn, vốn tạo hình sắc cho dục vọng, chính là hệ quả của dục vọng tạo hình sắc, thế rồi bạn tin rằng mình đang tận hưởng trọn vẹn Anastasia, trong khi bạn chỉ là kẻ nô lệ cho nó.

Thành phố và Ký hiệu • 1

Suốt nhiều ngày lũ khách bước đi giữa cỏ cây và sỏi đá. Con mắt hiếm khi dừng trên sự vật nào, trừ phi nhận biết nó qua cái ký hiệu về một sự vật khác: một vết lõm chỉ bước chân con hổ băng qua trên cát, một đầm lầy loan báo một mạch nước, đóa dâm bụt cho hay sự kết thúc của mùa đông. Mọi thứ khác đều lặng lẽ và có thể hoán chuyển lẫn nhau; cỏ cây và sỏi đá chỉ là cỏ cây và sỏi đá.

Cuối cùng, cuộc hành trình dẫn đến thành phố Tamara. Lũ khách lọt vào những tuyến đường dày đặc biển quảng cáo nhô ra từ các bức tường. Con mắt không nhìn sự vật mà nhìn hình tượng của sự vật vốn biểu thị sự vật khác: cây kìm chỉ phòng nhổ răng; cốc vại chỉ tửu quán; mũi kích chỉ đồn tháp lính canh; bàn cân chỉ cửa hàng rau quả. Tượng và huy hiệu biểu trưng sư tử, cá heo mỏ, ngọn tháp, ngôi sao: cái ký hiệu bảo rằng cái gì đó – biết là gì đây? – mang cái ký hiệu một con sư tử hoặc một con cá heo hoặc một ngọn tháp hoặc một ngôi sao. Các ký hiệu khác thì để cảnh báo điều bị cấm tại một địa điểm – cấm đẩy xe vào ngõ, cấm tiểu tiện đằng sau quầy hàng, cấm thả câu từ trên cầu, và điều được phép tại đó: có thể

cho ngựa vằn uống nước, có thể chơi ném bóng gỗ, có thể hỏa táng thi hài người thân. Từ cổng các ngôi đền ta có thể trông thấy tượng các vị thần, mỗi vị được thể hiện với thuộc tính của mình: sừng dê kết hoa quả, đồng hồ cát, con sứa, để tín đồ có thể nhận biết và dâng gửi lời nguyện cầu thích hợp. Nếu một tòa nhà không có bảng hiệu hoặc hình tượng nào, thì chính cái cấu trúc và vị trí được triển khai trong thành phố đủ để chỉ ra chức năng của nó: cung điện, nhà ngục, sở đúc tiền, lớp học Pythagoras, nhà thờ. Cả đến hàng hóa những người lái buôn bày ra trên quầy cũng không biểu lộ giá trị của chính chúng mà trong tư cách các ký hiệu về cái khác: dải băng thêu đeo trên trán chỉ sự thanh lịch; cổ kiệu mạ vàng, quyền thế; bộ sách Averroes, sự thông thái; vòng ngọc đeo cổ chân, sự khoái lạc. Ánh mắt dõi theo những con đường như trên những trang viết: thành phố đề cập về mọi chuyện bạn phải nghĩ, khiến bạn lặp lại diễn ngôn của nó, và trong khi lũ khách tưởng mình đang đi thăm Tamara thì họ không làm chi khác hơn là ghi lại những cái tên qua đó thành phố định nghĩa chính nó và mọi thành phần của nó.

Thành phố bên dưới cái lớp vỏ ký hiệu dày đặc này thực sự là thế nào, chứa hoặc giấu gì, lũ khách rời Tamara không thể biết. Ngoài kia, đất trống thả tận chân trời, bầu trời rộng mở mây bay. Qua cái cấu trúc mà sự tình cờ và cơn gió mang lại cho những đám mây, lũ khách đã có ý nhận ra những hình tượng một chiếc thuyền

buồm, một bàn tay, một con voi...

Thành phố và Ký ức • 4

Nhô lên từ bên kia sáu con sông và ba dãy núi là Zora, thành phố mà ai đã có lần ghé thăm sẽ không thể nào quên. Nhưng đây không phải là vì, như những thành phố đáng nhớ khác, nó để lại một hình ảnh lạ thường trong kỷ niệm. Zora có cái đặc thù là ngụ lại trong ký ức từng li từng tí, trong cái chuỗi kế tiếp những con đường, những ngôi nhà dọc theo những con đường, những cánh cổng và những ô cửa sổ của những dãy nhà, dù rằng chúng không toát ra vẻ đẹp hoặc sự hiếm quý cá biệt nào. Bí mật của nó nằm trong cung cách ánh mắt dõi nhìn những hình tượng tiếp nối nhau như trong một bảng tổng phổ mà ở đó dù chỉ một nốt nhạc cũng không thể thay đổi hoặc dịch chuyển. Kể thuộc nằm lòng Zora được cấu tạo như thế nào, thì ban đêm, khi mất ngủ, sẽ tưởng tượng mình đang bước đi trên đường phố và nhớ ra cái trật tự kế tiếp nhau: chiếc đồng hồ đồng, tấm bạt che vắn sọc cửa hiệu bác thợ cạo, đài phun nước chín vòi, ngọn tháp thủy tinh của một chiêm tinh gia, quầy hàng người bán dưa hấu, bức tượng nhà ẩn tu và con sư tử, khu nhà tắm Thổ, quán cà phê góc phố, con phố tắt dần xuống bến cảng. Thành

phố không bị xóa nhòa trong tâm trí này như một bộ áo giáp hoặc một tàng ong mà trong các ngăn mỗi người có thể bày xếp điều mình muốn nhớ: tên danh nhân, đức hạnh, con số, bảng phân loại thực vật và khoáng vật, năm tháng chiến chinh, chòm sao, đoạn diễn từ. Giữa mỗi ý niệm và mỗi thời điểm của cuộc hành trình lữ khách có thể xác lập một mối tương hợp hoặc tương phản giúp cho việc gợi lại ký ức tức thì. Thế nên những con người thông thái nhất thế gian là những kẻ thuộc nằm lòng Zora.

Song tôi đã vô vọng khởi sự chuyến đi thăm thành phố này: bị buộc phải giữ gìn sự bất động và sự y nguyên chính mình để được ghi nhớ tốt nhất, Zora mòn mỏi héo hon, tự rã và biến mất. Trái Đất đã lãng quên Zora.

Thành phố và Dục vọng • 3

Có hai cách đến Despina: bằng tàu thuyền hoặc bằng lạc đà. Thành phố này hiện ra khác hẳn với ai đến bằng đường bộ và với ai đến bằng đường biển.

Lão lái lạc đà khi thấy nhô lên từ chân trời cao nguyên những chóp nhà chọc trời, trụ ra-đa, ống đón gió vằn trắng-đỏ lắt phất căng phồng, cột ống khói đang nhả khói, liền nghĩ đến một tàu thủy, lão biết, đây là một thành phố song lại coi nó như là một hải hạm sẽ chở mình ra khỏi sa mạc, như là một thuyền buồm sắp nhổ neo với các cánh buồm đã lộng gió mà chưa buông mở, hoặc một thân tàu sắt với cái nồi hơi rung lên bần bật bên trong, rồi lão nghĩ đến tất cả những bến cảng, những hàng hóa từ hải ngoại đang được cần cẩu bốc lên sàn bến, tầu quán nơi những toán thủy thủ đeo hải hiệu riêng đập vỡ vỏ chai trên đầu nhau, những khung cửa sổ sáng rõ nơi tầng trệt, mỗi khung một cô nàng đang gỡ tóc.

Trong sương mù trên bờ vịnh, viên thủy thủ nhận ra hình thể cái bấu con lạc đà, cổ yên thêu diềm tua óng ánh giữa hai cục u loang đốm đong đưa di chuyển, anh ta biết đây là một thành phố, song nghĩ rằng nó như thế

một con lạc đà với khung thô móc bình da, bao bị mứt trái cây, rượu chà là, lá thuốc, và đã cảm thấy mình đang dẫn đầu đoàn cứu vãn dài sẽ đưa mình ra khỏi sa-mạc-biển, hướng tới những ốc đảo nước ngọt dưới bóng lá cọ xòe răng cưa, những dinh thự tường vách rất dày quét vôi, sân trong lát đá hoa với tốp vũ nữ chân trần đang nhảy múa, lúc lắc đôi cánh tay ẩn hiện dưới tấm mạng che.

Mỗi thành phố đón nhận cấu trúc từ sa mạc mình đối vị; lão lái lạc đà và viên thủy thủ đã thấy Despina - cái thành phố giới tuyến giữa hai sa mạc như thế đấy.

Thành phố và Ký hiệu • 2

Lữ khách trở về từ thành phố Zirma mang theo những ký ức rất rõ ràng: một người da đen mù gào thét giữa đám đông, một người điên nghiêng ngả trên gờ tường một tòa nhà chọc trời, một cô gái dạo phố cầm dây dắt theo một con báo. Trên thực tế, nhiều người mù khua gậy trên đường phố Zirma lát đá là người da đen, ở mỗi tòa nhà chọc trời đều có người nào đó hóa điên, tất cả các người điên đều trải qua hàng giờ trên những gờ tường, mọi con báo đều được nuôi dạy nhờ một nguồn cơn đồng danh ở một cô gái. Thành phố này chồng lấp dư dôi, nó lặp lại nó để có cái mà đọng lại trong tâm trí nhân gian.

Tôi cũng trở về từ Zirma, ký ức của tôi bao gồm những khinh khí cầu là là khắp hướng ở tầm cửa sổ, những con-phố-xưởng-hiệu nơi thiết kế hình xăm trên da thủy thủ, những chuyến tàu điện ngầm chật cứng các bà béo phì khổ sở vì oi bức. Song những người bạn đồng hành cùng tôi thì lại thề rằng mình chỉ trông thấy một khinh khí cầu duy nhất lơ lửng giữa những chóp tháp thành phố, một thợ xăm duy nhất bày sắp cây kim, lọ mực, mẫu vẽ châm lỗ lên quấy, một bà núc ních duy nhất

cầm quạt phe phẩy trên sàn toa tàu. Ký ức chông lắp dư
dôi, những ký hiệu được lắp lại để mà thành phố khởi sự
tồn tại.

Thành phố Mỏng • 1

Isaura, thành phố ngàn giếng, được coi là tọa lạc bên trên một hồ nước sâu thẳm nằm trong lòng đất. Tại bất kỳ điểm nào không quá ra ngoài phạm vi thành phố khi đào một miệng hố sâu thẳng đứng, cư dân đều có thể kéo nước lên: vòng đai xanh um của nó lặp lại vòm bờ tối đen của hồ-nước-chôn-vùi, cảnh quan vô hình này là điều kiện cho cảnh quan hữu hình kia, mọi vận động phơi mở dưới ánh mặt trời đều được thôi thúc bởi các đợt sóng vô sâu kín dưới vòm trời đá vôi.

Thế nên, ở Isaura có hai hình thái tín ngưỡng. Người thì cho rằng các vị thần của thành phố ngụ ở dưới sâu, trong cái hồ tối đen nuôi dưỡng các mạch nước ngầm. Kẻ thì lại bảo các ngài trú trong thùng nước buộc sợi dây thùng khi đã kéo lên khỏi miệng giếng, trong con ròng rọc đang xoay, trong cái tời guồng nước, trong cần máy bơm, trong cánh cối xay gió mức nước lên từ hố khoan, trong giàn thép mắt cáo neo trụ khoan khoan xoáy, trong bồn nước đặt ở đỉnh khung lênh khênh trên mái nhà, trong dải tường vòm mỏng mảnh đỡ mương nước, trong tất cả các cột nước, ống dẫn thẳng đứng, chốt cài, lỗ xả,

lên tới tận cánh chong chóng vút cao của các giàn giáo trên không ở Isaura, cái thành phố mọi thứ đều tịnh tiến lên cao.

Được gửi đi kiểm tra những địa phương xa xôi, đoàn sứ giả và viên chức thu thuế của Hốt Tất Liệt luôn đúng kỳ hạn trở lại cung điện Khai Bình, nơi vị hoàng đế vừa tản bộ dưới bóng mát khu vườn hoa mộc lan vừa lắng nghe những bản báo cáo dài dằng dặc. Với từng quần thần - các sứ giả Ba Tư, Armenia, Syria, Ai Cập - Đại Hãn là người-nước-ngoài, và đế chế chỉ có thể biểu thị sự tồn tại của nó từ những cặp mắt và đôi tai người-nước-ngoài. Bằng những ngôn ngữ Đại Hãn không biết, đoàn sứ giả tường trình các thông tin nắm được từ những ngôn ngữ họ không biết: từ bức màn âm thanh dày đục này nổi lên các số liệu sưu thuế bị đế chế tận thu, tên tuổi, tài sản của quan chức bị sa thải và xử trảm, mực nước các con kênh thủy lợi được những dòng sông èo uột trong thời kỳ hạn hán cung cấp. Song khi đến lượt chàng tuổi trẻ thành Venezia, thì một cuộc truyền thông khác hẳn được thiết lập giữa chàng và hoàng đế. Chân ướm chân ráo tới nơi và hoàn toàn không biết các ngôn ngữ vùng Cận Đông, Marco Polo chỉ có thể bày tỏ bằng cách khoa chân múa tay, nhảy cẫng, thốt tiếng kêu sững sờ, giả tiếng hét kinh dị, nhại tiếng hú, tiếng rúc của một con vật, hoặc lôi ra từ chiếc túi đựng các vật thể: lông đà điểu, ống xì đồng, viên thạch anh, và bày xếp chúng ra trước mặt như những quân cờ. Khi trở về từ các sứ vụ được Hốt Tất Liệt giao phó, chàng tuổi trẻ tài ba người-nước-ngoài ứng tả bằng động tác nên hoàng đế phải diễn giải: một thành phố

được biểu trưng bằng cú quẫy thoát của một con cá khỏi cặp mỏ con chim cốc để rồi lọt vào một tấm lưới; một thành phố khác bằng cuộc phóng chạy của một người đàn ông trần truồng băng qua lửa mà không bị bỏng; rồi một thành phố nữa bằng hộp sọ nhe hàm răng nắm mồi xanh rờn cắn chặt viên ngọc trai tròn trắng muốt. Đại Hãn giải mã các ký hiệu, song mối liên hệ với nơi tham quan vẫn cứ không chắc: vị hoàng đế chẳng bao giờ biết phải chăng đó là Marco muốn biểu trưng một cuộc mạo hiểm bất ngờ trong hành trình, một kỳ tích của người sáng lập ra thành phố, lời tiên tri của một chiêm tinh gia, một hình đồ hay một chữ đồ để chỉ một cái tên. Thế nhưng, dù tù mù hay tỏ lộ, mỗi điều Marco Polo trình bày đều mang sức tác động biểu tượng mà một khi đã chứng kiến thì không thể nào quên cũng chẳng thể lẫn lộn. Trong tâm trí Đại Hãn, đế chế được phản ánh trong một sa mạc dữ liệu chuyển vị và hoán đổi lẫn nhau như hạt cát, ở đó, từng hình tượng khơi dậy bởi phép đồ chữ của chàng tuổi trẻ thành Venezia sẽ biểu thị cho mỗi thành phố và địa phương.

Mùa lại mùa, chuyến đi sứ tiếp nối chuyến đi sứ, Marco Polo tinh thông ngôn ngữ Mông Cổ, và biết rất nhiều thành ngữ dân tộc cũng như phương ngữ bộ lạc. Giờ thì tường trình của chàng cực kỳ chính xác và chi tiết như Đại Hãn hằng mong muốn, không câu hỏi hoặc sự tò mò nào không được đáp ứng. Tuy nhiên, mỗi thông tin về

một địa điểm đều triệu gọi trong tâm trí vị hoàng đế cái động tác hoặc vật thể ban đầu qua đó Marco Polo miêu tả địa điểm ấy. Dữ liệu mới này được biểu tượng trao cho ý nghĩa, rồi cùng nhau thêm vào một ý nghĩa mới cho biểu tượng. Có lẽ, Hốt Tất Liệt suy nghĩ, đế chế chỉ là một hoàng đạo mộng tưởng của tâm trí.

- Cuối cùng, phải chăng cái ngày ta biết tất cả các biểu tượng - hoàng đế hỏi Marco Polo - ta sẽ có khả năng sở hữu đế chế của mình?

Chàng tuổi trẻ thành Venezia trả lời:

- Thưa ngài, xin ngài chớ tin vào điều đó. Ngày ấy, chính ngài sẽ là một biểu tượng giữa những biểu tượng.

- Các sứ giả khác cảnh báo với ta về nạn đói, nạn biển thủ, những âm mưu, hoặc thông báo cho ta biết các mỏ ngọc lam vừa phát hiện, lông chồn martet giá hời, dao kiếm chạm trổ tinh vi có thể cung cấp. Còn anh? - Đại Hãn hỏi Marco Polo - anh cũng trở về từ những xứ sở xa xôi, thế mà chỉ biết kể cho ta nghe những ý nghĩ nảy sinh từ một kẻ buổi tối ngồi trước cửa nhà hóng mát. Vậy thì du hành nhiều nơi để làm gì?

- Trời tối, chúng tôi ngồi trên bậc thềm trước cung điện của ngài, gió thổi hiu hiu. - Marco Polo trả lời - Bất kỳ một xứ sở nào mà lời lẽ của tôi gợi tưởng xung quanh ngài, ngài cũng chứng kiến nó từ một đài quan sát riêng của mình, ngay cả khi đây không phải là một cung điện mà là một ngôi-làng-nhà-sàn và ngọn gió thì nồng nặc mùi bùn đất xông lên từ cửa sông.

- Ta nhìn bằng mê đắm và suy niệm. Ta thừa nhận điều đó. Song ánh mắt anh thì sao? Anh đã băng qua nào là quần đảo, lãnh nguyên, rặng núi. Vậy mà như thể chưa bao giờ rời khỏi nơi này.

Chàng tuổi trẻ thành Venezia biết rằng khi bức bối cũng chính là lúc Hốt Tất Liệt sẽ bám sát tốt nhất mạch lập luận của mình; và các câu trả lời hoặc đối chất của chàng sẽ có vai trò trong dòng diễn ngôn đã khởi hướng trong đầu vị Đại Hãn. Tức là, giữa hai người, không quan trọng là các nghi vấn và giải đáp sẽ được phát biểu đồng dục, hay là sẽ được mỗi bên, phần mình, miên man cân nhắc trong im lặng. Thật vậy, cả hai đều nín thính, mắt lim dim, ngả người trên gối đệm, đong đưa trên võng, phì phèo ống tẩu hổ phách dài.

Marco Polo hình dung mình trả lời Hốt Tất Liệt (hoặc Hốt Tất Liệt hình dung câu trả lời từ Marco Polo) rằng càng lạc bước vào những ngõ ngách vô danh ở các thành phố xa xôi, ta càng hiểu các thành phố mình đã vượt qua để đến được đây; chàng hồi tưởng các giai đoạn trong hành trình, và học được cách lĩnh hội cái bến cảng nơi mình đã giương buồm ra khơi, các nơi chốn thân thương thời trai trẻ, khu phố xung quanh nhà, khoảnh sân chơi xóm nhỏ ở Venezia nơi tuổi thơ tung tăng chạy nhảy.

Đến đây, Hốt Tất Liệt ngắt lời, hoặc hình dung mình ngắt lời Marco Polo, hoặc Marco Polo hình dung chàng bị ngắt lời bằng một câu hỏi, chẳng hạn: - Anh luôn luôn tiến lên phía trước mà đầu ngoái lại phía sau à? Hay là: - Những gì anh chứng kiến luôn luôn ở đằng sau lưng anh hay sao? Hoặc rõ hơn: - Phải chăng hành trình của anh

chỉ diễn ra trong quá khứ?

Tất cả điều đó là vì Marco Polo có thể giải thích, hoặc hình dung mình giải thích, hoặc được hình dung là chàng giải thích, hay rốt cuộc, có thể giải thích với chính mình rằng điều chàng tìm kiếm luôn luôn là cái gì đó ở phía trước, và ngay cả khi nó nằm trong quá khứ, thì đó là một quá khứ thay đổi dần dần trong hành trình tiến tới của chàng, bởi quá khứ của người lữ khách thay đổi tùy theo cái lộ trình đã hoàn thành: không phải quá khứ gần, khi mỗi ngày trôi qua cho biết thêm một ngày, mà là quá khứ xa nhất. Đặt chân đến mỗi thành phố mới, lữ khách gặp lại cái quá khứ mình không còn biết mình đã có: sự lạ lẫm trước những gì mình không còn là hoặc không còn sở hữu nữa đang chờ mình bên đường ở những chốn lạ lẫm và chưa sở hữu được.

Marco Polo đi vào một thành phố; chàng trông thấy một người trên quảng trường đang sống một cuộc đời hoặc một khoảnh khắc vốn có thể là của mình; hẳn lúc này chàng có thể đang ở chỗ của kẻ ấy nếu xưa kia trong dòng thời gian chàng đã dừng lại, hoặc giả, nếu xưa kia tại một ngã tư, chàng đã ngoặt sang con đường ngược lại, và sau chuyến lang thang dài, chàng lại thấy mình ở chỗ của người ấy trên cái quảng trường ấy. Giờ đây chàng đã bị loại khỏi cái quá khứ thực có hoặc giả định này; chàng không thể dừng lại, chàng phải đi tiếp đến tận một thành

phố khác nơi một quá khứ khác, hoặc một điều gì đó có lẽ từng là một tương lai khả thể của chàng mà bây giờ là hiện tại của một kẻ khác, đang chờ chàng. Tương lai không thực hiện chỉ là cành nhánh của quá khứ: những cành nhánh đã khô.

- Phải chăng anh du hành là để sống lại quá khứ của anh? - Đó là câu hỏi của Hốt Tất Liệt ở thời điểm này, mà cũng có thể được hình thành như sau: - Phải chăng anh du hành là để tìm thấy tương lai của anh?

Và câu trả lời của Marco Polo: - Chốn khác là một tấm-gương-âm-bản. Lữ khách nhận ra Cái-Chút-Ít thuộc về mình, trong lúc phát hiện Cái-Rất-Nhiều mình đã không và sẽ không có.

Thành phố và Ký ức • 5

Ở Maurilia, lũ khách được mời đi tham quan thành phố, và cùng lúc, được xem những bưu thiếp cũ ghi lại hình ảnh nó trước kia: cũng cái quảng trường y hệt với một con gà mái ở chỗ nhà ga xe buýt, một bụi-dàn-nhạc ở chỗ cây cầu vượt, hai cô gái cầm dù trắng ở chỗ xưởng thuốc nổ. Để cư dân khỏi phật lòng, lũ khách cần ca ngợi thành phố trong bưu thiếp và yêu thích nó hơn thành phố bây giờ, song phải chú ý kèm giữ nổi luyến tiếc trước những đổi thay trong các tiêu chuẩn rõ ràng: thừa nhận rằng, nếu đối chiếu, thì vẻ hoa lệ và sung túc của Maurilia-đã-trở-nên-đại-đô-thị không thể bù đắp được nét yêu kiều nào đó đã bị thất thoát từ Maurilia-xưa-tĩnh-nhỏ, điều mà giờ đây, dù sao cũng chỉ có thể thương thức trên bưu thiếp cũ, trong lúc trước kia, khi Maurilia-tĩnh-nhỏ ngay trước mắt, thì nét yêu kiều ấy chẳng thấy được ở đâu, hôm nay lại càng như thế, ngay cả trường hợp Maurilia vẫn được duy trì y như cũ; và thừa nhận rằng, gì thì gì, Maurilia-đại-đô-thị đã nhận thêm sức quyến rũ, và thông qua những gì đã được hình thành, ta có thể khơi nhận bằng hoài niệm về cái thành phố từng

có.

Chớ nói với cư dân rằng đôi khi có những thành phố khác nhau, kế tục nhau trên cùng một mảnh đất và mang cùng một cái tên, sinh ra và tàn lụi mà không hề biết đến nhau, mà không thể truyền thông với nhau. Lắm lúc, ngay cả các cái tên của cư dân cũng vẫn giữ nguyên, rồi giọng phát âm và thậm chí nét mặt cũng thế; song các vị thần sống bên dưới các cái tên và bên trên các địa điểm đã lảng lạng ra đi, chỗ của các ngài được những vị thần xa lạ tìm đến trú ẩn. Thắc mắc rằng các vị thần mới so với các vị thần cũ tốt lành hơn hay hắc ám hơn sẽ chẳng đi tới đâu, bởi giữa chư vị không có mối liên hệ gì, y như các tấm bưu thiếp cũ không hề thể hiện Maurilia như nó từng là, mà thể hiện một thành phố khác, ngẫu nhiên được gọi tên là Maurilia, như thành phố này.

Thành phố và Dục vọng • 4

Ngay tại trung tâm Fedora, đại đô thị đá xám, có một tòa nhà bằng kim loại, nơi mỗi gian phòng đặt một quả cầu thủy tinh. Nhìn thấu vào bên trong mỗi quả cầu ta thấy một thành phố thiên thanh, đó chính là cái mô hình của Fedora kia. Chúng mang cấu trúc đáng lẽ được thực hiện của thành phố mà nếu không vì lý do này hay lý do kia đã trở nên như chúng ta thấy ngày nay. Ở mỗi thời, khi ngấm nhìn Fedora lúc ấy, đều có người tưởng tượng ra phương thức cải biến nó thành một thành phố lý tưởng, song trong lúc cái mô hình thu nhỏ đang được kiến tạo, thì Fedora đã không còn là Fedora, và điều mà cho đến tận hôm qua từng là một tương lai khả thể giờ đây chỉ là một món đồ chơi trong quả cầu thủy tinh.

Tòa nhà với các quả cầu ở Fedora bây giờ chính là cái viện bảo tàng về Fedora: mỗi cư dân ghé thăm sẽ chọn một thành phố tương ứng với ước vọng của mình, chiêm ngấm nó trong lúc hình dung mình đang soi bóng dưới mặt hồ nuôi sữa vốn cần nhận nước từ dòng kênh (cho rằng nó đang không khô cạn), mình đang ngất ngưỡng trên cái bành che lọng đi suốt đại lộ dành cho đàn voi

(giờ đã bị thành phố nghiêm cấm), mình đang trượt xuống cái tháp xướng kinh vòng xoắn ốc (vốn chưa tìm ra bệ để mà vươn cao).

Chao ơi Hốt Tất Liệt Đại Hãn, bản đồ đế chế của ngài phải vừa có chỗ cho thành phố Fedora đá xám kỳ vĩ vừa có chỗ cho những thành phố Fedora nho nhỏ trong các quả cầu thủy tinh. Chẳng phải vì tất cả đều thực như nhau, mà vì tất cả đều chỉ là giả định. Thành phố đá xám bao hàm những gì được chấp nhận là tất yếu khi nó vẫn chưa tất yếu; còn ở các thành phố nho nhỏ: những gì được hình dung là khả thể song một phút sau thì không khả thể nữa.

Thành phố và Ký hiệu • 3

Dọc đường bên ba đến một thành phố chưa biết đang chờ mình, lũ khách tự hỏi: rồi hoàng cung, doanh trại, tháp cối xay, nhà hát, phố chợ ở đó sẽ như thế nào? Trong mọi thành phố của đế chế, mỗi dinh thự đều khác nhau và được bố trí theo một trật tự khác biệt: song khi khách lạ vừa tới một thành phố chưa từng đặt chân và lia mắt giữa các tháp chùa, gác mái, vựa cỏ, dòng kênh quanh co, vườn rau, bãi rác, thì tức khắc phân biệt được đâu là cung điện của các ông hoàng, đâu là thánh thất của các vị cao tăng, đâu là quán trọ, nhà ngục, xóm nghèo. Thế là - có người nói - giả thuyết này được chứng thực: mỗi người mang trong tâm trí một thành phố được tạo nên chỉ bằng những khác biệt, một thành phố không định hình, chẳng cấu trúc, vậy nên các thành phố cá biệt tràn đầy trong đó.

Ở Zoe thì không thế. Tại mỗi chốn trong thành phố, người ta có thể luân phiên nhau: ngủ, chế tạo công cụ, nấu nướng, gom góp tiền vàng, thay quần áo, trị vì, buôn bán, coi bói. Một chóp tháp cũng có thể là mái che cho viện hủi hay hồ tắm thị tỳ. Lũ khách đi hết chỗ này đến

chỗ kia, thắc mắc hoàn thắc mắc: không thể phân biệt địa điểm nào là địa điểm nào trong thành phố, ngay cả những địa điểm đã được định tính trong tâm trí cũng lẫn vào nhau. Và rồi họ luận ra điều này: nếu tất cả mọi khoảnh khắc sinh tồn đều là toàn thể cuộc sinh tồn, thì Zoe là một chốn sinh tồn bất khả phân chia. Thế thì đâu là lý do tồn tại của thành phố? Đâu là đường ranh giữa cái trong với cái ngoài, tiếng rầm rầm xa luân với tiếng tru chó sói?

Thành phố Mông • 2

Bây giờ tôi kể về thành phố Zenobia, đáng chiêm ngưỡng vì điều này: mặc dù nằm trong vùng đất khô cứng, nó được dựng trên các hàng cột cao ngất ngều, nhà cửa làm bằng tre và kẽm, với vô số hành lang và ban công cao thấp khác nhau trên các chân trụ nhấp nhô, kết nối bằng thang và cầu treo, vượt cao hơn hết là chòi ngắm cảnh mái nón, bồn nước, chong-chóng-gió; và chĩa ra mọi phía là ròng rọc, cần cầu, cáp cầu.

Chẳng ai nhớ do nhu cầu hoặc mệnh lệnh hoặc ước vọng nào mà các nhà sáng lập Zenobia đã đề xuất cái cấu trúc này cho thành phố, nên không thể bảo rằng niềm thôi thúc đó đã được thỏa đáng trong cái thành phố như chúng ta trông thấy ngày nay, vốn có lẽ được phát triển với các công trình kế tiếp chồng lên cái ban đầu, và giờ đây nó quả là một họa đồ bí giải. Song có điều chắc chắn là ai cư ngụ ở Zenobia và được yêu cầu miêu tả cái nhìn của mình về một cuộc sống tươi đẹp, thì bao giờ họ cũng hình dung đến một thành phố như là Zenobia với cột nhà sàn và thang treo, một Zenobia có thể sẽ khác hẳn, phấp phới cờ hiệu và dải phướn, nhưng luôn luôn được chuyển

hóa từ việc phối hợp các nhân tố trong cái mô hình đầu tiên.

Nói thế, song vô hiệu khi tìm cách xếp Zenobia vào dạng thành phố hạnh phúc hay thành phố bất hạnh. Việc phân loại thành phố không ở hai dạng thức này mà ở hai dạng thức khác: những thành phố trải qua năm tháng và các biến đổi mang lại cấu trúc cho ước vọng, và những thành phố mà ở đó ước vọng, hoặc có thể xóa bỏ thành phố hoặc chính nó bị xóa bỏ.

Thành phố và Giao lưu • 1

Đi ngược gió Tây Bắc được tám mươi dặm, lũ khách đến thành phố Eufemia, nơi thương nhân từ bảy xứ đổ về vào mỗi chí và mỗi phân. Thuyền cập bến đổ gừng và bông lên bờ rồi lại căng buồm ra khơi, khoang chất đầy quả hồ trăn và hạt thuốc phiện; còn đoàn cửu vạn, sau khi dỡ xong các bao nhồi căng nhục đậu khấu và nho khô, thì nhét đầy các cuộn vải muxolin vàng óng vào túi thổ cho chuyến trở về. Thế nhưng người ta ngược dòng các con sông và băng qua sa mạc đến đây không chỉ để trao đổi các hàng hóa vốn lúc nào cũng đầy ở mọi ngôi chợ, trong hay ngoài lãnh thổ của Đại Hãn, la liệt dưới chân, cũng trên chiếc chiếu vàng, cũng đằng sau tấm màn treo cửa, cũng với một cái giá thách mà rao bán tháo. Bạn không đến Eufemia để mua bán không thôi, bạn còn đến để đêm đêm bên các đồng lửa khắp xung quanh chợ, ngồi trên bao, trên thùng, hoặc ngã người trên đồng thảm, trước mỗi từ ai đó buông ra - chẳng hạn: “chó sói”, “cô em gái”, “kho báu”, “chiến trận”, “mụn ghẻ”, “người tình” - thì mỗi người sẽ kể ra câu chuyện của mình, về chó sói, về cô em gái, về kho báu, về mụn ghẻ, về người tình, về

chiến trận. Và bạn biết rằng trong chuyến trở về dài phía trước - để không bị thiếp ngủ trong nhịp đong đưa của lạch đà hoặc thuyền mảnh, bạn bắt đầu hồi tưởng tất cả các kỷ niệm của mình, từng kỷ niệm một, con sói của bạn trở thành một con sói khác, cô em gái của bạn: một cô em gái khác, chiến trận của bạn: những chiến trận khác - từ Eufemia, thành phố nơi người ta giao lưu ký ức ở mỗi chỉ và mỗi phân.

... Chân ướt chân ráo tới nơi và hoàn toàn không biết các ngôn ngữ vùng Cận Đông, Marco Polo chỉ có thể bày tỏ mình bằng cách lôi ra mấy vật thể mang theo trong hành lý: chiếc trống, con cá muối, xâu chuỗi nanh lợn lòi, rồi chỉ trỏ vào chúng mà khoa chân múa tay, nhảy cẫng, thốt tiếng kêu sững sờ, giả tiếng hét kinh dị, nhại tiếng hú chó rừng, tiếng rúc chim lợn.

Mối liên kết giữa yếu tố này với yếu tố kia trong câu chuyện không phải lúc nào cũng rõ ràng với hoàng đế; mỗi vật thể có thể bao hàm nhiều nghĩa khác nhau: một bao đầy tên lúc thì để chỉ chiến tranh cận kề, lúc thì để chỉ lượng thú săn dồi dào, lúc thì để chỉ hiệu sửa chữa vũ khí; một đồng hồ cát có thể ngụ ý thời gian đang trôi, hoặc thời gian đã qua, hoặc cát, hoặc xưởng chế tạo đồng hồ cát.

Song đối với Hốt Tất Liệt, giá trị của mỗi sự kiện hoặc dữ liệu trong cuộc tường thuật của chàng báo cáo viên “ú ớ” chính là cái không gian vẫn còn bao quanh nó, một khoảng trống chưa bị ngôn từ chiếm ngự. Miêu tả của Marco Polo về các thành phố chàng đã tham quan có cái khả năng đặc biệt này: bạn có thể miên man suy tưởng trong đó, mất hút, dừng lại hít thở không khí trong lành, hoặc tháo chạy khỏi đó.

Theo thời gian, trong cuộc tường thuật của Marco Polo các vật thể và động tác dần dần được thay thế bằng

ngôn từ: đầu tiên là những thán từ, những danh từ đơn độc, những động từ cộc lốc, sau đó là những chuỗi câu, những diễn ngôn sum suê hoa mỹ, những ẩn dụ và tu từ. Chàng ngoại quốc đã học và nói được ngôn ngữ của hoàng đế, hoặc hoàng đế đã học và hiểu được ngôn ngữ của chàng ngoại quốc.

Tuy nhiên, có thể bảo rằng sự truyền thông giữa hai người không hẳn còn suôn sẻ như trước; chắc chắn ngôn từ sẽ phục vụ tốt hơn là vật thể và động tác khi liệt kê những điều quan trọng nhất ở mỗi địa phương và mỗi thành phố: đền đài, chợ búa, trang phục, hệ động vật và thực vật; vậy mà khi Marco Polo bắt đầu nói về đời sống ở những nơi đó diễn ra như thế nào, ngày này sang ngày nọ, tối này sang tối khác, thì ngôn từ thành ra ít ỏi, lần hồi chàng quay lại nhờ cậy vào động tác, nét cau mày, ánh mắt.

Thế là, về mỗi thành phố, sau khi các thông tin chính yếu đã được phát biểu qua các từ vựng chính xác, chàng kèm theo một dẫn-giải-câm, nâng lòng bàn tay lên, xòe ra đằng trước, đằng sau, hoặc xoay nghiêng, động tác thì thẳng hoặc chéo, giật nảy hay từ từ. Một kiểu đối thoại mới được thiết lập: đôi bàn tay trắng trẻo của Hốt Tất Liệt Đại Hãn, đeo dây nhẫn, trình trọng chuyển động đối đáp đôi bàn tay gân guốc và nhanh nhẹn của chàng thương gia. Cùng với sự hiểu nhau càng lúc càng tăng, đôi bàn

tay hai người bắt đầu đảm nhận những động tác ổn định, mỗi động tác tương ứng với một biến chuyển tâm trạng, luân phiên đáp lại nhau. Rồi trong lúc từ vụng về các sự vật được đổi mới trước các mẫu hàng hóa mới, cái danh mục dẫn-giải-câm có xu hướng đóng lại và cố định. Niềm vui sướng từ đó cũng giảm bớt trong cả hai; trong phần lớn thời gian của các cuộc hội thoại, họ nín thinh và bất động.

Hốt Tất Liệt nhận thấy rằng các thành phố của Marco Polo trông giống nhau, như thể sự di chuyển từ thành phố này sang thành phố kia không can dự đến cuộc hành trình mà là một sự trao đổi về thành phần. Giờ đây, với mỗi thành phố Marco Polo miêu tả, Đại Hãn hình dung theo cách của mình: tháo dỡ nó ra từng mảnh, xây dựng lại theo phương thức khác: thay thế, dời chuyển, đảo ngược các yếu tố.

Marco Polo trong khi đó tiếp tục tường trình chuyến đi của mình, song vị hoàng đế, không còn lắng nghe nữa, bèn ngắt lời chàng:

- Từ nay về sau, ta sẽ là người miêu tả các thành phố, còn anh sẽ là người kiểm chứng xem chúng có tồn tại và giống như ta nghĩ hay không. Ta bắt đầu bằng cách hỏi anh về một thành-phố-bạc-thang nằm phôi mình trong gió nồm châu Phi trên một bờ vịnh bán nguyệt. Giờ ta sẽ nói về vài kỳ quan của thành phố: một bồn thủy tinh cao như một vương cung thánh đường, để theo dõi đường bơi và đường bay của cá nuốt, để nghiệm ra những lời tiên tri; một cây cọ với tán lá réo rất tiếng đàn hạc khi trời nổi

gió; một quảng trường được viền quanh bởi chiếc bàn đá cẩm thạch hình móng ngựa với các loại thức ăn thức uống bằng đá cẩm thạch đã bày dọn sẵn trên tám khăn trải bàn cũng bằng đá cẩm thạch.

- Thưa ngài, ngài bị phân tâm rồi. Đây chính là cái thành phố tôi đang kể thì ngài ngắt lời tôi.

- Anh biết thành phố này à? Nó ở đâu? Tên nó là gì?

- Nó không có tên cũng chẳng có địa điểm. Tôi xin được lặp lại nguyên do vì sao mình đã miêu tả nó cho ngài nghe: trong số các thành phố tưởng tượng ra cần loại trừ những thành phố mà ở đó các thành phần của chúng cộng hưởng không theo một sợi chỉ quán xuyên, một quy tắc nội tại, một viễn cảnh, một diễn ngôn. Với thành phố, như với giấc mơ: bất kỳ điều gì trong cõi tưởng tượng đều có thể mơ thấy, nhưng ngay cả một giấc mơ không ngờ nhất cũng là một hình đồ giấu kín một dự vọng, hoặc mặt lộn trái của nó, một nỗi sợ. Thành phố, như những giấc mơ, được xây dựng bằng dự vọng và nỗi sợ, dù rằng mạch diễn ngôn của chúng là bí mật, quy tắc của chúng là phi lý, viễn cảnh của chúng là huyền ảo, và mỗi sự ẩn giấu một sự khác.

- Ta không ham muốn cũng chẳng sợ hãi - Đại Hân tuyên bố - những giấc mơ của ta hoặc là được tâm trí hoặc là được tính ngẫu nhiên hình thành.

- Thành phố cũng tin rằng chúng là tác phẩm của tâm trí hay của tính ngẫu nhiên, song cả tâm trí lẫn tính ngẫu nhiên đều không đủ để giữ vững thành trì của chúng. Về một thành phố, ngài không vui hưởng bảy hay bảy mươi bảy kỳ quan mà vui hưởng câu trả lời của nó cho câu hỏi của ngài.

- Hoặc cái câu hỏi nó nêu ra để buộc ta phải trả lời, giống như tại cửa thành Thebes qua miệng Nhân Sư.

Thành phố và Dục vọng • 5

Rời nơi đó sau sáu ngày bảy đêm, lũ khách tới Zobeide, thành phố trắng tinh, nằm giải mình dưới trăng, nơi đường phố quấn lấy nhau như một cuộn len. Tương truyền về sự sáng lập thành phố như sau: những người đàn ông ở nhiều quốc gia khác nhau có cùng một giấc mơ, họ thấy một người đàn bà khỏa thân tóc xõa ngang lưng trong đêm chạy khắp một thành phố lạ. Họ mơ thấy mình đuổi theo nàng. Nàng rẽ vào ngã này, đâm sang ngã kia, và họ đều lạc mất nàng. Sau giấc mơ, họ lên đường đi tìm thành phố ấy; họ không gặp thành phố mà gặp nhau; họ quyết định xây dựng một thành phố giống như thành phố trong giấc mơ. Khi vạch ra các tuyến đường phố, mỗi người tái lập cái lộ trình đuổi bắt của mình; tại nơi người đàn-bà-trốn-chạy mất dấu, khác với trong giấc mơ, họ sắp đặt không gian và những bức tường sao cho nàng không thể chạy thoát nữa.

Họ định cư ở thành phố Zobeide này, ngóng chờ một đêm nao cảnh ấy sẽ lặp lại. Thế mà không một ai, lúc ngủ hay lúc thức, còn gặp lại người đàn bà ấy nữa. Ngày lại ngày, những con đường của thành phố là những lối họ đi

làm, đã thôi không còn liên hệ gì đến cuộc săn đuổi trong mơ. Rằng mọi chuyện đã bị lãng quên từ lâu lắm rồi.

Những người đàn ông mới đến Zobeide từ những xứ sở khác, do cũng có cùng giấc mơ, nhận ra điều gì đó trên những con đường trong giấc mơ, bèn đổi vị trí những vòm cuốn và những bậc thang để chúng giống hơn với tuyến chạy của người đàn-bà-bị-săn-đuổi, và cũng để, tại nơi nàng mất dạng, sẽ không có lối thoát nữa.

Lớp người đầu đâm ra không hiểu điều gì đã quyến rũ lớp người sau đến ở Zobeide, cái thành phố quái quỷ, cái cạm bẫy này.

Thành phố và Ký hiệu • 4

Đối phó với những lần thay đổi ngôn ngữ ở các miền đất xa xôi, không lần nào như cái lần lần khách gặp ở thành phố Ipazia, bởi nó không can dự đến ngôn từ mà can dự đến sự vật. Tôi tới Ipazia vào một buổi sáng, khu vườn hoa mộc lan nằm soi bóng trên mặt vịnh xanh biếc. Lần qua bờ rào tôi định nhìn mình sẽ phát hiện những kiểu nữ xinh tươi đang tắm, thế mà dưới đáy nước, đàn cua đang gặm mắt của những người tự tử, cổ buộc đá tảng, tóc phủ râu xanh.

Cảm thấy bị dối lừa, tôi muốn đòi công lý với nhà vua. Tôi leo lên các bậc đá porphyry vào cung điện nơi những vòm mái cao hơn hết, băng qua sáu sân trong lát sành có đài phun nước. Khu vực chính giữa gian đại sảnh được chặn bằng rào sắt: đám người tù khổ sai, xiềng xích đen sì, đang cẩu từng khối đá bazan lên khỏi miệng hầm đục trong lòng đất.

Tôi chỉ còn cách đi hỏi các bậc hiền triết. Bước vào thư viện lớn, lạc giữa những kệ sách muốn sụp dưới các chồng sách bìa bọc da bê, tôi đi theo thứ tự chữ cái của những bảng chữ cái đã biến mất, băng qua các hành lang

và lên lên xuống xuống các thang bộ, thang leo. Ở chỗ khuất nhất, trong một thư phòng trữ các thảo bản giấy còi, giữa đám khói mù mịt: tôi phát hiện thấy cặp mắt đờ đẫn của một cậu thiếu niên đang nằm ẹp trên tấm thảm, miệng ngậm chặt tẩu thuốc phiện.

- Nhà hiền triết đâu rồi?

Chàng nghiên chỉ ra ngoài cửa sổ. Đó là một khu vườn với những đồ chơi trẻ con: bộ ky, cái đu, con quay. Nhà hiền triết ngồi trên bãi cỏ, mở miệng nói:

- Ký hiệu làm nên ngôn ngữ, song không phải thứ ngôn ngữ bạn tưởng bạn biết.

Tôi chợt hiểu, phải tự giải thoát khỏi các hình ảnh cho đến nay đã thông báo cho mình những điều mình đang tìm: chỉ như vậy mình mới có thể hiểu được ngôn ngữ của Ipazia.

Giờ đây chỉ cần nghe thấy tiếng ngựa hí và roi rít, là lòng tôi lại rộn rã chuyện yêu đương: ở Ipazia bạn phải đi vào các chuồng ngựa và sân dượt ngựa để ngắm những kiều nữ đùi trần bắt chân quăn xà cặp phóc lên yên, rồi khi một chàng trai xứ lạ vừa đến thì các cô ào tới đẩy chàng ta xuống một đụn rơm hoặc một đồng dăm bào, ép các núm vú căng mẩy lên người.

Và mỗi khi tâm hồn tôi không đòi hỏi một thứ dưỡng chất và một niềm kích gợi nào khác hơn là âm nhạc, thì

tôi biết mình nên tìm đến nghĩa trang, nơi có những nhạc công ẩn mình trong các ngôi mộ; từ lòng huyết này sang lòng huyết kia họ đối đáp nhau bằng những điệu sáo láy rền và hợp âm đàn hạc.

Tất nhiên, ngay cả ở Ipazia rồi cũng có cái ngày niềm ham muốn duy nhất của tôi là ra đi. Tôi biết mình không nên lặn xuống bến cảng mà phải leo lên đỉnh tháp cao nhất của ngôi thành cổ trên ngọn núi để ngóng chờ một con tàu ghé lên trên đó. Song liệu có bao giờ con tàu sẽ ghé lên? Không có thứ ngôn ngữ không đối lừa.

Thành phố Mỏng • 3

Armilla như thế là do bị bỏ dở hay đang bị phá sập? Đằng sau cảnh này là một niềm mê đắm hay chỉ là một cơn bốc đồng? Tôi không biết. Không bức tường nào, không tấm trần nào, không nền sàn nào, chẳng gì khiến Armilla trông giống một thành phố, trừ hệ thống ống nước, đâm thẳng từ nơi lẽ ra phải là nhà cửa, chẻ nhánh ở chỗ đáng ra phải là các tầng nhà: một rừng ống dẫn đến những rôbinê, vòi sen, phễu chờ, ống thoát. Trắng phau phau dưới bầu trời và nom như thể trái cây chín muộn còn đeo trên cành là những chậu rửa mặt hoặc bồn tắm hoặc một thứ thiết bị bằng sứ nào đó. Có thể bảo rằng toán thợ ống nước đã làm xong công việc và rời đi để nhường chỗ cho toán thợ nề; hoặc giả, các giàn ống, vô cùng bền, vẫn vững vàng sau thảm họa: một trận động đất hoặc cuộc gặm mòn của mối.

Bị bỏ bằng ngay từ đầu hoặc sau khi đã có người ở, song không thể bảo Armilla là hoang vắng. Vào bất cứ thời khắc nào, ngược mắt nhìn lên các giàn ống, không hiếm khi bạn bắt gặp một hoặc nhiều cô gái, vóc dáng nhỏ nhắn, mảnh mai, đang ngâm mình trong bồn tắm,

ngả đầu dưới vòi sen lơ lửng, kì cọ, lau người, xúc nước hoa, hoặc chải mái tóc dài trước gương. Lóng lánh dưới nắng trời là chùm sợi nước vòi sen, giọt nước rôbinê, tia nước phun, hạt nước tung tóe, bọt nước xối.

Tôi tự giải thích với mình như thế này: ở Armilla, chủ nhân của các dòng nước luôn chảy trong hệ thống ống dẫn vẫn là các nữ thần rừng núi và sông nước. Các nàng thường chu du cùng với mạch nước ngầm nên đã dễ dàng thâm nhập cái vương-quốc-nước mới, trào dâng từ vô số nguồn, tìm được gương soi mới, trò chơi mới, cách tận hưởng nước mới. Có thể cuộc chiếm lĩnh của các nàng đã đẩy con người ra khỏi đó, hoặc giả, con người đã xây dựng Armilla như một lễ vật để làm lành với các nàng, bị xúc phạm bởi người ta đã quá lạm dụng nguồn nước. Dù sao, giờ đây các thần nữ dường như đã hài lòng: sáng sáng, ta nghe văng vẳng tiếng các nàng ca hát.

Thành phố và Giao lưu • 2

Ở đại đô thị Cloe, khách đi đường không ai quen ai. Trông thấy nhau, họ tưởng tượng ngàn điều về nhau; những khả năng hẹn hò, tâm tình, tặng vật, âu yếm, cấu cắn. Vậy mà chẳng người nào chào người nào, những ánh mắt giao nhau một tích tắc rồi lẩn tránh nhau và tìm tới những ánh mắt khác, không ngừng.

Một cô gái đi qua, cán dù lắc lư xoay xoay trên vai, cặp hông tròn lẳn cũng đong đưa. Một người đàn bà đi qua, y phục đen tuyền, hằn vết tuổi tác, cặp mắt lão lia sau tấm mạng che, môi run run. Rồi một gã khổng lồ đầy hình xăm; một chàng trẻ tuổi tóc bạc sớm; một cô người-lùn; một cặp thiếu nữ song sinh mặc áo đỏ san hô. Có cái gì đó xẹt qua xẹt lại giữa họ, những tia mắt giao lưu như những tuyến kết nối hình bóng này với hình bóng kia, vẽ ra những mũi tên, những ngôi sao, những tam giác, để mà trong một khoảnh khắc mọi kiểu kết nối đều hoàn thành, rồi một số nhân vật khác nhập cuộc: một người mù dắt theo một con báo, một kỹ nữ phe phẩy chiếc quạt lông đà điểu, một cậu trai tơ, một cô nàng bốc lửa. Thế nên, những kẻ tình cờ cùng trú mưa dưới vòm hè phố,

hoặc chen nhau trong gian lều phố chợ, hay đứng chân lẳng nghe ban quân nhạc trên quảng trường, sẽ có dịp tận hưởng những cuộc gặp gỡ, quyến rũ, ôm ấp, truy hoan, mà không hề trao cho nhau một lời, mà không phớt chạm nhau dù chỉ một ngón tay, và hầu như không ngước mắt.

Những rung động phóng dật liên tục khuấy động Cloe, cái thành phố đoan trang nhất trong mọi thành phố. Khi đàn ông và đàn bà bắt đầu sống cái giấc mộng phù du của họ, mỗi ảo ảnh h lẫn sẽ trở nên một nhân vật để họ bắt đầu một câu chuyện đeo đuổi, giả vờ, hiểu nhầm, xung đột, trấn áp, và cái vòng đu phóng tưởng sẽ dừng lại.

Thành phố và Mắt • 1

Người xưa xây Valdrada trên một bờ hồ, nhà cửa toàn hiên là hiên, hiên này chồng lên hiên kia, và thành lan can của đường phố đôi nhìn xuống nước. Cho nên đến đây lũ khách sẽ thấy hai thành phố, một dựng đứng trên bờ, một lộn ngược dưới nước. Không điều gì tồn tại hoặc xảy ra ở Valdrada này mà không được lặp lại ở Valdrada kia, bởi thành phố được xây theo phương thức mỗi điểm sẽ được phản ánh trong tấm gương soi của nó, và Valdrada dưới nước không chỉ bao gồm tất cả các nếp gợn nhấp nhô của mặt tiền nhà cửa vươn cao trên hồ mà còn bao gồm nội thất phòng ốc, trần nhà, sàn nhà, phối cảnh hành lang, gương tử.

Cư dân Valdrada biết, mọi hành vi của mình vừa là hành vi ấy vừa là hình chiếu của nó, và hình chiếu đó mang cái chân giá trị đặc trưng của hình ảnh, và nhận thức này không cho phép họ bất cứ lúc nào được buông thả mình trong tình cờ và xao lãng. Ngay cả những người tình lúc quán quýt thân thể trần truồng, da liền da thịt liền thịt, tìm tư thế đón nhận nhiều khoái lạc nhất từ nhau; ngay cả kẻ sát nhân lúc thọc mũi dao vào một tĩnh

mạch cổ và máu đặc quánh trào ra mạnh hơn khi lưỡi thép lút sâu hơn và trượt giữa các sợi gân, thì hành động giao cấu ấy hoặc giết chóc ấy cũng không can dự bằng hình ảnh giao cấu hoặc giết chóc rõ rệt và sắc lạnh trong gương.

Giá trị của sự việc qua tấm gương lúc thì được tăng thêm lúc thì bị phủ nhận. Không phải toàn bộ những gì được coi là có giá trị bên trên tấm gương đều còn nguyên khi soi chiếu. Cặp thành phố sinh đôi không như nhau, bởi không gì tồn tại hoặc xảy ra ở Valdrada là đối xứng: với mỗi diện mạo và hành vi, tấm gương sẽ đáp ứng bằng một diện mạo hoặc một hành vi nghịch đảo, từng điểm một. Cặp thành phố Valdrada sống vì nhau, mãi mãi mất trong mắt, song không yêu nhau.

Nằm mơ thấy một thành phố, Đại Hãn miêu tả với Marco Polo:

- Bến cảng nằm xoay lên hướng Bắc, rợp bóng râm. Cầu tàu nhô cao trên mặt lớp sóng đen ngòm vỗ vào bờ kè; các bậc đá dẫn xuống đây rong rêu trơn trượt. Bên cột neo, những con thuyền trát hắc ín nằm chờ hành khách còn nấn ná trên bến để từ giã người thân. Buổi biệt ly diễn ra trong im lặng nhưng đầy nước mắt. Trời lạnh; mọi người đều trùm khăn lên đầu. Có tiếng người lái thuyền hối thúc kẻ chậm trễ; lũ khách áp người vào đuôi thuyền đang dần dần tách bến, nhìn về phía đám người ở lại; từ trên bờ, khuôn mặt kẻ ra đi nhòa dần; mây mù buông; thuyền cập vào bên hông con tàu lớn đang nhổ neo; một bóng người nhỏ xíu trèo lên chiếc thang và mất dạng; sợi xích han gỉ chạy qua lỗ dây neo kêu rào rào. Từ bên trên kè đá, đoàn người ở lại dõi nhìn cho đến khi con tàu vòng qua mũi vịnh, thì vẫy vẫy chiếc khăn trắng lần cuối.

- Anh hãy lên đường thăm dò mọi bờ vịnh và tìm ra thành phố này - Đại Hãn bảo Marco Polo - rồi trở về thuật lại xem giấc mơ của ta có tương ứng với hiện thực hay không.

- Chắc chắn sớm muộn gì tôi cũng sẽ lên thuyền từ con đê chắn sóng ấy - Marco Polo đáp lời - song xin ngài thứ lỗi, tôi sẽ không trở về để tường trình, Thành phố này

tồn tại và cứu mang một bí mật đơn giản: chỉ biết sự ra đi
chứ không biết sự trở về.

Miệng ngậm tẩu thuốc bằng hồ phách, chòm râu xòe ra trên phiến che cổ nạm thạch anh tím, hai ngón chân cái ngo ngoáy bút rút trong đôi dép lụa, Hốt Tất Liệt lắng nghe Marco Polo tường trình mà hàng mi vẫn khép. Có những buổi tối, màn sương sâu muện trùm phủ tâm tư vị hoàng đế.

- Các thành phố anh kể không tồn tại. Có lẽ chúng chưa từng tồn tại. Chắc chắn chúng sẽ không bao giờ tồn tại. Sao anh lại tìm vui thú trong những câu chuyện cổ tích nguôi ngoai này? Ta biết hết, đế chế của ta đang mục rữa như một xác chết trong đầm lầy, lũ quạ rút xé sẽ truyền lan dịch bệnh và nước nhầy sẽ tưới bón cho lùm tre vươn cao. Đây anh chàng ngoại quốc! Sao anh không kể về điều đó? Sao anh lại nói dối Hoàng đế Mông Cổ?

Marco Polo biết chiều theo tâm trạng ảm đạm của nhà vua.

- Vâng, đế chế đã lâm bệnh, và tệ hại hơn cả, tìm cách thích ứng với sự mừng mủ. Mục đích các chuyến thám hiểm của tôi là rà soát những vết tích hạnh phúc

còn vương lại để mà đo lường nỗi thiếu thốn hạnh phúc. Nếu muốn biết bóng tối xung quanh dày đặc thế nào, ta phải xoáy ánh mắt vào đốm ánh sáng yếu ớt đằng xa.

Ngược lại, đôi lúc, khi niềm hưng phấn dạt dào trong lòng, Đại Hãn bật dậy từ đống gối đệm, sai những bước dài vượt qua tấm thảm trải dưới chân bên luống hoa, phóng con mắt chói ngời từ lan can sân thượng thống lĩnh sự rộng mở của khu vườn cung điện tỏa sáng dưới ánh đèn lồng treo trên các cây hương.

- Ta vẫn biết - Đại Hãn nói - đế chế của ta được hình thành từ những tinh thể, các phân tử của nó tập hợp theo một mô thức hoàn hảo. Các nguyên tố nấu sôi nhảy múa tạo hình cho một viên kim cương chói lọi và cực rắn, một chóp núi hùng vĩ lấp lánh đa diện và trong suốt. Sao các ấn tượng du hành của anh chỉ dừng lại ở vẻ bề ngoài vô vọng mà không thu chụp cái quá trình không thể cản ngăn này? Sao anh cứ lần lữa trong một niềm sâu muộn không thực chất? Sao anh lại che giấu vận mệnh huy hoàng của nó với hoàng đế?

Marco Polo đáp lại:

- Thưa ngài, trong biểu trưng của ngài, thành phố tự tại và chung cuộc sừng sững vòng tường thành không tì vết, ấy là nhờ tôi đã khai quang cho nó bằng cách thu dọn tro tàn của các thành phố khả thể khác đã biến mất và sẽ mãi mãi không thể tái dựng cũng như ghi nhớ. Chỉ khi

biết được dư lượng của cái nổi bất hạnh mà không loại đá quý nào có thể bù trừ được, ta mới tính được lượng ca-ra chính xác phải đạt tới của viên kim cương chung cuộc, bằng không thì công trình đã bị tính nhầm ngay từ đầu.

Thành phố và Ký Hiệu • 5

Không ai biết rõ hơn ngài, thưa hoàng đế anh minh, rằng đừng bao giờ lẫn lộn thành phố với diễn ngôn miêu tả nó. Tuy nhiên giữa chúng lại có mối tương quan. Nếu muốn hàm ý sự phồn vinh khi nói về Olivia, thành phố dồi dào sản vật và lợi nhuận, tôi không có cách nào khác là miêu tả những cung điện chạm khắc tinh xảo với gối đệm viên tua lót trên bệ cửa-sổ-vòm-cột; những vòi phun nước bên hàng hiên đang tưới bãi cỏ nơi con công trắng xòe đuôi múa. Song từ diễn ngôn này hẳn ngài cùng lúc nhận ra ngay Olivia đang bị đám mây bồ hóng và dầu mỡ nhớp nháp bao phủ tường vách nhà cửa; trên đường phố chen chúc, những đoàn xe goòng dồn ép người đi bộ dúi dụi vào tường thành. Nếu cần tường trình với ngài về độ cần cù của cư dân, tôi sẽ nhắc đến các xưởng đóng yên ngựa nồng nặc mùi da thú, những người đàn bà vừa dệt thảm cọ vừa tán gẫu, những guồng nước chuyển động cánh cối xay; song hình ảnh mà những lời miêu tả này gợi lên trong lương tri khai sáng của ngài lại là cái động tác truyền chuyển động từ trực tâm lên các bánh răng lặp đi lặp lại ngàn vạn lần bởi ngàn vạn bàn tay của các đội phu.

Nếu cần giải thích về thân thái của Olivia khi hướng tới một cuộc sống tự do và một nền văn minh tao nhã, tôi sẽ kể về những cô gái đêm đêm ca hát trên những chiếc thuyền sáng rỡ lướt giữa đôi bờ một cửa sông xanh biếc; song đó chỉ là để nhắc nhở ngài rằng, ở các khu phố ngoại ô, mỗi tối, đàn ông và đàn bà, như đoàn người mộng du, nối gót nhau bước xuống thuyền, trong bóng tối luôn có một ai đó cười phá lên, để rồi tuôn tràn những lời bông đùa và châm chọc.

Có lẽ ngài chưa biết điều này: để kể về Olivia tôi không thể nêu lên diễn ngôn khác. Nếu thực sự có một Olivia của cửa-sổ-vòm-cột và con công, của thợ đóng yên ngựa và thợ dệt thảm, của những con thuyền nơi cửa sông, hẳn đó là một miệng hố khôn khổ, đen kịt ruồi, và để miêu tả nó, tôi sẽ phải viện đến những ẩn dụ về bồ hóng, về tiếng rít bánh xe, về những động tác lặp đi lặp lại, về những lời châm chọc. Sự dối lừa không nằm trong diễn ngôn, mà nằm trong sự vật.

Thành phố Mỏng • 4

Thành phố Sofronia được hợp thành từ bởi hai nửa thành phố. Một có dàn tàu lượn khổng lồ đâm lên bổ xuống, trạm đu quay tỏa tia dây xích, vòng lồng đu xoay chong chóng, giếng tử thần mô tô bay ì ầm những chú tài đầu lộn ngược, vòm lều rạp xiếc với tốp diễn viên đu tung người lủng lẳng trên không. Một được xây bằng đá cuội, cẩm thạch, và xi măng, có ngân hàng, công xưởng, dinh thự, lò mổ, trường học và mọi thứ khác. Một trong hai nửa ở tình trạng cố định, nửa kia ở tình trạng tạm bợ, khi thời gian lưu lại đã kết thúc thì bị nhổ đinh ốc, tháo dỡ và chở đi để cấy ghép vào những khu đất trống của nửa cố định.

Cho nên hằng năm sẽ đến cái ngày có những toán phu dọn đường đi cạy trần tường cẩm thạch, hạ các bức tường đá, cột xi măng, tháo dỡ trụ sở hành chính, tượng đài, sàn bến tàu, máy lọc dầu, nhà thương, tải chúng lên những toa xe goòng di chuyển từ quảng trường này sang quảng trường kia theo lộ trình hằng năm. Thế là còn lại cái nửa Sofronia của các trò bắn súng, kéo quân, và tiếng thét rơi lơ lửng từ toa tàu lộn ngược trên giàn ray: nó bắt

đầu đếm xem mình còn phải chờ bao nhiêu tháng bao nhiêu ngày nữa thì đoàn cứu vạn mới trở lại, và cuộc sống trọn vẹn lại bắt đầu.

Thành phố và Giao lưu • 3

Đi vào miền đất có thủ phủ là Eutropia, lũ khách thấy không phải một mà nhiều thành phố, cùng quy mô và không khác nhau, rải ra trên một cao nguyên bao la trập trùng. Eutropia không là một mà là toàn thể các thành phố này; cư dân chỉ ở trong một thành phố, còn các thành phố khác để trống, và tình trạng này được luân phiên. Giờ tôi sẽ kể việc ấy là như thế nào. Vào cái ngày mà cư dân Eutropia cảm thấy quá mệt mỏi, không ai còn chịu nổi nghề nghiệp mình làm, cha mẹ, nhà cửa, cuộc sống, nợ nần, kẻ mình phải chào hoặc kẻ phải chào mình, ngày ấy toàn thể mọi người sẽ quyết định rời sang cái thành phố đang chờ mình gần đấy, trống không và như mới, nơi mỗi người sẽ làm một nghề khác, lấy một cô vợ khác, mục kích một cảnh quan khác khi mở cửa sổ, trải qua buổi tối với những trò giải trí khác, những tình bạn khác, những lời cạnh khỏe khác. Thế là cuộc sống của họ tự đổi mới từ chuyển dọn nhà này sang chuyển dọn nhà kia, giữa những thành phố mà về cách bố trí, con dốc, mạch nước, hoặc làn gió, mỗi thứ, sẽ hiện ra với những khác biệt nào đó so với các thành phố trước. Là cái xã hội

trật tự và không có những cách biệt lớn về của cải và uy quyền, nên sự chuyển dời từ một chức năng này sang một chức năng khác diễn ra hầu như không gây xáo trộn, sự đa dạng được bảo đảm bởi vô số trọng trách để trong khoảng thời gian một đời người hiếm khi có ai quay về với một ngành nghề mình đã làm.

Cho nên, thành phố lặp lại cái cuộc sống y như nhau của nó, di lên dời xuống trên những ô cờ trống. Cư dân trở về để xướng lên cũng những cảnh diễn ấy với các diễn viên đã được thay thế; thể hiện lại cũng những lời thoại ấy với những nhấn nhá được kết hợp một cách đa dạng; luân phiên há miệng ngáp giống hệt nhau. Eutropia, thành phố đơn độc giữa tất cả các thành phố của đế chế, mãi mãi tiếp tục y như chính nó. Méc-cuya, vị thần của sự biến thiên mà thành phố tôn kính, đã ban cho nó cái phép lạ khó hiểu này.

Thành phố và Mắt • 2

Tâm trạng của người nhìn sẽ trao cấu trúc cho thành phố Zemrude. Nếu băng ngang qua đó, mũi hếch ngược hứng chí huyết sáo, ngài sẽ biết thành phố từ dưới lên trên: ngưỡng cửa sổ, màn cửa lộng gió, đài phun nước. Nếu lên bước trong đó, mặt cúi gầm, móng tay bấm chặt lòng bàn tay, ánh mắt rà đất của ngài sẽ vương mắc nào là mương nước, nắp cống, mẩu xương cá, mảnh giấy vụn. Ngài không thể bảo vệ này của thành phố là thật hơn vẻ kia, song về Zemrude từ-dưới-lên-trên, ngài sẽ nghe kể, đặc biệt là từ kẻ hồi tưởng nó khi đang nằm sâu trong Zemrude từ-trên-xuống-dưới, câu chuyện ngày ngày đi qua cũng những đoạn đường ấy, và sáng sáng gặp lại cái nổi bực dọc của ngày hôm trước đã kết tủa dưới chân một bức tường. Với tất cả, sớm muộn gì cũng sẽ tới cái ngày mỗi người chúng ta hạ ánh mắt dõi theo các ống máng và không thể rời khỏi cái vỉa đường lát đá nữa. Không loại trừ trường hợp ngược lại, song cực hiếm: vậy nên chúng ta tiếp tục đi loanh quanh trên đường phố Zemrude, cặp mắt giờ đây đã xoáy xuống bên dưới các tầng hầm, nền móng, lỗ giếng.

Thành phố và cái Tên • 1

Thưa ngài, tôi khó có thể kể gì hơn về thành phố Aglaura ngoài những điều mà bản thân cư dân nơi đây xưa nay nhắc đi nhắc lại: một loạt ưu điểm ai cũng biết, tương đương với một loạt khuyết điểm ai cũng biết, dăm ba tính cách lập dị, vài kiểu tôn trọng kiên chấp về phép tắc. Các nhà quan sát cổ đại, không có lý do gì để bị coi là không chân thực, quy cho Aglaura hàng loạt phẩm chất trường tồn, chắc chắn sánh ngang với các thành phố khác cùng thời. Có lẽ cả Aglaura-được-kể-lại lẫn Aglaura-được-mục-kích đã không thay đổi gì nhiều kể từ đấy, song những gì từng là lập dị nay đã là bình thường, những gì từng được coi là chuẩn tắc nay đã trở nên lạ lẫm; cốt cách tự trọng trước ưu điểm và khuyết điểm đã bị mai một hoặc hoen ố trong một cuộc thỏa thuận phân định lại ưu điểm và khuyết điểm theo cách khác. Theo nghĩa này, chẳng có gì người ta kể về Aglaura là thực. Tuy nhiên, một hình ảnh vững chắc và nhất quán về thành phố vẫn được quy ra, trong lúc những phán xét có thể suy ra từ chỗ này chỗ kia khi sống ở đó thì chẳng mấy thực chất. Hệ quả là thành phố qua lời kể có rất nhiều những thứ nó

cần để tồn tại, còn thành phố đang hiện diện chính nơi này thì lại kém tồn tại.

Thật vậy, nếu muốn miêu tả Aglaura dựa trên những gì đích thân mình mục kích và trải nghiệm, tôi sẽ bảo đó là một thành phố bị phôi pha, không cá tính, tình cờ được xây dựng tại đó. Nhưng điều này hẳn cũng chẳng xác thực: vào một thời khắc nhất định, ở một khúc đường nhất định, ngài sẽ thấy mở ra trước ngài dấu vết của một cái gì đó không thể nhầm lẫn, hiếm quý, thậm chí tráng lệ; ngài sẽ rất muốn nói đó là gì, song tất cả những điều nghe kể từ xưa đến nay về Aglaura đã cầm giữ ngôn từ lại, thế là thay vì phát ngôn ngài buộc phải tái phát ngôn.

Cho nên, người dân Aglaura lúc nào cũng tin rằng mình cư ngụ trong một Aglaura mọc lên chỉ trên cái tên Aglaura, chứ không nhận ra một Aglaura mọc lên từ mặt đất. Ngay cả tôi, kẻ mong giữ trong ký ức mình hai thành phố khác biệt, cũng chỉ có cách là kể với ngài về một, bởi ký ức về cái kia, do thiếu vắng ngôn từ để định hình nó, đã bị thất thoát.

- Từ giờ trở đi, ta sẽ miêu tả các thành phố. - Đại Hãn nói
- Còn anh sẽ kiểm chứng xem trong các chuyến đi của mình chúng có tồn tại hay không.

Nhưng các thành phố Marco Polo đã tham quan lúc nào cũng khác với các thành phố trong suy tưởng của vị hoàng đế.

- Ta đã kiến tạo sẵn trong tâm trí mình một mẫu hình thành phố để từ đó có thể suy ra mọi thành phố khả thể. - Hốt Tất Liệt cho biết - Nó bao gồm tất cả mọi điều đáp ứng với chuẩn tắc. Vì rằng trong chừng mực khác nhau các thành-phố-tồn-tại đều đang xa rời chuẩn tắc, nên ta chỉ cần xác định được các biệt chuẩn, rồi tính ra các tổ hợp có xác suất xảy ra cao nhất.

- Tôi cũng thế, đã ngẫm nghĩ về một mẫu hình thành phố để từ đó mình có thể suy ra tất cả các thành phố khác. - Marco Polo trả lời - Đó là một thành phố được hình thành thuần bằng ngoại lệ, loại trừ, mâu thuẫn, bất cập, trái nghĩa. Một thành phố khó có xác suất xảy ra như thế nếu được giảm số lượng các yếu tố phi chuẩn, thì xác suất về cái thành phố tồn-tại-thực sẽ gia tăng. Vậy thì chỉ cần loại trừ các ngoại lệ ra khỏi mẫu hình của mình, rồi tiếp tục bằng bất cứ quy trình nào, tôi cũng sẽ gặp một trong những thành phố, dù luôn luôn trong tư cách ngoại lệ, đang tồn tại. Song tôi không thể đẩy phép tính của mình vượt quá một giới hạn nhất định: vì tôi sẽ đạt

tới những thành phố có xác suất xảy ra quá cao để mà là thực.

Từ trên cao thành lan can cung điện, Đại Hãn ngắm nhìn sự bành trướng của đế chế. Trước hết là đường biên giới mở rộng sáp nhập các lãnh thổ đã chinh phục được, song các đạo quân lại phải thôn tính cả những vùng bán sa mạc, những ngôi làng mái rơm vách đất lụp xụp, những chốn đầm lầy nơi cây lúa còi cọc, dân chúng hốc hác, sông ngòi khô cạn, lau sậy rậm rạp. “Đế chế của ta đã tăng trưởng quá hướng-ngoại...” - Đại Hãn nghĩ - “... giờ đến lúc nó khởi sự tăng trưởng hướng-nội,” và mơ màng đến những khu vườn lựu chín vàng nứt vỏ, những xiên thịt bò u nướng sém nhỏ mỡ, những mạch kim loại nổi vân dưới lớp đất lở lấp lánh quặng.

Nhiều vụ mùa dồi dào nay đã chất đầy các kho thóc. Những dòng sông cuộn cuộn nước đưa rầm xà từ rừng sâu về đỡ các tầng mái bằng đồng của đền thờ và cung điện. Những dòng nô lệ truồn uốn trên khắp lục địa dời chuyển hàng núi cẩm thạch. Đại Hãn suy nghiệm về một đế chế phủ kín bởi các thành phố, trĩu nặng lên mặt đất và con người, chặt cứng của cải và giao thông, thừa mứa trang sức và phận sự, rối rắm cơ chế và thứ bậc, sưng

húp, căng thẳng, nặng nhọc.

“Đế chế đang bị đè bẹp bởi chính sức nặng của nó.” – Hốt Tất Liệt nghĩ, và trong giấc mơ của vị hoàng đế giờ đây xuất hiện những thành phố nhẹ như điều, những thành phố thưa thoáng như đăng ten, những thành phố trắng trong như màn ngủ, những thành phố gân guốc như lá, những thành phố rõ đường chỉ tay, những thành phố chạm lộng để ngấm xuyên qua được cái độ dày trong mờ kỳ ảo của nó.

– Ta sẽ kể cho anh nghe điều ta nằm mơ đêm qua. – Hoàng đế nói với Marco Polo – Lạc vào một vùng đất đỏ bằng phẳng, lác đác thiên thạch và đá tảng, ta thấy đâm lên từ đằng xa những ngọn tháp của một thành phố, đỉnh thon nhọn, bố trí sao cho Nàng Trăng trong chuyến bay của mình có thể đậu lại, lúc thì ở tháp này, lúc thì ở tháp kia, hoặc lơ lửng du đưa trên dây cáp cần cầu.

– Thành phố ngài nằm mơ – Marco Polo nói – chính là Lalage. Cư dân nơi đây giăng mắc những lời mời này trên bầu trời đêm để Nàng Trăng đậu lại và ban cho thành phố khả năng tăng trưởng và tái tăng trưởng bất tận.

– Anh cũng cần cảm nhận điều này. – Đại Hãn nói thêm – Biết ơn Nàng Trăng đã trao cho thành phố Lalage một đặc ân vô cùng quý hiếm: tăng trưởng mà nhẹ nhõm.

Thành phố Mỏng • 5

Vâng, ngài đã có ý tin tôi. Vậy giờ tôi kể về cái cách mà thành-phố-mạng-nhện Ottavia được hình thành. Có một vực thẳm giữa hai vách núi dốc đứng: thành phố nằm trên không, chằng vào hai mỏm bằng dây chằng, dây xích, và cầu treo. Người ta đi trên các thanh cầu gỗ, chú ý không để chân bị lọt vào khoảng hở, hoặc đu bám vào các sợi dây bện gai dầu. Hàng trăm mét dưới đó là trống không, chỉ có vài đám mây bay; và sâu hun hút dưới cùng thấp thoáng đáy khe núi.

Nền tảng của thành phố là đây: một lưới mạng để lưu thông và neo đỗ. Mọi thứ còn lại không đâm lên mà thông xuống: thang dây, võng, lều vải, giá mắc quần áo, sân-thượng-bay, túi da đựng nước, mỏ hàn khí, vỉ nướng thịt, giỏ lưng, thang nâng, vòi sen, xích đu, vòng đu, cáp treo, đèn chùm, chậu cây leo.

Lơ lửng trên vực thẳm, cuộc sống của cư dân Ottavia ít chênh vênh hơn là cuộc sống của cư dân ở các thành phố khác. Họ biết, nhiều hơn thế, lưới mạng này không cồng đáng mãi được.

Thành phố và Giao lưu • 4

Ở Ersilia, để xác lập các mối liên quan tổ chức nên đời sống của thành phố, cư dân, tùy vào trường hợp, sẽ căng những sợi dây trắng, đen, xám, hoặc trắng-đen từ góc cạnh nhà này sang góc cạnh nhà kia để đánh dấu tính chất các quan hệ: thân quyến, kinh doanh, hành chính, đại diện. Khi các mối dây đã chằng chịt đến mức không ai có thể luồn qua, thì họ rời đi: nhà cửa được tháo dỡ; chỉ còn lại dây chằng và mối buộc.

Từ trên sườn núi, hạ trại xong với đồ đạc linh kinh, đoàn người Ersilia tị nạn ngấm nhìn mớ mê cung dây chằng và cột đỡ trên dải đồng bằng. Thành phố Ersilia vẫn đấy, vậy mà họ chẳng là gì.

Họ tái thiết Ersilia ở nơi khác. Họ đan kết các mối dây theo một mẫu hình tương tự, ước mong mẫu hình này sẽ phức hợp hơn, và cùng lúc, hợp thức hơn mẫu hình trước. Rồi họ lại bỏ hoang thành phố và di chuyển nhà cửa cùng với mình ra xa hơn.

Cho nên, khi du hành trong lãnh thổ Ersilia, ngài sẽ bắt gặp cảnh điêu tàn của những thành phố bị bỏ hoang, không tường vách, là thứ chẳng thể đứng mãi, cũng

không những bộ xương khô lẫn lông lốc theo cơn gió, chỉ còn đó những mạng quan hệ mê cung đang tìm kiếm một cấu trúc.

Thành phố và Mắt • 3

Sau bảy ngày băng rừng lội suối, lũ khách đặt chân đến Bauci mà vẫn không thể trông thấy thành phố này. Những cây-cột-cà-kheo khẳng khiu vươn lên từ mặt đất, cột này cách cột kia một khoảng xa, rồi mắt hút trong những đám mây nâng nó. Người ta trèo lên thành phố qua những đợt cầu thang. Cư dân nơi đây hiếm khi xuất hiện dưới mặt đất: họ có đủ mọi thứ cần thiết trên đó nên chẳng màng leo xuống. Không gì thuộc thành phố chạm mặt đất, trừ các cẳng-chân-chim-hồng-hạc cao kêu làm cột trụ, và trong những ngày nắng soi rục rỡ, một cái bóng trở ngắn, xiêu góc, ngã in trên cây lá.

Ba giả thuyết về cư dân Bauci được hình thành: rằng họ ghét bỏ Quả Đất; rằng họ kính trọng Quả Đất đến mức tránh đụng chạm tới nó; rằng họ yêu thương Quả Đất như nó từng là trước khi họ hiện hữu, thế rồi, bằng ống nhòm và ống kính viễn vọng, họ duyệt xem Quả Đất không biết mệt, từng chiếc lá, từng hòn sỏi, từng con kiến, đắm say chiêm ngắm chính cái sự vắng mặt của mình.

Thành phố và cái Tên • 2

Thành phố Leandra được phò trợ bởi các vị thần thuộc hai dòng. Các ngài đều nhỏ bé đến mức ta không thể trông thấy, và đông đúc đến độ ta không thể đếm xuể. Một dòng các vị thần chốt ở bên trong cửa ra vào, cạnh cây móc áo, bình cắm dùi; họ theo chân các gia đình trong những lần dọn nhà, và đóng tại nhà mới ngay từ lúc các gia đình này được giao chìa khóa. Còn dòng các vị thần kia thì chốt ở trong bếp, thích ẩn dưới nồi niêu xoong chảo, chụp lò sưởi, hoặc trong ngăn đựng chổi: họ là một thành phần của ngôi nhà, và khi gia đình sống ở đó rời đi họ vẫn ở lại với người cư ngụ mới; cũng có thể họ đã ở đó rồi khi ngôi nhà chưa xây, dưới đám cỏ dại trong lô đất xây dựng, giấu mình trong một ống lon gỉ sét; nếu ngôi nhà bị giật sập và rồi tại đó một chung cư năm mươi hộ dân được dựng lên, thì sự hiện diện của họ tăng gấp bội, trong bếp tất cả các căn hộ. Để phân biệt, người ta gọi các vị thần này là Penati và các vị thần kia là Lari.

Trong một ngôi nhà, các thần Lari và các thần Penati không nhất thiết chỉ ở trong phạm vi dòng của mình, mà lui tới nhau, dạo chơi cùng nhau trên gờ tường trát vữa,

trên ống lò sưởi, bình luận với nhau về các sự cố trong gia đình, họ rất dễ cãi cọ nhau, song cũng có thể đồng ý với nhau tháng này qua năm khác; nhìn họ nối đuôi nhau, ta không biết vị nào là thần nào. Các thần Lari trên tường nhà mình chạm trán với các thần Penati có tập quán và gốc gác rất khác nhau từ nhiều nơi đến; còn các thần Penati thì chen lấn với các thần Lari đạo mạo của các tòa nhà xưa lừng danh nay đã đổ nát, hoặc là với các Lari mặc cảm và đa nghi của những túp nhà tôn tồi tàn.

Bản chất đích thực của Leandra là chủ đề của một cuộc thảo luận không dứt. Các thần Penati tin rằng mình chính là linh hồn của thành phố, ngay cả khi họ chỉ mới đến đây vào năm ngoái, họ tin rằng khi di cư đến mình đã mang theo Leandra. Còn các thần Lari thì coi các thần Penati chỉ là khách tạm thời, rầy rà, xâm lấn; và coi Leandra của mình mới là Leandra đích thực, vốn mang lại cấu trúc cho mọi thứ trong đó, một Leandra đã có ở đấy, trước khi các vị xâm lấn kia kéo đến và sẽ mãi còn đấy khi tất cả biến đi.

Có điều này chung cho cả hai: lúc nào họ cũng sẵn những phê phán về mọi sự xảy ra trong gia đình và trong thành phố, các thần Penati thì bối chuyện người già, các cụ cố, các bà cô, bà bác, bà dì, tình hình gia đình khi xưa; các thần Lari thì than vãn về môi trường xung quanh trước khi nó bị hủy hoại. Song không nhất thiết họ chỉ

sống vì ký ức, họ cũng mơ mộng về những dự án lập nghiệp mà khi khôn lớn đám trẻ sẽ thực hiện (các thần Penati); về viễn cảnh của ngôi nhà đó hoặc khu phố đó nếu nằm trong tay người tốt (các thần Lari). Lẳng tai nghe chuyện trong nhà ở Leandra, đặc biệt là về đêm, ngài sẽ nghe thấy tiếng thủ thủ rù rì, đàng hăng, giễu cợt, khụt khịt, khúc kha khúc khích.

Thành phố và Kẻ đã khuất • 1

Ở Melania, mỗi lần bước vào quảng trường là lũ khách thấy mình lọt vào giữa một cuộc đối thoại: chàng lính ba hoa chích chòe và tay ma cô vừa bước ra khỏi cửa thì gặp cậu công tử hoang toàng bên cô gái làng chơi; hoặc một ông bố keo kiệt từ ngưỡng cửa đang buông với ra lời đe nẹt cô con gái đa tình và bị cắt ngang bởi anh đầy tớ ngốc nghếch chạy mang tin nhắn cho mụ tú bà. Trở lại Melania sau nhiều năm, lũ khách lại lọt vào cũng cuộc đối thoại ấy vốn vẫn tiếp diễn; song trong lúc tay ma cô, mụ tú bà, và ông bố keo kiệt đã qua đời, thì chỗ của chàng lính ba hoa chích chòe, cô con gái đa tình, và anh đầy tớ ngốc nghếch nay được thay thế bằng kẻ giả dối, người tâm phúc, và nhà chiêm tinh.

Dân số Melania tái tạo bằng cách: cứ mỗi lượt lia đời của kẻ tham gia cuộc đối thoại thì có lượt mở mắt chào đời của kẻ rồi sẽ đến thay chỗ, người vào vai này người vào vai kia. Khi có ai đó đổi vai, từ biệt hoặc bước vào quảng trường lần đầu, thì một loạt thay đổi dây chuyền sẽ nảy sinh cho đến lúc tất cả các vai được phân hết; trong khi đó, cô hầu hóm hỉnh tiếp tục đáp trả lão già câu

kinh, tay cho vay nặng lãi vẫn bám sát cậu công tử túng quần, chị vú em luôn miệng dỗ dành cô bé con ngoại hôn, ngay cả khi chẳng ai trong họ còn giữ ánh mắt và giọng nói đã thể hiện trong cảnh trước.

Đôi khi xảy ra sự thể chỉ một người đối thoại mà đồng thời giữ hai hoặc nhiều vai: bạo chúa, ân nhân, sứ giả; hoặc một vai sinh đôi, nhân lên, giao cho hàng trăm hàng ngàn cư dân Melania: ba ngàn cho người giả dối, ba mươi ngàn cho kẻ chiếm đoạt, một trăm ngàn cho các hoàng tử ẩn ngòi trong dân đã đang chờ được nhìn nhận.

Thời gian trôi qua, các vai cũng không còn chính xác như trước kia; chắc hẳn hành vi thúc đẩy câu chuyện thông qua những tình tiết và diễn biến bất ngờ đang dần tiến đến hồi kết nào đó, ngay cả khi đường dây dẫn dắt dường như ngày càng quấn rối lấy nhau và chướng ngại ngày càng gia tăng. Ai nhìn ra quảng trường trong dòng tiếp nối của các khoảnh khắc cũng cảm thấy cuộc đối thoại đang thay đổi từ hành vi này sang hành vi kia, ấy thế mà cuộc đời cư dân Melania lại quá ngắn ngủi để nhận biết được điều này.

Marco Polo miêu tả một cây cầu, lần lượt từng phiến đá một.

- Thế thì phiến đá nào nâng cây cầu? - Hốt Tất Liệt hỏi.

- Cây cầu không được nâng bởi phiến đá này hay phiến đá kia, - Marco Polo trả lời - mà được nâng bởi cái vòm do chúng tác tạo.

Hốt Tất Liệt im lặng, suy nghĩ. Rồi thêm vào:

- Tại sao anh lại nói với ta về các phiến đá? Ta chỉ quan tâm đến cái vòm mà thôi.

Marco Polo đáp:

- Không có các phiến đá thì sẽ không có cái vòm.

- Đã bao giờ anh trông thấy một thành phố như thành phố này chưa? - Trên thuyền rồng, Hốt Tất Liệt hỏi Marco Polo, bàn tay đeo đầy nhẫn thò ra khỏi bức trướng lụa chỉ vào những nhịp cầu cong cong bắc ngang các con kênh, những cung điện lộng lẫy với bậc thềm cẩm thạch chìm dưới mặt nước, những con thuyền dong đưa nhẹ lướt xuôi ngược theo nhịp đẩy của những mái chèo dài, những chiếc sà lan ghé vào chợ họp trên quảng trường đổ xuống những thúng rau; những ban công, sân thượng, mái vòm, tháp chuông; trên các hòn đảo, những khu vườn xanh mướt giữa cái sắc xám của vùng đầm phá.

Hoàng đế được chàng cận thần ngoại quốc hộ tống đến thăm Thiên Thị, thủ đô xưa kia của một số triều đại bị truất phế: viên ngọc trai cuối cùng nằm trên vương miện của Đại Hãn.

- Thưa ngài, chưa ạ - Marco Polo trả lời - tôi không bao giờ có thể tưởng tượng rằng có một thành phố như thế này.

Hoàng đế soi mói vào mắt chàng trai. Chàng ngoại

quốc sụp mắt xuống. Hốt Tất Liệt chìm trong im lặng suốt ngày hôm đó.

Sau lúc hoàng hôn, trên sân thượng cung điện, Marco Polo trình bày với hoàng đế kết quả của các chuyến đi sứ. Thông thường, Đại Hãn kết thúc buổi tối trong lim dim hưởng thụ câu chuyện cho đến khi cú ngáp đầu tiên như thể hiệu lệnh cho đoàn tiểu đồng châm đuốc đến rước nhà vua về Cung Mộng Vàng Vương Bá. Song lần này thì Hốt Tất Liệt tỏ ra không mệt mỏi chút nào.

- Hãy kể tiếp cho ta nghe về một thành phố khác - hoàng đế yêu cầu.

- ... Lữ khách khởi hành từ nơi đó, rong ruổi ba ngày giữa Hy Lạp và hướng Hừng Đông... - Marco Polo tiếp tục, chàng liệt kê những cái tên, những tập quán, nền giao thương của nhiều vùng đất. Kho tư liệu có thể nói là bất tận, nhưng giờ thì chàng cũng cảm thấy mình không thể tiếp tục nữa. Bình minh đã lên khi chàng nói: - Thưa hoàng thượng, tôi đã kể về tất cả các thành phố tôi biết.

- Song còn một anh chưa bao giờ kể.

Marco Polo cúi đầu.

- Venezia - Đại Hãn nói.

Marco Polo mỉm cười. - Thế ngài nghĩ tôi đã kể gì khác?

Hoàng đế vẫn thản nhiên. – Nhưng ta chưa bao giờ nghe anh nhắc đến cái tên Venezia.

Marco Polo đáp: – Mỗi lần miêu tả một thành phố là tôi kể đôi điều về Venezia.

– Khi ta hỏi anh thành phố khác là ta muốn anh kể thành phố khác. Chỉ khi ta yêu cầu Venezia, thì anh hãy kể Venezia.

– Để nhận biết đặc trưng của thành phố khác, tôi phải khởi sự từ một thành phố ban đầu vốn luôn luôn ẩn tàng trong tôi. Đó chính là Venezia.

– Vậy anh nên bắt đầu mỗi câu chuyện về các chuyến đi của mình từ lúc lên đường, miêu tả Venezia như nó là, toàn bộ, không bỏ sót bất cứ điều gì anh nhớ về nó.

Mặt hồ lao xao gợn sóng; bóng chiếu vàng đồng cung điện cổ nhà Tống run rẩy vỡ tan thành những phiến lá lóng lánh bồng bềnh.

– Hình ảnh trong ký ức, một khi được cố định bằng lời nói, sẽ tự xóa bỏ. – Marco Polo nói – Có lẽ tôi sợ mất hết Venezia ngay, nếu tôi nói. Hoặc có lẽ, khi nói về các thành phố khác, tôi đã mất nó từng chút một.

Thành phố và Giao lưu • 5

Ở Smeraldina, thành-phố-mọc-trên-nước, mạng kênh rạch và mạng đường sá vừa chồng gối lên nhau vừa giao cắt nhau. Để đi từ chỗ này đến chỗ kia, lữ khách lúc nào cũng có sự lựa chọn giữa đường bộ hoặc đường thủy, và bởi vì, ở Smeraldina, con đường ngắn nhất giữa hai điểm không là đường thẳng mà là đường chữ chi, đâm trở những biến cách ngoằn ngoèo, nên tuyến đi mở ra không chỉ hai mà rất nhiều lối cho mỗi khách đi đường, và còn tăng thêm nữa cho ai vừa đi dưới thuyền vừa đi trên bờ.

Cho nên cư dân Smeraldina tránh được cái nỗi nhàm chán là hằng ngày phải đi qua vẫn những con đường ấy. Và lại, cái mạng lối đi không chỉ phân bố trên một tầng đơn, mà lên lên xuống xuống, với các cầu thang, ban-công-hành-lang, cầu-chân-vòm, đường đê. Kết hợp những đoạn đường đa dạng, bắc trên cao hoặc luôn dưới thấp, mỗi cư dân hằng ngày có thể vui hưởng một lộ trình mới để đi đến cũng những nơi chốn ấy. Các sinh hoạt cố định và bình thản nhất ở Smeraldina diễn ra mà không hề lặp lại.

Còn các sinh hoạt thầm lén và táo tợn, như ở các nơi

khác, diễn ra dưới áp lực gắt gao. Ở Smeraldina: mèo, kẻ cắp, người tình vụng trộm di chuyển trên những tuyến đường cao nhất và gián đoạn, phóng từ mái nhà này sang mái nhà kia, tụt từ sân thượng xuống bao lơn, bước đi vòng vèo trên những máng nước như kẻ mộng du. Dưới thấp nhất, từng đàn chuột, con này cắn đuôi con kia, cùng kẻ gian và bọn buôn lậu thảo chạy trong những ống cống tối om: lấp ló ở nắp cống, vòm cống, vọt lách qua khe trống, góc ngách; tải theo từ chỗ nắp này sang chỗ nắp kia vỏ phó mát, đồ quốc cấm, thùng thuốc súng, băng qua những nhánh hầm rẻ quạt trong lòng đất rắn của thành phố.

Một tấm bản đồ Smeraldina hẳn phải bao gồm các vạch vẽ bằng màu mực khác nhau, đánh dấu thể cứng và thể lỏng, nơi lộ thiên và nơi ngấm khuất. Trên giấy, khó nhất là xác định đường bay của các đàn chim nhận, xé ngang không gian trên những mái nhà, cúp cánh rơi xuống theo một tuyến parabol vô hình, rẽ ra bất ngờ để đón một con muỗi, vút cánh thẳng lên xoắn tít sát quanh một đỉnh tháp, thống lĩnh tất cả các mũi chóp của thành phố từ mọi điểm trên không đạo của mình.

Thành phố và Mắt • 4

Đặt chân đến Fillide, lũ khách sẽ thích thú quan sát xem có bao nhiêu kiểu cầu khác nhau bắc ngang các con kênh: cầu chân vòm, cầu mái che, cầu cột, cầu phao, cầu treo, cầu lan can; bao nhiêu kiểu cửa sổ nhìn ra đường phố: song đôi, chớp trổ, mũi mác, búp sen, bên trên có lỗ hình bán nguyệt hoặc hoa hồng; bao nhiêu cách lát nền: xếp đá cục, rập phiến, rải sỏi, lát gạch hoa ô trắng ô xanh. Tại chỗ này chỗ kia, thành phố gieo kinh ngạc cho mắt nhìn: chùm nụ bạch hoa ló ra từ bờ tường thành, cụm tượng bà hoàng đặt trên một bệ rầm chĩa, vòm mái củ hành với cái chớp tháp xâu qua ba củ hành con. “Sung sướng thay kẻ hằng ngày trước mắt có Fillide và Fillide!” – Lũ khách cảm thán trong niềm tiếc nuối mình phải giã biệt thành phố sau khi chỉ mới được cưỡi-ngựa-xem-hoa.

Thế rồi vì một duyên cớ nào đó lũ khách sẽ dừng chân ở Fillide và trải qua những ngày của mình. Thành phố nhanh chóng phơi pha trước mắt lũ khách, cửa-sổ-hoa-hồng, cụm tượng trên bệ rầm chĩa, vòm mái tự chúng nhòa dần. Như mọi cư dân Fillide, lũ khách sẽ men theo các tuyến chữ chỉ từ phố này sang phố khác, nhận ra

vùng nắng chiếu và nơi bóng phủ, một cửa vào đường này, một thang lầu đường kia, một băng ghế đặt sẵn, nơi có thể để chiếc giỏ, một trộm hốt nơi bước chân có thể bị sảy trượt khi lơ đãng. Mọi thứ khác của thành phố đều vô hình. Fillide là một không gian nơi các lộ trình được vạch ra giữa những điểm để lửng trên không, con đường ngắn nhất dẫn đến gian lều của nhà buôn kia là tránh cái cổng dẫn vào nhà người cho vay nợ. Bước chân lũ khách không theo đuổi những gì ở bên ngoài mà ở bên trong ánh mắt, bị xóa nhòa và vùi sâu: nếu giữa hai vòm hè phố có một vòm đối với lũ khách dường như vui tươi bất tận, thì đó là vì ba mươi năm trước đã có một cô gái áo thêu tay rộng đi qua đó, hoặc chỉ là vì nó đang đón nhận thứ ánh sáng ở một thời khắc nhất định, giống như thứ ánh sáng ở cái vòm hè phố mà lũ khách không còn nhớ là ở đâu.

Triệu cặp mắt ngược nhìn cửa sổ, cây cầu, chùm nụ bạch hoa, vậy mà như thể chỉ soi rọi trên một trang giấy trắng. Như Fillide, nhiều thành phố lẫn tránh những ánh mắt, trừ khi lũ khách bất chợt thu chụp chúng.

Thành phố và cái Tên • 3

Trong một thời gian dài, với tôi, Pirra là một thành-phố-pháo-đài nằm trên bờ vịnh với các ô cửa sổ trên cao và các tháp canh bao quanh như một chiếc cúp, quảng trường trung tâm sâu hút như một đáy giếng và có một cái giếng ở chính giữa. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy quảng trường này. Pirra là một trong nhiều thành phố tôi chưa từng đặt chân đến, tôi chỉ hình dung chúng qua tên gọi: Eufrazia, Odile, Margara, Getullia. Pirra có vị thế của mình và khác với tất cả các thành phố kia, vì mỗi thành phố dưới con-mắt-tâm-tưởng luôn không lẫn với nhau.

Cái ngày chuyển đi dẫn tôi đến Pirra rồi cũng tới. Vừa đến nơi là tôi quên hết những gì từng tưởng tượng; Pirra đã trở nên những gì là Pirra; tôi tin rằng mình đã luôn biết cảnh quan của thành phố không bao gồm biển cả, bị che khuất bởi các cồn cát gợn sóng chắn trên bờ vịnh; rằng đường sá dài và thẳng; rằng nhà cửa không cao, tụ thành từng nhóm, nhà này cách nhà kia một khoảng sân nhỏ chứa củi và máy cưa; rằng các cánh chong chóng của những chiếc máy bơm nước đang xoay xoay trước gió. Từ khoảnh khắc đó về sau, cái tên gọi Pirra gợi nhớ trong

tâm tưởng tôi cảnh quan ấy, thứ ánh sáng ấy, tiếng rền vang ấy, màn không khí ấy, nơi có một đám bụi vàng bốc lên: rõ ràng rằng Pirra chỉ hàm nghĩa như vậy chứ không thể hàm nghĩa điều gì khác.

Tâm tưởng tôi tiếp tục lưu giữ rất nhiều thành phố mình chưa từng nhìn thấy cũng như sẽ không bao giờ nhìn thấy, những cái tên tự nó chuyển tải một hình tượng, một phần mảnh, hoặc tia lóe sáng của một hình tượng tưởng tượng: Getullia, Odile, Eufrosia, Margara. Cả cái thành phố trên bờ vịnh kia, với cái quảng trường bao quanh một miệng giếng, cũng luôn sừng sững tại đó, song tôi không thể gọi nó bằng một cái tên nữa, cũng không còn nhớ sao mình lại có thể trao cho nó một cái tên hàm nghĩa hoàn toàn khác.

Thành phố và Kẻ đã khuất • 2

Trong các chuyến du hành của mình tôi chưa bao giờ cả gan đi đến tận Adelma. Trời nhá nhem tối khi tôi cập bờ thành phố. Trên bến, viên thủy thủ chụp lấy sợi dây thùng và cột vào trụ buộc thuyền, trông anh ta giống một người trước kia cùng đi lính với tôi, nay đã mất. Đã đến giờ họp chợ cá. Một cụ già chất giỏ nhím biển lên xe kéo; tôi nghĩ cụ là một người quen, ngoảnh đi ngoảnh lại, cụ đã khuất dạng trong con hẻm, nhưng tôi chợt hiểu, cụ trông giống một ngư dân tôi biết khi còn bé tí mà lúc ấy cụ đã rất cao tuổi, nay không thể còn sống trong cõi người. Rồi lòng tôi xáo động trước cảnh tượng một người bệnh trong cơn sốt đang trùm chăn kín đầu ngồi co ro trên mặt đất: cha tôi ít ngày trước khi mất cũng có cặp mắt vàng ệch và râu ria lởm chởm y như ông ta. Tôi quay mặt đi; không còn dám chú mục vào mặt ai nữa.

Tôi nghĩ: “Nếu Adelma là một thành phố mình gặp trong mơ, nơi mình hội ngộ toàn kẻ đã khuất, thì giấc mơ khiến mình sợ. Còn nếu Adelma là một thành phố có thực, nơi người sống cư ngụ, mình chỉ cần không ngừng chú mục vào họ để sự giống nhau nhòa tan và các khuôn

mặt xa lạ sẽ hiện ra: những sứ giả mang nỗi thống khổ. Vậy thì dù trường hợp nào, tốt nhất chẳng nên chú mục vào ai cả.”

Một bà bán rau cân cái bắp cải trên bàn cân, rồi bỏ vào chiếc giỏ của một cô gái thả xuống từ bao lơn. Trông cô giống y một cô nàng quê tôi, cuồng dại vì tình yêu và đã tự vẫn. Bà bán rau ngẩng mặt lên: ôi chính là bà ngoại tôi.

Tôi nghĩ: “Rồi cuộc đời sẽ đến một thời điểm khi trong số người ta quen biết kẻ đã khuất nhiều hơn kẻ còn sống. Và tâm tưởng ta sẽ chối từ không thu nhận thêm diện mạo nào khác, biểu đạt nào khác: mọi gương mặt mới ta gặp đều khắc in khuôn dấu người xưa, và ta giao cho mỗi gương mặt cái vai diễn thích đáng nhất.”

Toán phu khuôn vác nối đuôi nhau bước lên các bậc thang, oằn người dưới những chiếc bình bọc mây và thùng tô nô; mặt mũi bị che khuất bởi cái mũ trùm đầu bằng vải bố; “Giờ thì họ sẽ đứng thẳng người và mình sẽ nhận ra người quen cho mà xem” – tôi nghĩ, sốt ruột và sợ hãi. Song tôi không rời mắt họ; chỉ cần hơi đảo cái nhìn sang dòng người đang chen lấn trên con phố nhỏ ấy, tôi sẽ choáng ngợp bởi những gương mặt bất ngờ; xuất hiện từ đằng xa, chú mục vào tôi như thể để tôi nhận ra họ, như thể để họ nhận ra tôi, như thể họ đã nhận ra tôi rồi. Có lẽ với mỗi người trong họ, tôi cũng trông giống

một người đã khuất. Chỉ vừa mới đến Adelma thôi nhưng tôi đã là một người như họ, đã chuyển sang phía họ, nhập nhòa trong ánh chớp chờn của các cặp mắt, nếp nhăn, cái cau mặt.

Tôi nghĩ: “Có lẽ Adelma chính là cái thành phố ta đến khi lâm chung và ở đó mỗi người gặp lại những người mình từng quen. Cái dấu hiệu là mình cũng đã chết!” Và tôi còn nghĩ: “Cái dấu hiệu là cõi bên kia cũng không hạnh phúc gì.”

Thành phố và Bầu trời • 1

Ở Eudossia - thành phố trập trùng đâm lên trở xuống những ngõ hẻm ngoằn ngoèo, bậc cấp, hẻm cụt, lều tranh - người ta lưu giữ một tấm thảm để lữ khách có thể chiêm ngắm cái cấu trúc đích thực của nó. Thoạt nhìn, ít thấy Eudossia tương đồng gì với họa đồ trên tấm thảm, quy củ qua các hình tượng cân đối, bao gồm những mô típ lặp đi lặp lại dọc theo những đường thẳng và vòng tròn, luân phiên phô ra các họa tiết với những mũi chỉ bền sắc màu rực rỡ dọc suốt theo khổ rộng tấm thảm. Nhưng nếu dừng chân chú ý quan sát, lữ khách sẽ được thuyết phục rằng mỗi nơi trên tấm thảm đều tương ứng với mỗi chốn trong thành phố và mọi vật trong thành phố đều được đưa vào trong họa đồ, bố trí theo mối liên hệ thực sự giữa chúng, vượt thoát khỏi con mắt bị phân tán vì hối hả, đông đúc, chen lấn. Sự hỗn độn khó tưởng ở Eudossia là do cái phối cảnh cục bộ mà lữ khách đón nhận: tiếng la kêu be be, vệt ám khói, mùi tanh của cá: song tấm thảm cho thấy từ cái giản đồ hình học ẩn tàng trong mỗi chi tiết nhỏ nhất có một điểm tại đó thành phố trưng ra các tỉ lệ đích thực.

Ở Eudossia rất dễ bị lạc, song khi định tâm chú mục vào tấm thảm, lũ khách sẽ nhận ra con đường mình đang tìm trên một làn chỉ đỏ gấc, tím chàm, hoặc nâu đỏ, dẫn mình lượn một vòng dài để bước vào một khu vực khoanh vòng hồng tía, đấy chính là cái-điểm-đến đích thực của mình. Mỗi cư dân Eudossia đối chiếu hình ảnh của mình về thành phố, nỗi thống khổ của mình với cái trật tự bất động trên tấm thảm, và mỗi người có thể tìm thấy câu trả lời, câu chuyện, các khúc quanh định mệnh của đời mình giữa các hoa văn uốn lượn.

Một nhà tiên tri được hỏi về mối quan hệ bí ẩn giữa tấm thảm và thành phố, hai đối tượng hết sức khác nhau. Đây là lời đáp: một đối tượng mang cái cấu trúc được thần linh giao cho bầu trời sao và các quỹ đạo trong đó các thế giới xoay quanh; đối tượng kia là cái ánh chiếu áng chừng của đối tượng trước, như mọi tác phẩm của con người.

Đã từ lâu các lời tiên báo đều cho rằng họa đồ hài hòa trên tấm thảm chính là một chứng tích của thần thánh; nhà tiên tri đã diễn giải theo chiều hướng này để tránh gây tranh cãi. Song qua cùng một phương thức lũ khách có thể quy ra cái kết luận đối nghịch: rằng bức họa đồ đích thực của vũ trụ chính là cái thành phố Eudossia như nó là, một cái đốm loang không mang cấu trúc, đường sá ngoằn ngoèo chữ chi, nhà cửa trượt đổ lên nhau giữa bụi

mù, đám cháy, tiếng thét trong bóng tối.

“... Vậy thì hành trình của anh thực ra là một hành trình trong ký ức!” – Vị Đại Hãn – tại lúc nào cũng thính nhạy, bật dậy trên võng mỗi khi bắt được một âm giọng sâu muộn trong lời lẽ của Marco Polo – tán thán: “Anh đã đi xa đến thế để mà tiêu hóa những chất chứa hoài niệm!”, hoặc: “Anh trở về từ chuyến viễn du mà lòng thuyền tải đầy nỗi tiếc!” – Và nói thêm, một cách chế nhạo: “Những thương vụ nghèo nàn, thật đấy, đối với một thương gia của Cộng hòa Venezia.”

Tiêu điểm hút các câu hỏi của Hốt Tất Liệt về quá khứ và tương lai là ở đấy, suốt một giờ vị Đại Hãn đã chơi đùa với nó như mèo vờn chuột, cuối cùng, nhà vua dồn bí Marco Polo, áp sát, đè một đầu gối lên ngực và giật râu chàng: “Đây, điều ta muốn biết từ anh: hãy thú nhận mình đã buôn lậu gì: tâm trạng, ân trạng, khúc bi thương?”

Những lời nói và hành động ấy có lẽ chỉ diễn ra trong ý nghĩ, bởi vì cả hai, im lặng và bất động, đang nhìn làn khói thuốc chầm chậm bốc lên từ ống tẩu của mình. Cái thú mây mù, lúc thì tan theo một ngọn gió, lúc thì nấn ná lơ lửng trên không; và câu trả lời chính là ở trong đó. Khi khói thuốc phả ra theo hơi thở, Marco Polo nghĩ đến màn sương mù sà xuống che khuất mặt biển và những rặng núi, khi tan đi không khí sẽ khô thoáng, trong mờ để lộ những thành phố xa xa. Tâm nhìn vượt qua khỏi tầm

màn tâm trạng thay thay đổi đổi này là điều chàng muốn đạt tới: có thể nhận biết được cấu trúc của sự vật rõ hơn từ đằng xa.

Hoặc, cái cụm mây vừa nhả ra khỏi môi sẽ quần lại, dày đặc, lũng lờ, lẫn lữa một cảnh tượng khác: lớp hơi thải tù đọng trên tầng mái đô thị, đám khói bụi mờ mịt không tan, tấm chướng khí phủ dề trên đường nhựa. Không phải màn sương mù lãnh đăng của ký ức, cũng chẳng phải màn không gian trong suốt khô ráo, mà là lớp tàn tro của cuộc đời bị cháy rụi đóng vảy trên thành phố, miếng bọt biển trương phồng chất liệu sự sống vốn không còn chuyển lưu nữa, sự ách tắc quá-khứ-hiện-tại-tương-lai, chặn đứng những sinh tồn bị đóng vôi trong ảo tưởng về chuyển động: đấy là điều lũ khách sẽ nghiệm thấy vào cuối cuộc hành trình.

HỐT TẤT LIỆT: - Ta không biết anh đi khi nào đến từng ấy nước mà anh đã miêu tả cho ta nghe. Ta cảm thấy có vẻ như anh chưa bao giờ rời khỏi khu vườn này.

MARCO POLO: - Mọi sự tôi trông thấy và tôi thực hiện đều đảm nhận ý nghĩa trong một không gian tâm trí được ngự trị bởi sự yên bình như nơi đây, bởi sự rợp bóng thâm u như nơi đây, bởi sự thình lặn trên con đường xào xạc tiếng lá như nơi đây. Ở thời điểm tập trung suy ngẫm, tôi luôn luôn thấy mình ở khu vườn này, vào thời khắc đêm buong này, với sự hiện diện oai phong của ngài mà vẫn không một giây phút ngưng nghỉ chuyển ngược dòng một con sông cá sấu xanh rợn hoặc bận rộn tính đếm những thùng cá muối được cầu xuống lòng thuyền.

HỐT TẤT LIỆT: - Ta cũng không chắc là mình đang có mặt ở đây, đi dạo giữa những đài phun nước bằng đá porphyry, lắng nghe tia nước reo, hay đang phi tuần mã, người bê bết mồ hôi và máu, dẫn đầu đạo quân chinh phục những xứ sở mà rồi anh phải miêu tả, hoặc đang chặt đứt những ngón tay của quân công thành bám trên tường một pháo đài bị vây hãm.

MARCO POLO: - Có lẽ khu vườn này chỉ tồn tại dưới bóng mí mắt rũ hờ của chúng ta, và chúng ta chưa bao giờ ngưng nghỉ: ngài, tung bụi mù trên chiến trường; tôi, mặc cả bị hạt tiêu tại một ngôi chợ xa xôi, song mỗi khi khép mắt giữa tiếng náo động và đám đông, thì chúng ta được lui về đây, mặc kimono lụa, suy xét những gì chúng ta đang chứng kiến và trải nghiệm, tổng hợp, chiêm ngắm chúng từ xa.

HỐT TẮT LIỆT: - Có lẽ cuộc đối thoại này của chúng ta là một cuộc đối thoại giữa hai kẻ khố rách áo ôm mang biệt danh là Hốt Tất Liệt và Marco Polo, đang lục lọi một bãi rác, thu gom phế liệu gỉ sét, vải thừa, giấy vụn, và say khướt vì vài ngụm rượu tồi, nhìn thấy lóng lánh xung quanh mình toàn là ngọc ngà châu báu phương Đông.

MARCO POLO: - Có lẽ những gì còn lại của thế giới chỉ là một hoang mạc phủ rác và khu vườn treo trong cung điện của ngài. Mí mắt của chúng ta phân cách chúng, song không biết cái nào ở bên trong và cái nào ở bên ngoài.

Thành phố và Mắt • 5

Lội qua con sông, vượt khỏi ngọn đèo, lũ khách đột nhiên thấy mình đứng trước thành phố Moriana, nơi có những cánh cổng thạch cao tuyết hoa long lanh dưới ánh nắng, những hàng cột san hô trụ đỡ đầu hồi cần đá serpentín, những biệt thự toàn kính như thể bể nuôi cá thấp thoáng bóng hình các vũ nữ vẩy bạc tung tăng bơi dưới những ngọn chúc đài hình sứa. Nếu không phải là chuyến đi đầu tiên thì lũ khách biết rằng loại thành phố như thế này có một bề trái: chỉ cần đi nửa vòng họ sẽ bắt gặp cái bộ mặt khuất lấp của Moriana, một bãi tắm sắt gỉ, bao tải, mảnh ván lỏm chớm đĩnh, đoạn ống đen kịt bồ hóng, vỏ đồ hộp, tường trống với biển chữ loang lổ, sườn ghế rơm thùng rách, dây thừng chỉ đủ chắc để tự thắt cổ vào một râm nhà mục ruỗng.

Từ khu này sang khu kia, phối cảnh thành phố dường như liên tiếp nhân rộng danh mục hình ảnh của mình lên gấp bội: song thật ra nó không có chiều dày mà chỉ là mặt trước và mặt sau của cùng một trang giấy, một hình hài bên này và một hình hài bên kia, không thể tách rời nhau, cũng chẳng thể nhìn nhau.

Thành phố và cái Tên • 4

Clarice, thành phố huy hoàng, có một lịch sử thống khổ. Nhiều lần điêu tàn rồi hưng thịnh nhưng Clarice đầu tiên luôn luôn được giữ gìn như một hình mẫu xán lạn vô song, để khi đối chiếu với hiện trạng thành phố ở mỗi kỳ vật đổi sao dời lại khơi dậy những tiếng thở dài mới.

Ở những thế kỷ suy thoái, thành phố - trống vắng vì dịch bệnh; tầm vóc lụp xụp vì cột kèo mái đua gãy đổ, đất đai sụt lở; gỉ mốc và nghẽn tắc vì bị bỏ mặc hoặc không người bảo quản - dần dà đông đúc trở lại, từng đoàn người còn sống sót chui ra từ các tầng hầm và góc ngách như những bầy chuột chen chúc xung động trong cơn thèm khát sục sạo gặm nhấm, song cũng là để nhặt nhạnh và bồi đắp như chim xây tổ. Họ bầu vào mọi thứ có thể giật ra khỏi chỗ của nó rồi đặt vào một chỗ khác để dùng cho một việc khác: màn cửa thêu kim tuyến làm khăn trải giường; húng quế trồng trong bồn cẩm thạch đựng tro cốt; lưới sắt cạy ra từ cửa sổ khuê phòng dùng để nướng thịt mèo trên đồng lửa nhóm bằng ván chạm khắc. Kết hợp từ các mẫu mảnh cộc cạch của Clarice-vô-dụng, cái cấu trúc Clarice-của-người-sống-sót được hình

thành: toàn bộ là lều lán tồi tàn, cống rãnh hôi thối, chuồng ổ lẹp xẹp. Thế mà vẻ xán lạn cổ xưa của Clarice hầu như vẫn còn nguyên không suy suyển chút nào, có điều đã được bố trí theo một trật tự khác, so với trước kia vẫn đáp ứng các nhu cầu của cư dân không kém phần thỏa đáng.

Những thời kỳ vui sướng thay thế những thời kỳ khốn khổ: một Clarice-cánh-bướm lộng lẫy ngoi ra từ một Clarice-mình-kén lượm tượm; nền thịnh vượng mới tràn trề thành phố với cửa cải, dinh thự, vật thể mới; người mới nườm nượp kéo đến; không có gì và chẳng ai còn can dự tới Clarice hoặc các Clarice trước đó; thành phố mới càng đặc trắng xác lập nơi chốn và nhân danh Clarice ban đầu, thì cư dân càng cảm thấy xa rời cái thuở ban đầu ấy, phá hủy nó nhanh chóng không kém lũ chuột và nấm mốc: mặc dầu kiêu hãnh trước vẻ tráng lệ mới, thâm tâm cư dân vẫn cảm thấy mình xa lạ, trật-khớp, và là kẻ tiếm đoạt.

Thế là các mảnh vỡ của cái xán lạn ban đầu vốn đã tự cứu lấy mình khi thích nghi với những nhu cầu mịt mù hơn nữa lại thêm một lần bị dời đi, rồi được lưu giữ dưới nắp chuông thủy tinh; đặt trong kệ kính, dính trên gối nhung, chẳng phải vì chúng vẫn còn có thể được dùng vào việc gì đó, mà vì thông qua chúng, người ta mong muốn tái thiết một thành phố mà về nó không ai còn biết

gì.

Những lần sa sút khác, những lần bùng nổ khác, tiếp nối nhau ở Clarice. Dân số và tập quán thay đổi nhiều lần; cái tên, địa điểm, và các vật thể khó vỡ nhất thì còn đó. Mỗi Clarice mới là một cơ thể sống gắn kết ngát tỏa hương hoa và hơi thở, những gì còn lại của các Clarice xưa cũ, phân mảnh và đã chết, nay kiêu sa như một thứ ngọc ngà. Người ta không biết các bệ-đầu-cột chạm trổ đã nằm trên đỉnh cột từ khi nào mà chỉ nhớ là có một cái nhiều năm nằm trong một trại gà đỡ cái ổ đẻ trứng, và từ nơi đó nó được chuyển đến viện bảo tàng Bệ-đầu-cột, nối đuôi với các mẫu vật khác trong bộ sưu tập. Trình tự của các thời kỳ bị biến mất; một lòng tin phổ biến cho rằng đã từng có một Clarice ban đầu, song chứng cứ ở đâu thì vô tầm tích; bệ-đầu-cột có thể đã được đem kê ở chuồng gà trước khi chuyển đến đỡ mái đèn, bốn cảm thạch có thể được đem trồng húng quế trước khi dựng hài cốt. Chỉ có điều này là biết chắc được: một số vật thể nhất định được dời sang một không gian nhất định, lúc thì chìm ngập trong vô số vật thể mới, lúc thì tự tiêu hao mà không được thay thế; nguyên tắc là mỗi lần người ta sẽ trộn lẫn chúng với nhau rồi tìm cách kết hợp lại. Có lẽ Clarice mãi mãi chỉ là một cuộc chuyển vận huyền ảo hỗn độn các mảnh vỡ tạp nham, trật treo, quá hạn.

Thành phố và Kẻ đã khuất • 3

Không có thành phố nào thích thụ hưởng cuộc sống và lánh xa âu lo hơn là Eusapia. Để bước biến đổi từ sự sống sang cái chết đỡ đột ngột, cư dân ở đây xây dựng dưới lòng đất một thành-phố-bản-sao giống hệt. Các tử thi, ướp khô theo cách chỉ còn bộ xương bọc lớp da vàng bệch, được chuyển xuống mà tiếp tục các sinh hoạt lúc trước. Trong đó, những thời khắc vô tư lự được ưu tiên: phần lớn họ được xếp ngồi quanh bàn ăn đã bày biện thịnh soạn, hoặc ở trong tư thế rải bước khiêu vũ, hay đang giương kèn trôm-pét. Tuy nhiên, mọi hoạt động kinh doanh và nghề nghiệp ở Eusapia-của-người-sống cũng được tiến hành dưới lòng đất, hoặc ít ra là các nghề đã mang lại cho họ nhiều thỏa nguyện hơn là buồn bực: bác thợ đồng hồ, giữa đám đồng hồ chết trong xưởng-hiệu của mình đang ghé cái lỗ tai teo quắt lên một hộp đồng hồ quả lắc lỏng dây cốt; một anh thợ cạo quệt chiếc bàn-chải-phết-bọt-xà-phòng còng queo lên xương gò má một kép hát trong lúc anh này đang ôn lại vai đóng, cặp hốc mắt trống rỗng rà soát trên kịch bản; một cô nàng gật gù hộp sọ nhe răng cười đang vắt sữa một bộ

xương bò cái.

Tất nhiên, rất nhiều người yêu cầu sau khi chết được giao một số phận khác với cái số phận đã dành cho mình lúc sống: các nghĩa trang nay đông đúc thợ săn cọp, ca sĩ giọng nữ trung, chủ nhà băng, nhạc sĩ vĩ cầm, bà công tước, người-tình-bọc-điều, tướng lãnh... những người chưa bao giờ có nhiều đến thế ở thành-phố-của-người-sống.

Một cộng-đoàn-thầy-dòng đảm nhận nghĩa vụ dẫn người chết xuống dưới đó và thu xếp chỗ họ mong muốn. Không ai khác có thể xuống Eusapia-của-người-chết và những gì biết được về nơi này chỉ là qua các thầy dòng.

Các vị bảo rằng cộng đoàn này cũng tồn tại giữa người chết để duy trì việc diu dắt; sau khi chết các thầy dòng vẫn tiếp tục mục vụ của mình ở Eusapia-bên-dưới; họ không can thiệp vào niềm tin cho rằng một số trong họ đã qua đời mà vẫn tiếp tục lên lên xuống xuống. Không nghi ngờ gì, thẩm quyền của cộng đoàn đối với Eusapia-của-người-sống là rất lớn.

Các vị bảo rằng mỗi lần xuống Eusapia-bên-dưới họ đều nhận thấy đã có điều gì đó thay đổi; người chết đem lại những đổi mới cho thành phố; không nhiều, song chắc chắn đó là kết quả của sự suy ngẫm sâu lắng, chứ không phải của những nguồn cơn nhất thời. Các vị bảo rằng Eusapia-của-người-chết vào năm trước không còn

là nó vào năm nay. Và người sống, để không thua kém, cũng muốn thực hiện những gì mới có của người chết mà các thầy dòng kể lại. Thế là Eusapia-của-người-sống lao vào sao lại cái bản sao dưới lòng đất.

Các vị bảo rằng điều này không chỉ bây giờ mới diễn ra: trên thực tế, chính người chết đã xây dựng Eusapia-bên-trên giống với cái thành phố của mình. Lại còn bảo rằng giữa cặp thành phố sinh đôi không còn cách nào để biết đâu là của người sống, đâu là của người chết.

Thành phố và Bầu trời • 2

Ở Bersabea dân gian lưu truyền niềm tin này: có một Bersabea khác lơ lửng trên bầu trời, nơi thăng hoa của các đức hạnh và cảm xúc cao cả của thành phố, rằng nếu Bersabea-dưới-đất mà noi gương Bersabea-trên-trời thì nó sẽ nhập vào đó để trở thành nhất thể. Và hình ảnh lưu truyền là một thành phố bằng vàng khối có cổng bằng kim cương, then cài bằng bạc, một thành-phố-châu-báu, chạm khảm ngọc ngà ở khắp nơi: thành quả của một nền học thuật cần mẫn tột bậc trong việc sử dụng những vật liệu quý giá tột bậc. Trung thành với niềm tin ấy, cư dân Bersabea trân trọng tất cả những gì gọi lên trong lòng họ từ thành-phố-trên-trời: họ tích lũy kim loại quý và đá hiếm, buông bỏ những niềm phóng túng phù du, tôi luyện những cấu trúc điểm đậm đa hợp.

Người dân nơi đây còn tin rằng có một Bersabea nữa nằm trong lòng đất, cái nhà kho chứa tất cả những gì khốn khổ và nhục nhằn xảy đến với họ, họ thường xuyên lưu tâm phát hiện và xóa bỏ bất kỳ một mối liên hệ hoặc tương đồng nào với người anh em sinh đôi dưới đất. Họ hình dung mái nhà ở thành phố-trong-lòng-đất là các

thùng rác lật úp, từ trong đó trượt ra nào là vỏ bánh phớ mát, giấy gói dính dầu mỡ, vảy cá, nước rửa bát, cọng mì thừa, bông băng đã dùng. Hoặc thậm chí hình dung thực thể của thành phố chính là cái thứ sền sệt, đen ngòm, trơn mềm như hắc ín tuôn chảy xuống cống, nối dài lộ trình phủ tạng của con người từ lỗ đen đến lỗ đen, cho đến khi xổ toẹt xuống đáy cái tầng sâu dưới cùng trong lòng đất, rằng chính từ dưới đó, cái thứ nghiền nát nhều nhão này sẽ vắt lên nhau, vòng này trên vòng kia, vươn lên thành những tòa nhà chóp xoắn của một thành-phố-phân.

Trong niềm tin về Bersabea, có phần đúng, có phần sai. Đúng là gắn liền với thành phố có hai cách phóng chiếu về nó, một-thiên-giới, một-địa-phủ; sai là tin vào tính nhất quán của chúng. Thành-phố-địa-phủ, ủ sâu trong lòng đất Bersabea, là một thành phố được thiết kế bởi những kiến trúc sư có thẩm quyền nhất, được xây dựng bằng những vật liệu đắt giá nhất trên thị trường, vận hành chuẩn xác như đồng hồ ở toàn cơ cấu, hệ thống thiết bị, tô điểm bằng những nóm tua, diềm rìa, viền ren, treo trên tất cả các đường ống và đòn xoay.

Chăm chút tích lũy những ca ra hoàn hảo, điều Bersabea tin tưởng như đức hạnh giờ đây là một niềm mê đắm mịt mù để đổ đầy cái khoang bụng trống không của chính nó; thành phố không hề hiểu rằng chỉ ở những lúc

thải bỏ thoải mái thì nó mới tự tách khỏi chính mình, buông xả và rộng mở. Ấy thế mà tỏa hấp lực trên đỉnh trời Bersabea lại là một thiên thể rực sáng toàn bộ sự tốt lành của cái thành phố cất trong ngân khố của mình các sự bỏ đi: một hành tinh phơ phất vỏ khoai tây, ô dù rách, vớ cũ; lóng lánh mảnh thủy tinh, khuy áo đứt, giấy bọc sô cô la; lát trải xác vé tàu điện, móng tay, mẩu chai chân, vỏ trứng. Thành-phố-thiên-giới là đây, những ngôi sao chổi đuôi dài quét ngang trên bầu trời, xoay tít phóng đi trong không gian nhờ cái hành vi giải phóng và phúc lành duy nhất trong khả năng của cư dân ở Bersabea, thành phố mà chỉ khi đi thải mới không keo kiệt tính toán thiệt hơn.

Thành phố Tiếp diễn • 1

Ngày nào thành phố Leonia cũng làm lại chính mình: sáng sáng cư dân thức giấc giữa tấm ga giường mới thay, tắm rửa với thổi xà phòng vừa bóc bao, quàng chiếc áo choàng tắm rực rỡ kiểu mới, lấy ra hộp sữa chưa mở từ chiếc tủ lạnh đời mới, lắng nghe bản nhạc nhí nhảnh vui tươi mới ra từ dàn âm thanh mô đen mới nhất.

Trên hè đường, tàn tích của Leonia ngày hôm trước, nhồi nhét trong những bao ni lông tinh tươm đang nằm chờ xe rác. Không chỉ có tuýp kem đánh răng lép kẹp, bóng đèn bị cháy, giấy báo, vỏ hộp, bao bì mà còn có cả bồn nước nóng, sách bách khoa, đàn dương cầm, bát đĩa sành sứ; nền thịnh vượng của Leonia được đo bằng những gì mỗi ngày bị ném đi để dành chỗ cho những thứ mới, hơn là được đo bằng những sự vật mỗi ngày được chế tạo, mua vào, bán ra. Thế là bạn tự hỏi, phải chăng niềm đam mê đích thực của Leonia, đúng như lời mọi người nói, là ở việc vui hưởng những thứ mới và tránh xa, thanh tẩy trong chính mình một tính chất ô tạp tái diễn mãi. Đương nhiên, đội phu hốt rác được hoan nghênh như các thiên thần, nhiệm vụ dọn dẹp tàn tích cuộc sinh

tồn ngày hôm trước được bao trùm bởi một sự im lặng thành kính, như trước một nghi lễ truyền gọi hiến dâng, hoặc giả, chỉ là vì một khi món đồ đã bị ném đi thì không ai còn muốn bận tâm về nó.

Chẳng ai tự hỏi hằng ngày những người phu chở rác đi đâu: ra ngoài thành phố, tất nhiên; song mỗi năm thành phố mỗi được mở rộng, các bãi rác phải lùi xa hơn nữa; khối lượng đổ xuống càng tăng, các ụ đồng càng dâng cao, xếp lớp chất tầng, đổ lan ra một chu vi rộng hơn nữa. Bên cạnh đó, kỹ thuật chế tạo vật liệu mới ở Leonia ngày càng xuất sắc nên chất thải của rác ngày càng được cải thiện, chống chọi được với thời gian, khí hậu, sự lên men và sự đốt cháy. Một pháo đài đồ vút đi không thể tiêu hủy sẽ vây quanh Leonia như những rặng núi trập trùng vượt lên nó ở mọi phía.

Hệ quả là thế này: càng đào thải đồ thì Leonia càng tích trữ đồ; vảy vỏ của quá khứ tự kết dính vào nhau thành một bộ áo giáp không thể cởi ra; mỗi ngày khi tự đổi mới thì thành phố bảo toàn chính nó qua cái cấu trúc duy nhất cuối cùng: rác ngày hôm qua chồng chất lên rác ngày hôm kia, rồi rác của những tháng, những năm, những thập niên.

Đồ thải của Leonia hẳn sẽ dần dà xâm chiếm thế giới nếu cái bãi rác mệnh mông của nó không bị dồn ép bởi các bãi rác của những thành phố khác đằng sau các chòm

ngoài cùng vốn cũng đang đẩy núi đồ thừa ra xa mình. Có lẽ toàn bộ thế giới ở bên kia ranh giới của Leonia thì tràn ngập các miệng núi rác, dưới đáy mỗi miệng là một đại đô thị đang phún nổ không ngừng. Ranh giới giữa những thành phố xa lạ và đối thủ của nhau chính là các pháo đài của sự ô nhiễm, nơi vật thải của thành phố này và của thành phố kia đâm thọc vào nhau, đè lấn lên nhau, trộn lẫn với nhau.

Độ cao càng tăng, hiểm họa trượt lở càng lớn: chỉ cần một ống lon, một lốp xe cũ, một bình rượu tróc vỏ rơm lăn sang phía Leonia, thì ào ào nào là giày dép cộc cạch, tập lịch năm cũ, cụm hoa héo khô sẽ nhấn chìm thành phố trong chính cái quá khứ mà nó đã hoài công ra sức đẩy lùi, rồi trộn lẫn với cái quá khứ của những thành phố láng giềng, cuối cùng, để dọn sạch, một trận đại hồng thủy sẽ san bằng rặng núi xú ối, xóa bỏ mọi vết tích của cái đại đô thị lúc nào cũng khoác áo mới. Tại các thành phố bên cạnh, những đoàn xe ủi đã sẵn sàng tiến vào lãnh thổ mới, san bằng địa hình, mở rộng chính mình, đẩy các bãi rác mới ra xa.

MARCO POLO: - ... Có lẽ sân thượng vườn này chỉ nhìn vào mặt-hồ-tâm-trí của chúng ta...

HỐT TẮT LIỆT: - ... Cho dù các kỳ tích chinh phục và giao thương đầy gian khó của đế chế có tiến xa đến đâu chẳng nữa, thì hai ta cũng đều chăm nom cái bóng-mát-trâm-mặc, cuộc hội-thoại-nhịp-lặng, những buổi-tối-muôn-thuở-giống-nhau này.

MARCO POLO: - Trừ khi cái giả thuyết đối nghịch này không diễn ra: những kẻ phấn đấu trong doanh trại và trên bến cảng tồn tại chỉ là vì hai ta, khép giữa lũy tre ngàn đời êm ả này, nghĩ về họ.

HỐT TẮT LIỆT: - Rằng sự mệt nhọc, tiếng gào thét, thương tích, mùi hôi thối không hề tồn tại mà chỉ có luống hoa đồ quyền này là tồn tại.

MARCO POLO: - Rằng người phu khuân vác, thợ xẻ đá, anh hốt rác, chị bếp xát lòng gà, cô thợ giặt lom khom trên phiến đá, bà mẹ vừa sảy gạo vừa cho con bú... tồn tại chỉ là vì chúng ta nghĩ về họ.

HỐT TẮT LIỆT: - Nói thật, ta chưa bao giờ nghĩ về họ.

MARCO POLO: - Thế thì họ không tồn tại.

HỐT TẮT LIỆT: - Ta thấy đây không phải là một phỏng đoán có lợi cho chúng ta. Không có họ, chúng ta không thể nào có ở đây mà ngả người đong đưa trên

võng.

MARCO POLO: - Vậy thì đó là cái giả thuyết cần bị loại trừ. Và giả thuyết này là thật: họ có mặt, còn chúng ta thì không.

HỐT TẤT LIỆT: - Chúng ta đã cho thấy: nếu chúng ta có ở đây, hẳn chúng ta không có mặt.

MARCO POLO: - Thật vậy, chúng ta đây.

Dưới chân ngai vàng của Đại Hãn là một thềm đá hoa. Marco Polo, người đưa tin thầm lặng, trưng ra trên đó mẫu hàng mang về từ các chuyến đi đến tận cùng biên cương của đế chế: một chiếc mũ sắt, một vỏ ốc, một sọ dừa, một cái quạt. Chàng sứ giả bày sắp các vật thể theo một trật tự nhất định trên những ô gạch trắng hoặc đen, lần hồi di chuyển chúng bằng những động tác cân nhắc, cố thể hiện cho hoàng đế thấy: những thắng trận trong chuyến đi, tình trạng của đế chế, đặc quyền của các thủ phủ xa xôi.

Hốt Tất Liệt là một kỳ thủ tinh ý; bám sát các động tác của Marco Polo, hoàng đế nhận thấy những mẫu vật nhất định, được di chuyển theo những tuyến nhất định, để tiếp cận hoặc tránh tiếp cận những mẫu vật nhất định. Không chú ý đến cấu trúc đa dạng của vật thể, hoàng đế xác định cách bố trí tương ứng giữa vật thể này và vật thể kia trên sàn đá hoa. Đại Hãn nghĩ: “Nếu mỗi thành phố là một ván cờ, thì cái ngày học được các quy luật từ nó, ta sẽ dứt khoát sở hữu cái đế chế của mình, dù rằng không bao giờ ta có thể biết được tất cả các thành phố bao gồm

trong đó.”

Xét cho cùng, chẳng cần Marco Polo viện đủ các loại đồ vật khi trình bày về các thành phố với Đại Hãn: chỉ cần một bàn cờ với các quân cờ có cấu trúc được phân loại chính xác. Mỗi quân có thể mỗi lúc được giao cho một ý nghĩa thích hợp: một quân mã có thể đại diện cho một con tuấn mã thật, một đoàn xe ngựa, một đạo quân đang tiến, hoặc một tượng đài kỵ mã; một quân hậu có thể là một quý bà đang tựa thành ban công, một đài phun nước, một ngôi đền có mái vòm hình chóp, hoặc một cây mọc qua.

Trở về từ chuyến công vụ cuối cùng, Marco Polo thấy Đại Hãn đang ngồi chờ mình trước một bàn cờ. Hoàng đế ra dấu mời chàng ngồi xuống trước mặt và yêu cầu chàng miêu tả các thành phố đã ghé thăm chỉ bằng sự trợ giúp của các quân cờ. Chàng sứ giả thành Venezia không nao núng. Các quân cờ của Đại Hãn được làm bằng những mẫu ngựa voi lớn nhẵn bóng. Bày sắp trên ô cờ các quân xe to lù lù, quân mã đồ bóng, quy tụ những đám quân tốt, vạch ra những con lộ thẳng hoặc chéo theo bước tiến của quân hậu, Marco Polo tái tạo phối cảnh và không gian của các thành-phố-ô-trắng-ô-đen trong những đêm trăng.

Chiêm ngắm những cảnh quan cốt yếu này, Hốt Tất Liệt suy ngẫm về cái trật tự vô hình vốn điều phối các

thành phố, về những quy luật đáp ứng việc trôi dạt, tạo cấu trúc, thịnh vượng, thích nghi theo mùa, suy yếu, và rơi vào hoang phế. Đôi khi hoàng đế cảm thấy mình sắp khám phá ra một hệ thống mạch lạc, hài hòa nằm bên dưới sự khác biệt vô tận về cấu trúc và sự không hài hòa, song không có mô hình nào mang tính điều phối bằng mô hình cờ vua. Có lẽ, thay vì vất óc gợi mở- với sự trợ giúp nhỏ nhoi của các quân cờ bằng ngà - những tầm nhìn mà rồi nhất định sẽ bị lãng quên, chỉ cần chơi ván cờ theo quy luật, chiêm ngắm mỗi tình huống tiếp diễn trên bàn cờ như một trong vô số cấu trúc mà cái hệ-thống-cấu-thức sẽ phối hợp và phá tan.

Giờ thì Hốt Tất Liệt không còn cần phải phái Marco Polo tham gia những chuyến viễn chinh nữa: hoàng đế giữ chàng ở lại để đánh những ván cờ bất tận. Sự hiểu biết về đế chế được cất giấu trong cái mẫu thức vạch ra từ những cú phóng gay cán của quân mã, từ những ngả đường chéo góc khơi thông cho sự đột nhập của quân hậu, từ bước đi lần lữa, thận trọng của quân vua và nhún nhường của quân tốt, từ những khả năng thiên biến vạn hóa trong mỗi ván cờ.

Đại Hãn nỗ lực nhập tâm vào cuộc cờ, song giờ đây chính cái cứu cánh của cuộc cờ lại mịt mù. Kết thúc mỗi ván cờ là thắng hoặc thua, nhưng thắng hay thua gì đây? Đây là phần thưởng thực sự? Đến nước chiếu tướng,

bàn tay kẻ chiến thắng buông cú hẩy, dưới chân quân vua còn lại một ô vuông đen hoặc trắng. Riết róng phân tích các vùng đất đã chinh phục được để quy vào vùng cốt yếu, Hốt Tất Liệt đi đến cái chiến dịch tối cực: chinh phục vùng đất cuối cùng, trong đó các kho-báu-muôn-hình của đế chế chỉ là những vỏ bọc ảo tưởng, tự quy vào mặt ô gỗ phẳng lì: hư vô...

Thành phố và cái Tên • 5

Irene là thành phố hữu hình khi lũ khách cúi nhìn từ trên bờ một cao nguyên vào thời khắc lên đèn, xuyên qua màn không khí trong vắt, khu trung tâm dân cư hiện ra dưới đáy: chỗ dày đặc cửa sổ, chỗ bủa ra các con hẻm sáng mập mờ, chỗ gom bóng tối các khu vườn, chỗ vươn cao các ngọn tháp nhấp nhánh lửa hiệu; nếu là vào một buổi tối sương mù, cái vòm sáng mờ ảo sẽ tương phùng như một miếng bọt biển trắng sữa nằm dưới chân những vạt sườn núi.

Khách ghé thăm cao nguyên, mục đồng chăn dắt đàn gia súc, thợ bắt chim tròng chường lưới chụp, ẩn sĩ đi nhặt củ rễ, ai cũng nhìn xuống và nói về Irene. Gió đôi khi mang tiếng nhạc dội tiếng trống tiếng kèn, tiếng pháo nổ đì đùng trong ánh hoa đăng buổi lễ hội; đôi khi lại là những tràng súng liên thanh, tiếng một kho thuốc súng nổ tung trên bầu trời vàng rực các đám cháy bén theo cuộc nội chiến. Từ cao nguyên nhìn xuống người ta phỏng đoán về những gì đang diễn ra ở Irene, họ tự hỏi, không biết là hay hay là dở nếu tối hôm nay mình đang ở thành phố này. Chẳng phải họ có ý định đi xuống đấy - gì

thì gì, đường sá dẫn xuống thung lũng rất xấu - song Irene mê hoặc ánh mắt và ý nghĩ kẻ trên cao nguyên nhìn xuống nó.

Tối đây thì Hốt Tất Liệt trông đợi chàng tuổi trẻ thành Venezia nói về Irene như được chứng kiến từ bên trong. Song Marco Polo không thể: cái thành phố được kẻ trên cao nguyên gọi là Irene ra sao, chàng đã không thể biết; vả lại, có chi quan trọng: chứng kiến từ bên trong, hẳn nó sẽ là một thành phố khác; Irene là cái tên từ xa, khi ta đến gần, tên sẽ thay đổi.

Một thành phố là dành cho kẻ-đi-quá-không-bước-vào, một thành phố là dành cho kẻ-vào-luôn-không-bước-ra; một, bạn tới lần thứ nhất; một, bạn rời đi không bao giờ trở lại; mỗi thành phố xứng với một cái tên; có lẽ, tôi đã nói về Irene dưới những cái tên khác nhau; có thể, tôi đã chỉ nói về Irene.

Thành phố và Kẻ đã khuất • 4

Argia khác với mọi thành phố ở chỗ nó lấy đất làm không khí. Đường sá hoàn toàn nằm trong lòng đất, phòng ốc đặc kịt đất sét tận trần nhà, cầu thang được chắp thêm một cầu thang lộn ngược, mọi nóc nhà đều đội những địa tầng chen đá giống như những tầng trời giăng mây. Liệu cư dân có thể dạo quanh thành phố bằng cách nới rộng cái mạng hang ổ của giun đế và kẻ nứt đâm luôn của rễ cây hay không, chúng ta không biết: sự ẩm ướt khiến thân xác họ rã rời và yếu ớt; tốt hơn hết là nằm yên, và lại trời lúc nào cũng tối om.

Từ trên này, Argia chẳng có gì hữu hình; có người bảo: “Nó ở dưới đó mà” đành tin vậy thôi. Nơi nơi hoang vắng. Về đêm, áp tai sát đất, đôi khi bạn có thể nghe tiếng một cánh cửa đóng sầm.

Thành phố và Bầu trời • 3

Ai tới Tecla sẽ chẳng thấy gì nhiều về thành phố này: khuất đằng sau tấm ván hàng rào, màn lưới gai che phủ, giàn giáo, khung sườn sắt, cầu gỗ chằng dây thừng hoặc bắc trên giá đỡ, thang leo, cột gá. Trước câu hỏi: “Sao sự kiến tạo Tecla cứ mãi diễn ra thế này?” – cư dân nơi đây, vẫn mãi miết quay tời, thả quả rọi, kéo ru-lô lên xuống sơn tường, trả lời: “Để sự tiêu hủy không thể bắt đầu.” Và nếu bị chất vấn liệu họ có sợ khi giàn giáo vừa dỡ xuống, thành phố sẽ khởi sự lung lay, rồi rã ra từng mảnh hay không, thì họ vội vàng nói thêm, thì thào: “Không chỉ có thành phố đâu.”

Trường hợp có kẻ không thỏa mãn với câu trả lời, ghé mắt nhìn vào một khe hàng rào, trông thấy cây cần cầu này cầu cây cần cầu kia, giàn giáo này trùm lên giàn giáo khác, rầm chống này nối đầu rầm chống nọ, hỏi: “Thế quý vị kiến tạo để làm gì, nếu cái mục tiêu của việc kiến tạo một thành phố không phải là một thành phố? Đâu là cái dự án quý vị đang tiến hành?”

– Chúng tôi sẽ cho ông bạn thấy vào cuối ngày; bây giờ chúng tôi không thể gián đoạn. – Họ trả lời.

Công việc dừng lại lúc mặt trời lặn. Màn đêm buông xuống công trường. Một đêm sáng sao.

- Đây, cái dự án, - họ thông báo.

Thành phố Tiếp diễn • 2

Nếu khi đáp xuống Trude mà không đọc hàng chữ lớn ghi tên thành phố, tôi tưởng mình vừa đáp xuống chính cái phi trường nơi mình đã cất cánh. Tôi được chở đi ngang một khu ngoại ô không khác mọi khu ngoại ô, cũng những ngôi nhà vàng vàng xanh xanh. Chạy theo cũng những vạch mũi tên ấy, vòng qua cũng những bồn-hoa-bùng-binh ấy, nằm trên cũng những quảng trường ấy. Đường phố khu trung tâm chẳng có gì thay đổi, cũng trưng bày hàng hóa, kiện gói, biển hiệu. Đây là lần đầu tiên tôi đến Trude, nhưng tôi đã biết cái khách sạn rồi mình sẽ đến; đã biết những lời đàm hỏi và đáp trả giữa mình và người mua bán phế liệu; những ngày y hệt những ngày rớt cuộc ngồi trầm ngâm ngắm nhìn cũng những lỗ rốn đang uốn éo ấy xuyên qua cũng những ly rượu ấy.

- Sao mình lại đến Trude nhỉ? - Tôi tự nhủ. Và đã muốn lên đường.

- Ông bạn có thể bay tiếp khi ông bạn muốn - người ta nói với tôi - song ông bạn sẽ đến một Trude khác, y như Trude ở mọi điểm. Thế giới được trùm phủ bởi một

Trude duy nhất, không khởi đầu không kết thúc, chỉ có cái tên ở phi trường là thay đổi.

Thành phố Ấn • 1

Ai đến Olinda mang theo chiếc kính lúp và cẩn thận dò tìm đây đó thì có thể sẽ phóng lớn để thấy được từ một cái chấm không hơn một đầu đinh ghim hình ảnh dãy mái nhà, cây ăng ten, cửa sổ gác mái, vườn hoa, hồ bơi, vạch kẻ qua đường, quầy hàng trên quảng trường, trường đua ngựa. Cái chấm ấy không y nguyên: sau một năm nó lớn như nửa quả chanh, sau đó như một đầu nắm thông, rồi như một cái đĩa. Và đây, nó đã đủ kích cỡ tự nhiên của một thành phố, nằm nép bên trong thành phố trước: một thành phố mới bung ra từ trung tâm và đẩy thành phố trước ra ngoài.

Tất nhiên không phải Olinda là thành phố duy nhất phát triển theo cách những thân cây hàng năm tăng thêm một vòng tròn đồng tâm. Song ở các thành phố khác thì khu trung tâm lúc nào cũng có lớp tường thành ôm chặt các gác chuông, ngọn tháp, mái ngói, vòm úp san sát đâm lên, trong lúc những khu phố mới trở vòng xung quanh như nới dần sợi dây lưng. Ở Olinda không vậy: vòng tường thành xưa dẫn ra cứu mang cùng nó khu phố cổ, được mở rộng nhưng vẫn duy trì các tỉ lệ đã có

đến tận chân trời biên giới của thành phố; nó bao bọc các khu phố ngày càng kém cổ hơn, chu vi thành phố tăng lên, dần mỏng thêm để có chỗ cho những khu phố mới đang thôi thúc từ bên trong; cứ thế và cứ thế cho tới khi từ trung tâm thành phố: một Olinda hoàn toàn mới, bảo tồn trong các kích cỡ rút gọn của nó đặc tính và lưu lượng nhựa sống của Olinda đầu tiên và của tất cả các Olinda nở ra từ Olinda này Olinda kia; và rồi bên trong cái vòng tròn trong cùng ấy giờ lại mọc lên một Olinda tiếp theo và các Olinda tiếp nữa, song khó mà phân biệt cái nào là cái nào.

... Đại Hãn nỗ lực nhập tâm vào cuộc cờ, song giờ đây chính cái cứu cánh của cuộc cờ lại mịt mù. Kết thúc mỗi ván cờ là thắng hoặc thua, nhưng thắng hay thua gì đây? Đây là phần thưởng thực sự? Đến nước chiếu tướng, bàn tay kẻ chiến thắng buông cú hẩy, dưới chân quân vua còn lại hư vô: một ô vuông đen hoặc trắng. Riết róng phân tích các vùng đất đã chinh phục được để quy vào vùng cốt yếu, Hốt Tất Liệt đi đến cái chiến dịch tối cực: chinh phục vùng đất cuối cùng, trong đó các kho-báu-muôn-hình của đế chế chỉ là những vỏ bọc ảo tưởng, tự quy vào mặt ô gỗ phẳng lì.

Bấy giờ Marco Polo lên tiếng: - Bàn cờ của ngài được khảm bằng gỗ mun và gỗ phong. Miếng gỗ khảm mà ánh mắt tinh tường của ngài đang chú mục được cắt ra ở mảnh ván xẻ từ một thân cây mọc vào năm hạn hán: có thể thấy gì ở những vân cuộn của thớ gỗ? Tại chỗ này ngài có thể thấy một mắt gỗ có nét uốn nhấn nhá: một chồi cây cố gắng nhú ra vào ngày xuân sớm, nhưng sương giá ban đêm đã chặn nó lại. (Chỉ đến lúc này Đại Hãn mới nhận ra rằng chàng tuổi trẻ nước ngoài biết sử dụng trôi chảy ngôn ngữ xứ mình, nhưng hoàng đế không ngạc nhiên vì điều đó.) - Đây là một mắt gỗ lớn hơn: có lẽ từng là ổ của một con ấu trùng, không phải của một con mọt, bởi vừa sinh ra là mọt bắt đầu gặm, mà là ổ của một con sâu bướm ăn lá cây, và đấy chính là lý do cái

cây bị chọn đốn... Chỗ rìa này hơi nhô hơn dù đã được người thợ gỗ quý khảm bằng dao vạm để gắn dính với ô bên cạnh...

Vô số điều có thể đọc ra trong một mẫu gỗ nhỏ mịn bóng và nhẵn nhụi khiến Hốt Tất Liệt choáng ngợp; Marco Polo thì đã vừa kể về những khu rừng mun, những bè gỗ thả xuôi dòng các con sông, những bến đỗ, những cô gái bên cửa sổ...

Đại Hãn sở hữu một tập bản đồ vẽ tất cả các thành phố thuộc đế chế của mình và các vương quốc lân cận, từng cung điện, từng con đường, cùng với tường thành, dòng sông, cây cầu, bến cảng, vách đá. Hoàng đế biết, chẳng ích gì mà đón đợi tin tức từ lời tường thuật của Marco Polo về những chốn dù sao mình đã biết rõ, như ở Kambalu, thủ đô của Trung Hoa, cách thức ba thành phố vuông vắn nằm trong nhau, mỗi thành phố có bốn ngôi đền và bốn cánh cổng đóng mở theo mùa; như ở đảo Java, con tê giác trong cơn thịnh nộ chĩa bộ sừng hung hãn như thế nào; như ở vịnh Malabar, ngư dân mò ngọc trai dưới đáy biển làm sao.

Hốt Tất Liệt hỏi Marco Polo: - Khi quay về phương Tây, anh có lặp lại các câu chuyện đã kể với ta cho người đồng hương của anh nghe không?

- Tôi mãi miết kể - Marco Polo trả lời - nhưng người nghe chỉ đón nhận những lời họ trông đợi. Một là cuộc miêu tả cái thế giới đã được tai ngài ưu ái; một là cuộc miêu tả cái thế giới truyền tai nhau giữa những người phu bốc vác và chèo đò trên thêm-bến nhà tôi ngày trở

về; rồi một nữa là cuộc miêu tả cái thế giới mà về già tôi sẽ cho chép lại trường hợp bị hải tặc Genova bắt giữ và cùm chung buồng với một thư ký chép truyện phiêu lưu. Dẫn dắt câu chuyện không phải là lời kể mà là tai nghe.

- Đôi khi dường như ta nghe thấy tiếng anh vọng đến từ xa, trong khi ta đang là tù nhân của một hiện tại kịch cớm và khó sống, nơi mọi hình thái chung sống của con người đã đạt đến đỉnh điểm chu kỳ và không thể hình dung hình thái mới nào sẽ ra đời. Ta lắng nghe tiếng anh nói, những lý do vô hình để các thành phố sinh tồn, và có lẽ dựa vào đó, sau khi tàn lụi, chúng sẽ lại sinh tồn.

Đãi Hãn sở hữu một tập bản đồ miêu tả toàn bộ quả địa cầu, từ lục địa này sang lục địa kia, biên cương của các vương quốc xa xôi nhất, các tuyến đường tàu, bờ biển, địa hình của các đô thị lầy lừng nhất, các bến cảng thịnh vượng nhất. Hoàng đế lật từng trang dưới mắt Marco Polo để thử thách kiến thức chàng. Chàng lữ khách thành Venezia nhận ra Constantinople là cái thành phố ngự giữa ba bờ: một eo biển dài, một vịnh hẹp, một biển hồ; nhớ lại Jerusalem nằm trên hai ngọn đồi chênh chiều cao và đối diện nhau; không lường lự, chàng chỉ ra Samarkand và các khu vườn của nó.

Về các thành phố khác, chàng nhờ đến những miêu tả truyền miệng, hoặc đoán ra trên cơ sở những chỉ dẫn ít

ôi: thế là Granada óng ánh ngọc trai vua Hồi; Lubeck, bến cảng ngăn nắp nơi phương Bắc; Timbuktu đen ngời gỗ mun và trắng ngần ngà voi; Paris ngày ngày người người vung ổ bánh mì dừa trên đường về nhà. Qua các tiểu họa rực rỡ sắc màu, tập bản đồ thể hiện những vùng sinh thái có cấu trúc khác thường: một ốc đảo nấu sau cồn sa mạc, chỉ nhú lên những ngọn cây cọ, đấy chính là Nefta; một tòa lâu đài giữa bờ cát lở với đàn bò gặm cỏ trên bãi triều nước mặn, không thể không gọi nhớ Mont-Saint-Michel; và chỉ có thể là Urbino: một cung điện thay vì nhô lên giữa vòng tường thành, lại ôm cả một thành phố trong vòng tường thành của mình.

Tập bản đồ còn thể hiện những thành phố không thể thiếu giữa các thành phố khả thể về cấu trúc, song cả Marco Polo lẫn các nhà địa lý đều mơ hồ về sự hiện hữu cũng như địa điểm của chúng: một Cuzco bố trí tòa tròn, liên hệ đa phương, phản ánh cái trật tự hoàn hảo trong hoạt động mậu dịch, một Mexico sừng sững cung điện Montezuma xanh ngát mặt hồ, một Novgorod đầy ắp mái vòm củ hành, một Lhasa trắng nóc ngự trên mái mây của thế giới. Ngay cả từng thành phố này Marco Polo cũng nêu ra một cái tên băng quơ, và đề cập về một lộ trình để đi đến đấy. Rằng có bao nhiêu ngôn ngữ xứ khác thì sẽ có bấy nhiêu lần chuyển đổi tên của địa điểm; và mỗi địa điểm đều tới được từ các địa điểm khác bằng những tuyến đường và cách đi hết sức khác nhau: cưỡi, lái, chèo, bay.

- Ta thấy anh nhận ra thành phố tốt hơn khi nó nằm trên bản đồ, chứ không phải khi nó đã được anh tham quan tận mắt - hoàng đế đột ngột đóng tập sách lại, nói với Marco Polo.

Marco Polo đáp lời: - Du hành rồi du hành ngài nhận ra rằng các khác biệt sẽ tan biến: mỗi thành phố trở nên giống như mọi thành phố, các địa điểm chuyển đổi cho nhau về cấu trúc, trật tự, khoảng cách, một thứ mây mù vô thể xâm nhập các lục địa. Tập bản đồ của ngài báo toàn sự khác biệt: cái tập hợp phẩm tính ấy giống như những con chữ trong một cái tên.

Đại Hãn sở hữu một tập bản đồ thu thập địa hình của tất cả các thành phố: những thành phố dựng tường thành trên nền móng vững chắc, những thành phố rơi vào cảnh hoang phế bị cát bụi vùi lấp, những thành phố tồn tại trong một ngày và ở nơi nay vẫn chỉ lỗ chỗ hang thỏ rừng mới đào.

Marco Polo lật các trang bản đồ, nhận ra Jericho, Ur, Carthage, chàng chỉ vào các bến đổ bộ tại cửa sông Scamander, nơi các chiến thuyền của người Achaean mười năm nằm chờ đoàn quân hăm thành quay trở lại: cho đến khi con ngựa Ulysses cho đóng được kéo bằng tời đã lọt qua cổng Scaean. Nhưng khi nói về thành Troia, chàng tự nhiên dành cho nó cái cấu trúc của

Constantinople và dự kiến cuộc hãm thành suốt nhiều tháng trời của Mehmed, khôn ngoan như Ulysses, đem đến cho kéo các chiến thuyền di chuyển bằng đường bộ từ eo biển Bosphorus đến Sừng Vàng, vượt qua ghềnh thác, vòng qua Peru và Galata. Rồi sự hòa trộn giữa hai thành phố này sinh ra một thành phố thứ ba, có thể được gọi là San Francisco, bắc những nhịp thanh mảnh và dài dằng dặc trên Cầu Cổng Vàng và bờ vịnh, kéo đường-ray-bắt-mẫu cho tàu điện lên xuống dốc phố, và có thể phát triển thành như thủ đô của Thái Bình Dương một thiên niên kỷ sau, khi cuộc hãm thành dài ba trăm năm vốn dẫn đến việc các chủng người da vàng, da đen, da đỏ cùng hợp nhất với các hậu duệ còn sót lại của người da trắng trong một đế chế rộng lớn hơn cái đế chế của Đại Hãn.

Tập bản đồ có phẩm tính là vén mở cái cấu trúc của những thành phố chưa có cấu trúc cũng như chưa có tên. Có thành phố mang cấu trúc của Amsterdam, một mạng kênh đồng tâm bán nguyệt nằm xoay lên hướng Bắc với kênh tâm của Thái tử, của Hoàng đế, của Lãnh chúa. Có thành phố mang cấu trúc của York, lọt giữa vùng đồng hoang cao với vòng tường thành tua tủa những ngọn tháp. Có thành phố mang cấu trúc của New Amsterdam, còn được gọi là New York, chen chúc các tòa tháp bằng thép và kính trên một hòn đảo dài hẹp giữa hai con sông, đường phố giống như kênh mương sâu, tất cả thẳng tắp, trừ đại lộ Broadway.

Danh mục cấu thức là vô tận: cho đến khi mỗi cấu thức chưa tìm thấy thành phố của mình, những thành phố mới tiếp tục ra đời. Nơi cấu thức cạn kiệt biến tấu và tự rã, sự kết thúc của thành phố bắt đầu. Ở những trang cuối cùng của tập bản đồ, các mạng đường phố loãng ra, không khởi đầu cũng chẳng kết thúc, thành phố mang cấu thức của Los Angeles, cấu thức của Kyoto-Osaka: cái cấu thức không-cấu-thức.

Thành phố và Kẻ đã khuất • 5

Laudomia, như mọi thành phố, nằm sát cánh một thành phố khác, được cư dân gọi cùng một tên: Laudomia-của-người-chết, đó là cái nghĩa trang. Song tính năng đặc biệt của Laudomia là nó tồn tại tam trùng, chứ không chỉ nhị trùng, tức là bao gồm một thành phố thứ ba: Laudomia-của-người-chưa-sinh-ra.

Đặc điểm của thành phố nhị trùng thì đã rõ. Laudomia-của-người-sống càng đông đúc, càng mở rộng, thì diện tích mồ mả càng vượt ra xa khỏi tường rào. Đường đi ở Laudomia-của-người-chết chỉ vừa vặn cho xe phu đào huyệt qua lại, giữa sự phô trương của các tòa nhà không cửa sổ; song biểu đồ phố xá và trật tự thổ cư thì mô phỏng theo Laudomia-của-người-sống, và cũng như ở đó, các gia đình ngày càng chật cứng trong hàng hàng lớp lớp ngăn mộ chồng lên nhau. Vào những buổi chiều đẹp trời, cư-dân-sống đi thăm cư-dân-chết và giải mã tên tuổi họ trên tấm bia đá: giống như thành-phố-của-người-sống, thành-phố-của-người-chết truyền đạt một lịch sử kinh qua nhọc nhằn, tức giận, ảo tưởng, cảm xúc; chỉ có điều ở đây mọi thứ đều trở nên thiết yếu, triệt

bỏ tính tình cờ, đóng kín, quy củ. Để tự cảm thấy vững tâm, Laudomia-của-người-sống có nhu cầu tìm ra trong Laudomia-của-người-chết lời giải về chính mình, ngay cả khi người ta có cơ tìm thấy ở đó những lời giải dành cho nhiều chứ không chỉ một Laudomia, cho những thành phố đã có thể tồn tại song đã không tồn tại, hoặc chỉ thấy ở đó những lý lẽ cục bộ, mâu thuẫn, huyền hoặc.

Laudomia công bằng phân phối chỗ ở cũng rộng như thế cho kẻ rồi sẽ sinh ra; tất nhiên, không gian không thể đáp ứng đủ cho số người được giả định là vô tận, nhưng vì là chốn trống vắng, bao quanh bởi kiểu kiến trúc toàn là hốc, hộc, rãnh, và vì kẻ chưa sinh ra có thể bị gán cho bất kỳ kích cỡ nào: coi như bằng con chuột, con tằm, cái kiến, hoặc cái trứng kiến, nên không gì cản cản việc họ được hình dung là đang đứng tựa hoặc ngồi xổm trên mỗi kệ tường hay rầm phào, trên mỗi đầu cột hay bệ cột, dàn hàng hoặc tản ra, suy ngẫm về số phận của mình trong kiếp sống tương lai, và chiêm nghiệm trong một vãn cảm thạch toàn bộ Laudomia từ giờ cho đến hàng trăm hàng ngàn năm sau, chen chúc trong đám đông với trang phục kiểu mốt chưa từng thấy, chẳng hạn, tất cả đều bằng vải len màu tím cà, hoặc tất cả đều cắm lông gà tây trên khăn xếp; rồi nhận ra trong đó người cùng dòng máu, người thuộc các dòng họ đồng minh hoặc hiểm thù, con nợ và chủ nợ, rằng họ đi và đến, duy trì hoạt động buôn bán, rửa hận, đính ước vì tình yêu hoặc vì quyền lợi. Ở

Laudomia, cư-dân-sống lui tới nhà cư-dân-chưa-sinh-ra để cật vấn họ; bước đi âm vang dưới những mái vòm vắng vẻ, các câu hỏi được lắng lắng hình thành: cư-dân-sống luôn luôn hỏi về chính mình, không phải hỏi về kẻ rồi sẽ sinh ra; người thì lo để lại cái ký ức lầy lừng về mình, người thì lo nhấn chìm các nỗi tủi nhục của mình vào quên lãng; tất cả đều mong muốn lần theo sợi dây nhân quả trong các hành vi của mình; song càng quắc mắt, thì họ càng kém nhận ra mối tiếp diễn; cư dân Laudomia trong tương lai hiện ra là những chấm li ti như hạt bụi, hạt trước tách biệt hạt sau.

Khác với Laudomia-của-người-chết, Laudomia - của-người-chưa-sinh-ra không truyền đạt niềm an tâm nào đó mà chỉ truyền đạt nỗi hoảng hốt cho cư dân Laudomia đang sống. Cuối cùng, kẻ thăm viếng thấy mình đứng trước hai luồng suy nghĩ, không biết luồng nào trữ nhiều khắc khoải hơn: hoặc cho rằng số người sinh ra trong tương lai sẽ vượt xa toàn bộ số người sống và số người chết, lúc ấy từng đoàn người vô hình sẽ lèn chặt mọi lỗ trống giữa các tinh thể đá, chạt ních trên triển miệng phễu kiểu khán đài sân vận động, và vì kẻ cùng dòng máu ở Laudomia bội tăng với mỗi thế hệ, trong mỗi miệng phễu lại mở ra hàng trăm miệng phễu, mỗi miệng phễu có hàng triệu người rồi sẽ sinh ra, họ ngھnh cổ, hả họng để khỏi bị ngộp thở; hoặc cho rằng ngay cả Laudomia cũng sẽ biến mất, tất nhiên không biết

khi nào, và mọi cư dân cùng với nó, tức là thế hệ này tiếp nối thế hệ sau cho tới một con số nhất định thì không tiếp tục nữa, thế là lúc ấy Laudomia-của-người-chết và Laudomia-của-người-chưa-sinh-ra giống như hai bình chứa của chiếc đồng hồ cát vốn sẽ không được lật ngược lại, mỗi hạt cát chuyển từ sinh sang tử khi lọt qua cổ bình, rồi sẽ tới lúc cư dân Laudomia cuối cùng sinh ra, một hạt cát cuối cùng lọt qua, và bấy giờ thì nằm chờ trên đỉnh đồng cát.

Thành phố và Bầu trời • 4

Được triệu tập để soạn ra các tiêu chí thiết lập nên thành phố Perinzia, các nhà thiên văn học xác định địa điểm và thời điểm xây dựng thành phố dựa theo vị trí các vì sao. Họ vạch ra hai trục Hoàn và Tung, biểu thị trục trước như hành trình của mặt trời, trục sau như cái đòn để các tầng trời xoay quanh. Họ chia địa hình thành phố thành mười hai cung hoàng đạo, sao cho mỗi ngôi đền và mỗi khu phố đón nhận thích đáng sức tác động từ chòm sao phù hợp. Họ quy chiếu các điểm xác định vị trí cổng thành trở trên tường thành với dự kiến mỗi cổng sẽ lên khung cho một cuộc nhật thực ở những thiên niên kỷ tới. Các nhà thiên văn học đảm bảo Perinzia sẽ phản ánh sự hài hòa của thiên giới; quy luật thiên nhiên và ân sủng thần linh sẽ tác tạo vận mệnh cư dân.

Vậy là Perinzia được kiến tạo chính xác theo sự tính toán của các nhà thiên văn học; đông đảo dân chúng từ nhiều nơi kéo đến; thế hệ đầu sinh ra và lớn lên trong sự bảo bọc của Perinzia; rồi đến lúc họ lập gia đình và sinh con đẻ cái.

Trên đường phố và quảng trường ở Perinzia hôm nay

bạn sẽ gặp nào là người què, người lùn, người gù, người béo phì, đàn bà có râu. Chưa kể những nỗi bất hạnh không thể trông thấy: tiếng gào thét rợn óc vọng lên từ các hầm rượu và kho thóc, nơi nhiều gia đình giấu đi những đứa con ba đầu hoặc sáu chân.

Các nhà thiên văn học của Perinzia đứng trước một chọn lựa đau lòng: hoặc phải thừa nhận rằng mọi tính toán của mình đã sai lầm, các con số đó không miêu tả đúng bầu trời; hoặc phải tiết lộ rằng chính cái trật tự thần linh đã được phản ánh trong thành phố quái dị này.

Thành phố Tiếp diễn • 3

Trong các chuyến du hành của mình năm nào tôi cũng nghỉ chân ở Procopia và cũng chọn đúng căn phòng ấy, trong cùng quán trọ ấy. Từ lần đầu, khi vén tấm màn cửa sổ lên, tôi đã dừng lại ngắm nhìn phong cảnh hiện ra: một con mương, một cây cầu, một bờ tường, một cây thanh lương trà, một vườn ngô, một bụi mâm xôi, một chuồng gà, một mỏm đồi vàng hoe, một cụm mây trắng, một mảnh trời xanh hình thang. Tôi chắc rằng lần đầu ấy không có bóng ai; chỉ vào năm sau, giữa đám lá lay động, tôi mới nhận ra một khuôn mặt tròn dẹt đang gặm một bắp ngô. Rồi năm kế tiếp, trên bờ tường đã là ba, lượt trở lại, tôi trông thấy sáu, ngồi thành hàng, tay cầm một cái đĩa đặt trên đầu gối, trên đó có vài quả thanh lương trà. Rồi mỗi năm sau đó, vừa bước vào căn phòng là tôi vén màn cửa sổ lên, và đếm được thêm vài khuôn mặt: mười sáu, gồm cả những khuôn mặt dưới con mương; hai mươi chín, trong đó có tám đang đu đeo trên cây thanh lương trà; bốn mươi bảy, chưa tính số trong chuồng gà. Các khuôn mặt ấy giống nhau, vẻ hiền lành, má lốm đốm tàn nhang, mỉm cười, vài khuôn mặt miệng dính tép

mâm xôi. Không bao lâu tôi thấy đầy ắp dọc suốt cây cầu là các nhân vật với khuôn mặt tròn, ngồi rúc vào nhau bởi không còn chỗ trống; ngấu nghiến nhai hạt ngô, rồi gặm cái lõi.

Cứ thế, năm này qua năm khác, tôi không còn thấy con mương, ngọn cây, bụi mâm xôi, chúng bị che khuất đằng sau hàng hàng lớp lớp nụ cười bình yên, những đôi má tròn trịa rập rình nhai lá. Ai biết được trong cái khoảng không gian giới hạn như thửa ruộng ngô ấy có thể chứa bao nhiêu người, đặc biệt là đang ngồi bó gối, yên ắng. Không như ta tưởng, chắc chắn họ đông hơn nhiều: tôi thấy một đám đông ngày càng dày đặc phủ lên gò đồi; nhưng từ khi những kẻ ở trên cây cầu có thói quen người này cồng kênh người kia trên vai, tôi không thể dõi mắt nhìn xa hơn.

Cuối cùng, năm nay, khi tôi vén tấm màn lên, khung cửa sổ trải rộng toàn những khuôn mặt: từ góc này sang góc kia, trên mọi độ cao, ở mọi khoảng cách, đâu đâu cũng là những khuôn mặt tròn, yên ắng, dẹt dẹt, điểm nụ cười, và giữa đó, rất nhiều bàn tay bám lên vai kẻ đứng trước. Bầu trời cũng biến mất. Thế là tôi đành rời khỏi cửa sổ.

Không dễ gì mà di chuyển. Trong phòng nghỉ có hai mươi sáu người: khi nhấc chân đi tôi phải làm phiền những ai nằm co ro trên nền nhà, phải chen giữa những

cặp đầu gối của người ngồi trên tủ ngăn kéo và những cặp khuỷu tay của người tới phiên được tựa lên giường; rất may, mọi người đều lịch sự.

Thành phố Ẩn • 2

Cuộc sống ở Raissa không hạnh phúc. Trên đường phố, cư dân vừa bước đi vừa siết chặt nắm tay, họ rửa mắt những đứa trẻ đang khóc, họ dựa người vào lan can bên bờ sông tay ghì lấy thái dương, buổi sáng họ bị đánh thức bởi một giấc mộng tồi tệ để rồi lại bắt đầu một giấc mộng tồi tệ khác. Trên bàn thợ máy nơi mỗi giây phút đều có những ngón tay bị một cây búa đập lên hay bị một cây kim đâm vào; hoặc bên những cột số trời sục trong sổ sách của người chủ hiệu buôn hay chủ nhà băng; hoặc trước dây cộc đã cạy trên mặt quây bọc kẽm trong tủ quán: còn may là các mái đầu cúi gằm đỡ phải chạm những ánh mắt ác nghiệt. Ở trong nhà thì lại càng khốn khổ hơn, không cần bước vào cũng biết, vào những ngày hè, tiếng cãi vã và tiếng bát đĩa bị đập vỡ đình tai nhức óc phát ra từ cửa sổ.

Tuy nhiên, ở Raissa, mọi thời điểm đều có một đứa trẻ bên cửa sổ cười toe khi một con chó phóng lên mái nhà đớp mẩu bánh ngô rơi vãi từ anh thợ nề trên giàn giáo, người đã hét vang: “Người đẹp ới ời, cho anh chấm với nào!” – tới cô chủ quán, dưới giàn dây leo đang bung

một đĩa xôi cà chua thịt băm vui vẻ mang đến cho một bác thợ làm dù đang uống mừng vụ làm ăn tốt đẹp, chiếc dù ren trắng đã được một quý bà sang trọng tìm mua để phô diễn tại sân quần ngựa, bà ta đang tương tự một viên sĩ quan đã mỉm cười với mình khi phóng qua dãy hàng rào cuối cùng, chàng kỵ sĩ sung sướng đã hẳn, song con ngựa lại càng sung sướng hơn, lúc phóng qua các chướng ngại nó đã trông thấy một con chim đa đa bay trên bầu trời, con chim sung sướng vì đã được thả khỏi lồng nhờ một chàng họa sĩ sung sướng vì đã vẽ con chim chi li đến từng cọng lông vũ đỏm đỏm vàng trên bức tiểu họa trong trang sách có nhà hiền triết nói: “Thậm chí ở Raissa, cái thành phố buồn bã, cũng có một sợi dây vô hình kết nối một sinh thể này với một sinh thể kia trong một khoảnh khắc rồi rời ra, sau đó sợi dây lại được căng giữa các điểm chuyển động, vạch ra những mẫu thức chớp nhoáng mới mẻ để mà ở mọi tích tắc cái thành phố khốn khổ sẽ bao hàm một thành phố sung sướng vốn chẳng ý thức là mình tồn tại.”

Thành phố và Bầu trời • 5

Andria được xây dựng tài tình đến mức mỗi đường phố uốn theo quỹ đạo một hành tinh; các dinh thự, các địa điểm sinh hoạt cộng đồng lặp lại trật tự những chòm sao và vị trí những vì sao sáng nhất Antares, Alpheratz, Capella, Cepheids. Nghị sự của thành phố được quy định sao cho công việc, mục vụ, nghi lễ được sắp xếp theo một đồ hình tương ứng với đồ hình bầu trời ngày hôm đó: cho nên ngày dưới đất và đêm trên trời soi chiếu lẫn nhau.

Mặc dù tuân theo một quy chế chặt chẽ, sinh hoạt của thành phố diễn ra bình thản như sự chuyển động của thiên thể và đạt được tính tất định của các hiện tượng không chịu tác động từ ý chí của con người. Tán dương cư dân Andria về những thành quả cần cù lao động và thần thái an nhiên của họ, tôi thốt lên:

- Vâng, tôi hiểu rằng - nhờ cảm thấy mình là một thành phần của bầu trời bất biến, mình là cái bánh răng trong một bộ máy đồng hồ chính xác - các bạn đã vô cùng cẩn trọng trong việc tránh không đem lại bất kỳ một biến đổi nào dù là nhỏ nhất cho thành phố và tập quán của mình. Andria là thành phố duy nhất mà tôi biết,

thích hợp cho việc duy trì sự tự tại theo thời gian.

Họ bối rối nhìn nhau. - “Ừa! Sao lại thế? Ai nói với ông vậy?” - Và họ dẫn tôi đi thăm: một con dốc mới mở gần đây trong rừng tre, một nhà-hát-bóng đang xây ở chỗ vốn là trại chó thành phố, nay được dời đến các nhà lều trong khu trại cùi xưa kia, bị giải tỏa vì những nạn nhân nhiễm dịch cuối cùng đã lành bệnh, và một bến cảng bên sông vừa mới khai trương, với một bức tượng nhà toán học Thales và một giàn cầu trượt nước.

- Thế các đổi mới này không làm xáo trộn nhịp điệu sao của trời thành phố các bạn à? - Tôi hỏi.

- Thành phố chúng tôi và bầu trời tương ứng nhau hoàn hảo đến mức - họ trả lời - bất kỳ một thay đổi nào ở Andria cũng can dự đến cái mới mẻ nào đó giữa các vì sao.

Sau mỗi biến đổi diễn ra ở Andria, các nhà thiên văn học đưa kính viễn vọng rà soát, họ ghi nhận cú nổ bùng khai sinh một vì sao mới, sự chuyển từ màu cam sang màu vàng của một cái chấm xa tí trên bầu trời, sự phát triển của một tinh vân, hoặc độ cong của một vòng xoắn trong dải thiên hà. Mỗi thay đổi bao hàm một loạt các thay đổi khác, ở Andria, như ở giữa các vì sao: thành phố và bầu trời chẳng bao giờ duy trì y nguyên.

Về tính cách của cư dân Andria, có hai đức hạnh đáng khắc ghi: tự tin và khôn ngoan. Đoan chắc rằng mỗi đổi

mới ở thành phố sẽ ảnh hưởng lên đồ hình bầu trời, trước mỗi quyết định, họ tính toán những rủi ro và những phúc lợi đồng thời đem lại cho mình, cho thành phố, và cho tất cả các thế giới.

Thành phố Tiếp diễn • 4

Ngài trách tôi rằng mỗi câu chuyện của tôi đều dẫn ngài vào thẳng một thành phố mà không kể về cái không gian trải ra từ thành phố này sang thành phố kia, chẳng hạn, không gian bao trùm là biển, là đồng lúa mạch, là rừng thông, là đầm lầy. Tôi xin đáp lời ngài bằng một câu chuyện.

Trên một con đường ở Cecilia, cái thành phố lưng danh, có lần tôi gặp một người mục đồng đang lừa đàn dê đeo chuông kêu leng keng chạy dọc theo một bức tường.

- Đây người hưởng phước trời - ông ta dừng lại hỏi tôi - ông có biết cái thành phố chúng ta ghé qua này tên là gì không?

- Xin thần linh phù hộ ông! - tôi thốt lên - Sao ông lại không thể nhận ra cái thành phố Cecilia rạng rỡ bốn phương này?

- Xin ông cảm thông - ông ta trả lời - tôi là một mục đồng đi tìm đồng cỏ giao mùa. Nhiều khi tôi và dê phải băng ngang những thành phố; song chúng tôi không phân biệt được chúng. Nếu ông hỏi tên các cánh đồng cỏ,

tôi sẽ nói vanh vách: Đồng Cỏ Vách Đá, Đồng Cỏ Triền Xanh, Đồng Cỏ Bóng Râm. Còn các thành phố đối với tôi đều vô danh: những chốn trơ trụi không cây lá, chia cắt đồng cỏ này với đồng cỏ kia, nơi mà tại các giao lộ, đàn dê đâm ra hoảng sợ và tán loạn. Tôi và con chó phải chạy theo để giữ gìn sự kết đàn.

- Ngược lại với ông - tôi nói - tôi chỉ nhận biết thành phố, và không phân biệt được những gì ở bên ngoài. Tại những nơi không người ở, mỗi hòn đá, mỗi ngọn cỏ dưới mắt tôi đều lẫn vào mọi hòn đá, mọi ngọn cỏ.

Nhiều năm trôi qua; tôi biết thêm nhiều thành phố và băng qua những châu lục. Một hôm, đi giữa các dãy nhà y như nhau, tôi bị lạc. Tôi hỏi một khách qua đường:

- Xin chư thần bất tử phù hộ ông, ông có thể cho tôi biết chúng ta đang ở đâu không?

- Ở Cecilia, xui xẻo làm sao! - người ấy trả lời - Đã từ lâu, tôi và đàn dê lang thang khắp các khu phố, thế mà nay vẫn chưa thể ra khỏi...

Mặc dù bộ râu dài đã bạc trắng, tôi nhận ra đó chính là lão mục đồng thuở trước. Theo sau lão là mấy con dê với bộ lông xơ xác, thậm chí chẳng còn bốc mùi, chỉ còn da bọc xương. Chúng đang gặm giấy vụn trong các thùng rác.

- Không thể thế được! - tôi kêu lên. - Tôi cũng vậy,

chẳng biết từ khi nào mình đã bước vào một thành phố và kể từ đó vẫn tiếp tục dẫn sâu vào phố xá. Song làm sao mà tôi đến được cái nơi ông vừa nói, khi mà tôi đang ở trong một thành phố khác, xa Cecilia vô cùng, và vẫn chưa ra khỏi đó?

- Các nơi chốn đã hòa vào nhau - lão chần dề nói - Cecilia ở khắp mọi nơi; nơi đây xưa kia ắt phải là Đồng Cỏ Cứu Độ Là Là. Đàn dê của tôi nhận ra thứ cỏ ấy trên các bùn binh.

Thành phố Ẩn • 3

Một nhà tiên tri, khi được hỏi về vận mệnh của Marozia, bảo rằng: “Tôi trông thấy hai thành phố: một của chuột, một của chim én.”

Lời tiên tri được diễn giải như sau: Marozia hôm nay là một thành phố nơi cư dân xáo xác chạy dưới các đường hầm lát chì như đàn chuột sục mồm giành nhau cắn xé thức ăn thừa bị rơi vãi từ những cái mồm của một đàn chuột dữ tợn hơn; tuy nhiên, một thế kỷ mới sắp bắt đầu, khi đó cư dân Marozia sẽ bay như chim én trên bầu trời mùa hè, ới ới gọi nhau như trong một trò chơi, biểu diễn những chuyển động cánh lượn là, giải trừ muỗi và ruồi nhướn khỏi bầu không khí.

- Đây là lúc thế kỷ của chuột chấm dứt và thế kỷ của chim én bắt đầu. - Số cư dân kiên quyết nhất nói. Và trên thực tế, ngay từ thời thống trị của lũ chuột u ám và tham lam đã có những người âm thầm nhận thấy mình đang ấp ủ một niềm thôi thúc chim én, vút lên làn không khí trong vắt bằng một cú phất đuôi tài tình, sải cánh rạch một đường cong trên chân trời rộng mở.

Tôi trở lại Marozia nhiều năm sau đó; lời tiên tri được

coi là đã biến thành hiện thực từ lâu, thế kỷ cũ đã lùi vào bóng tối; còn thế kỷ mới đang ở cao trào. Thành phố chắc chắn đã thay đổi, có lẽ theo chiều hướng tốt hơn. Song những đôi cánh tôi trông thấy đây đó lại là những cánh dù ám muội sập che những ánh nhìn nặng trĩu nắp mắt; vẫn có những kẻ tin rằng mình bay, nhưng vẫy đập cặp cánh màng dơi mà nhấc mình lên được khỏi mặt đất là đã phúc lắm rồi.

Còn xảy ra sự thể này, men theo dải tường thành rắn chắc ở Marozia, vào cái lúc ít chờ ít đợi nhất, ngài sẽ chợt thấy một kẽ nứt hé lộ ra một thành phố khác trong khoảng khắc rồi biến mất. Có lẽ cốt yếu là ở việc nhận biết ngôn từ nào để phát biểu, động tác nào để tiến hành, trật tự nào, nhịp điệu nào để tuân thủ, hoặc chỉ cần cái ánh mắt, câu trả lời, dấu hiệu của một người nào đó, hay chỉ cần có ai đó thực hiện điều gì đó chỉ vì niềm vui thực hiện nó, và với động cơ niềm vui của mình sẽ trở thành niềm vui của người khác: tại thời điểm đó, mọi khoảng không gian đều thay đổi, chiều cao, khoảng cách, thành phố sẽ hóa thân, biến thành tinh thể, trong suốt như một con chuồn chuồn. Nhưng tất thảy phải xảy ra như thể tình cờ, chẳng nên quan trọng hóa, chẳng nên cho rằng mình đang hoàn thành một hoạt động quyết định, trong lúc luôn nhớ rằng vào một lúc nào đó Marozia trước kia sẽ quay về để hàn đắp cái vòm trần đá đầy mạng nhện và nấm mốc trên đầu.

Nhà tiên tri đã sai? Không hẳn. Tôi diễn giải theo cách này: Marozia bao gồm hai thành phố: một của chuột và một của chim én, cả hai đều thay đổi theo thời gian; song mối quan hệ thì không: thành phố sau là thành phố đang sửa soạn tự giải phóng mình khỏi thành phố trước.

Thành phố Tiếp diễn • 5

Để kể cho ngài nghe về Pentesilea, tôi cần mở đầu bằng việc miêu tả cuộc đi vào thành phố. Tất nhiên, ngài hình dung thấy một vòng tường thành nhô lên từ dải đồng bằng mù bụi, rồi tiến bước đến cái cổng vào nơi có hai viên lính gác đã nhìn chằm chằm dò xét các bị hành lý của mình. Chưa đến đấy, ngài vẫn là người ngoài cuộc; bước mấy bước dưới một vòm cổng tò vò, ngài đột nhiên thấy mình đang ở trong thành phố; một bề dày uyên áo cô đặc bao quanh ngài; một bức phù điêu sẽ tự vén mở nó nếu ngài lần theo những hình chạm gỗ ghê trên mặt đá.

Nếu tin vào đó, ngài sẽ nhầm: Pentesilea không phải như thế. Ngài rảo bước hàng giờ mà vẫn không rõ mình đang ở ngoài hay ở trong thành phố. Như một lòng hồ đang cạn dần thành đầm lầy, Pentesilea lan ra xung quanh hàng dặm: một món xúp loãng lớn nhón những khu phố giữa đồng bằng, những chung cư nhợt nhạt tro lừng cùng cột kèo mái tôn trên bãi cỏ lờm chờm. Đây đó dọc theo hai bên đường san sát những cấu trúc xây dựng với mặt tiền nhỏ hẹp, cọc cạch cao thấp như răng lược gãy, như thể đánh dấu từ chỗ này trở đi mạng lưới phố xá

sẽ dày hơn. Vậy mà tiếp tục đi ngài lại sẽ gặp những khu đất trống huếch, đi hết một khu ngoại ô loang lổ công xưởng và nhà kho, một cái nghĩa địa, một khu hội chợ với các vòng đu quay, một lò mổ, thì ngài lọt vào một con đường với các cửa hiệu ào ạt hút giữa những ô đất ruộng trơ trụi.

Gặp người đi đường, nếu ngài hỏi: “Pentesilea đâu vậy kia?” - họ sẽ phác một động tác bao quát khiến ngài không hiểu họ muốn nói: “Ở đây.” hay là: “Ở quá ra đằng kia.” hay là: “Ở loanh quanh đâu đây.” - hay lại là: “Ở phía ngược lại.”

- Tôi muốn hỏi về cái thành phố - ngài nhấn mạnh.

- Sáng nào chúng tôi cũng đến đây làm việc - vài người trả lời, một số khác lại nói: - Còn chúng tôi thì trở về đây ngủ.

- Thế còn cái thành phố nơi mọi người đang sống? - ngài hỏi.

- Ất nó phải ở tuốt đằng kia - họ bảo, vài người giơ tay chỉ chéo về phía những cụm khối đa diện mờ xa nơi chân trời, một số khác lại trở về phía sau lưng ngài, nơi những mũi chớp ám bóng.

- Vậy là tôi đã đi qua nó rồi mà không biết?

- Không phải đâu, ông cứ thử đi tiếp xem sao.

Thế là ngài tiếp tục đi, qua hết khu ngoại ô này đến khu ngoại ô kia, rồi cũng tới lúc phải rời Penthesilea. Ngài hỏi đường ra khỏi thành phố; ngài lại đi qua một chuỗi những xóm ngoại ô nằm rải rác như những vết sơn tung tóe; màn đêm buông xuống; ánh sáng hắt ra từ các cửa sổ, lúc thì thưa thớt, lúc thì dày đặc.

Liệu rằng ẩn trong một cái hõm hoặc một nếp nhăn nào của cái môi trường sút lở này có một Penthesilea nhận biết được và hồi tưởng được cho ai đã từng ghé qua hay không? Hoặc giả, phải chăng Penthesilea chỉ là các khu ngoại ô của chính nó và trung tâm thành phố là ở mọi địa điểm? Ngài thôi không còn muốn biết. Trong tâm trí ngài giờ đây bắt đầu xoay vần cái câu hỏi khắc khoải hơn: chẳng lẽ bên ngoài Penthesilea lại có một bên ngoài? Hoặc chẳng lẽ dù có rời xa thành phố cách mấy thì ta cũng chỉ đang thực hiện cái việc đi hết chốn u minh này đến chốn u minh khác mà không thể ra khỏi đó?

Thành phố Ẩn • 4

Thành phố Teodora khốn khổ vì các cuộc xâm lăng xảy ra liên miên trong lịch sử nhiều thế kỷ của nó; kẻ thù này tan tác thì kẻ thù khác dấy lên, đe dọa sự sống còn của cư dân. Tổng khứ kền kền khỏi bầu trời thì phải đối phó với sự lớn mạnh của rắn; tiêu diệt nhện thì ruồi sinh sôi nảy nở đen kịt; chiến thắng mới là giao thành phố cho mọt. Lần lượt từng loài xung khắc với thành phố đều bị khuất phục và tuyệt diệt. Mài miết xé toạc vảy vỏ và mai giáp, triệt nhổ lông và cánh, con người vẫn cho Teodora độc quyền cái hình ảnh thành phố mang nhân tính cố hữu.

Nhưng trước tiên, trong nhiều năm dài, người ta không dám chắc trong cuộc tranh giành quyền sở hữu thành phố với con người, chiến thắng cuối cùng sẽ không thuộc về cái giống vật còn lại sau rốt: lũ chuột. Từ mỗi thế hệ loài gặm nhấm mà con người tiêu diệt xong, một ít con sống sót sẽ đẻ ra một thế hệ hung hãn hơn, không hề hấn gì với bầy rập và trơ trơ trước mọi loại thuốc độc. Trong vòng vài tuần lễ, đàn chuột lại lúc nhúc tràn lan các hầm cống ở Teodora. Cuối cùng, qua một cuộc tàn sát triệt để, tài trí linh hoạt và kỹ năng giết chóc của con

người đã chiến thắng khả năng sống áp đảo của kẻ thù.

Thành phố, cái nghĩa trang khổng lồ của vương quốc động vật, nay được khủ trùng, đầy kín nắp bên trên các xác thú cuối cùng đã bị chôn vùi cùng với lũ bọ sau cùng và đám vi khuẩn sau cùng. Con người, rốt cuộc, đã khôi phục trật tự cho cái thế giới bị chính mình đảo lộn: không còn loài sinh vật nào khác tồn tại để tranh chấp với mình. Và để ghi nhớ về cái hệ động vật ấy, trên ngăn kệ thư viện thành phố Teodora người ta hẳn đã giữ gìn bộ sách của các nhà bác học Buffon và Linnaeus.

Ít nhất thì cư dân Teodora đã tin tưởng như thế, chẳng may giả định rằng một hệ động vật bị lãng quên sắp tỉnh giấc sau kỳ ngủ đông. Từ khi bị lật đổ bởi những giống loài nay đã tuyệt chủng, hệ động vật này, giấu mình trong suốt các kỷ nguyên dài ở những nơi hẻo lánh, tái xuất từ những hầm thư viện nơi bảo quản các bộ sách in đầu tiên, bật nhảy từ các kệ cột, ống máng; đeo bám trên đầu giường ngủ. Các nhân sư, sư ưng, ngáo ộp, chằn, dê hươu, yêu quái mình chim, mãng xà nhiều đầu, kỳ lân, rắn thần bắt đầu giành lại quyền sở hữu thành phố của mình.

Thành phố Ấn • 5

Thay vì kể về Berenice, cái thành phố bất công đội vương miện lộng lẫy những nét khắc chìm ba, những đầu cột, trán tường trên cái guồng-máy-nghiền-người của nó (người lao công lau chùi đánh bóng ngẩng đầu khỏi lan can, ngắm những khung cổng, cầu thang, tiền sảnh, càng thấm thía về tình cảnh lệ thuộc và thấp cổ bé miệng của mình), tôi cần kể về một Berenice-ấn, cái thành phố của người công bằng, tất bật với những vật liệu cấp thời trong bóng tối gian hậu-sảnh-nhà-kho và găm cầu thang, đang kết một mạng dây, ống, ròng rọc, pít tông, quả rọi, đâm luôn như những nhánh cây leo giữa các bánh quay răng cửa khổng lồ (mà khi tắc nghẽn, sẽ phát ra tiếng xành xạch rè rè, thông báo việc thành phố nay được cai quản bởi một cơ chế chính xác mới); thay vì miêu tả các bể nước sục nức dầu thơm trong tòa nhà tắm, nơi kẻ bất công của Berenice nằm dài trên bờ dẹt những mưu mô bằng lời lẽ hùng hồn ngọt xớt và lia cặp mắt chủ nhân ông thăm dò các cung nữ thịt da ngọt ngào đang tắm, tôi cần kể về sự thể người công bằng - vốn luôn luôn cảnh giác tránh xa cặp mắt soi mói của bọn nịnh thần và mạng

lưới bắt bớ của đội vệ binh - nhận ra nhau qua cách nói chuyện, đặc biệt là cách phát âm dấu phẩy và dấu ngoặc đơn; qua các tập quán tắm trong khổ hạnh và thơ ngây, vượt thoát những tâm trạng phức tạp, tối tăm; từ cách ăn uống thanh đạm mà giàu hương vị, gợi lại một thời hoàng kim cổ xưa: cháo rau cần, đậu luộc, hoa mướp rán.

Từ các dữ liệu này có thể suy ra hình ảnh một Berenice tương lai, dẫn ngài đến gần việc nhận thức sự thật hơn là mọi thông tin về thành phố như được cho thấy hôm nay. Song ngài cần ý thức về điều tôi sắp thổ lộ này: trong cái mầm thành phố của người công bằng, tới phiên nó, cũng tiềm ẩn một mầm độc - sự chắc chắn và niềm kiêu hãnh mình thuộc về phía công bằng, và mình công bằng hơn vô số những kẻ kia vốn tự cho rằng họ là người công bằng nhất trong người công bằng - sẽ lên men thành chua xót, kinh dị, trả đũa, thế là niềm mong muốn tự nhiên được đền bù từ kẻ bất công sẽ nhuộm màu khát vọng mình được thế chỗ họ và làm y như họ. Vậy nên, lại một thành phố bất công nữa, dấu khác cái trước, đang đục khoét không gian bên trong lớp vỏ kép Berenice bất công-công bằng.

Nêu vấn đề như thế, nhưng không muốn mất ngài thu nhận một hình ảnh méo mó, tôi cần lưu tâm ngài về một tính chất nội tại của cái thành phố bất công này, vốn nảy mầm bí mật trong cái thành phố công bằng bí mật;

như mở một cửa sổ vui mừng: sự thức tỉnh khả thể của một tình yêu tiềm ẩn dành cho sự công bằng chưa bị đặt dưới quy định, có khả năng tái lập một thành phố công bằng hơn chính nó khi chưa bị trở nên một chỗ chứa của sự bất công. Song nếu tiếp tục rà soát bên trong cái mầm công bằng mới này, ngài lại phát hiện một đốm chấm đang loang ra thành một xu hướng ngày càng gia tăng việc áp đặt những gì công bằng xuyên qua những gì bất công, và có lẽ đó là hạt mầm của một đại đô thị mênh mông...

Từ diễn ngôn của tôi ngài hẳn sẽ rút ra cái kết luận: Berenice đích thực chính là cái chuỗi kế tiếp các thành phố khác nhau theo thời gian, lần lượt công bằng rồi bất công. Song điều tôi muốn cảnh báo lại là một điều khác: tất cả các Berenice tương lai đã góp mặt tại khoảnh khắc này rồi, Berenice này bọc lấy Berenice kia, ép chặt, nhồi cứng, không thể tách rời.

Tập bản đồ của Đại Hãn gồm cả địa hình các miền-đất-hứa đã được tham quan bằng tư tưởng, song vẫn chưa được phát hiện hoặc thành lập: Tân Atlantis, Utopia, Thành phố Mặt trời, Oceana, Tamoé, New Harmony, New Lanark, Icaria.

Hốt Tất Liệt hỏi Marco Polo:

- Anh đã thám hiểm đây đó và trông thấy các ký hiệu, liệu anh có thể cho ta biết rồi ngọn gió lành sẽ đưa chúng ta về tương lai nào trong các tương lai ấy.

- Với các bến bờ này, tôi biết thế nào mà vạch ra hải trình trên bản đồ, cũng như biết làm sao mà xác định ngày tháng cập bến. Đôi khi chỉ cần một tia nhìn vén mở giữa một cảnh quan bất cập nào đó như một ánh đèn rọi chiếu trong sương mù, lời đối thoại giữa hai khách qua đường không hẹn mà gặp giữa dòng người ngược xuôi - là tôi nghĩ, khởi từ đây mình sẽ kết hợp mẫu này với mẫu kia của cái thành phố hoàn hảo, những phân mảnh hòa trộn với phần còn lại, những khoảnh khắc tách riêng ra giữa những quãng diễn biến, những tín hiệu của một người gửi không biết người nhận là ai. Dù tôi có bảo ngài rằng đích đến trong cuộc hành trình của tôi chính là cái thành phố gián đoạn về không gian và thời gian, lúc thưa, lúc dày, thì ngài cũng không nên cho rằng mình có thể thôi không tìm kiếm nữa. Có lẽ lúc này, khi chúng ta đang chuyện trò thì nó cũng đang thấp thoáng xuất hiện

đâu đó bên trong biên cương đế chế của ngài; ngài có thể truy tìm nó, song theo cái cách mà tôi đã nói với ngài.

Đại Hãn lật tập bản đồ tìm xem địa hình của các thành phố đầy ám ảnh trong những cơn ác mộng và những lời nguyên rủa: Enoch, Babylon, Yahoo, Butua, Tân Thế Giới Can Đảm.

Hoàng đế nói:

- Vô tích sự! Vô tích sự! Nếu nơi cập bến cuối cùng chỉ có thể là thành phố địa ngục, thì kìa: chính cái dòng xoáy ngày càng thắt lại hun hút dưới kia sẽ nuốt chửng chúng ta.

Marco Polo nói:

- Địa ngục của người sống, nếu có, không phải là nơi nào đó sẽ là, mà đã là chốn này; cõi địa ngục chúng ta đang sống từng ngày, do chính chúng ta hình thành khi chung sống. Có hai cách đương đầu với nỗi thống khổ. Cách thứ nhất dễ tiếp cận đối với nhiều người: chấp nhận địa ngục và dự phần trong đó đến mức không còn thấy nó là địa ngục. Cách thứ hai đầy rủi ro và đòi hỏi sự chú tâm tìm kiếm và học hỏi liên tục để nhận biết người nào, sự nào, giữa địa ngục, không là địa ngục, duy trì và dành không gian cho người ấy, sự ấy.

Lời tác giả^[1]

Trong Những thành phố vô hình không có thành phố nào nhận ra được. Tất cả đều được sáng tác; tôi gọi mỗi thành phố bằng một cái tên nữ; tác phẩm được thể hiện qua các tiểu đoạn, mỗi tiểu đoạn mong nêu lên một khởi điểm để suy ngẫm vốn có thể dành cho bất kỳ một thành phố nào hoặc cho cái thành phố nói chung.

Tác phẩm được phát sinh từng mẩu một, có khi giữa những khoảng gián đoạn dài, như thể những vần thơ tôi ghi ra trên giấy, theo đuổi những cảm hứng hết sức khác nhau. Thực hành viết của tôi là tiến hành hàng loạt: tôi giữ nhiều hồ sơ, tùy theo trang viết mà xếp vào hồ sơ thích hợp, dựa trên những ý tưởng có trong đầu lúc đó, hoặc chỉ ghi chú những điều mình muốn viết. Tôi có một hồ sơ dành cho những đồ vật, một dành cho những động vật, một dành cho những con người, một dành cho những nhân vật lịch sử, một dành cho những anh hùng trong thần thoại; tôi có một hồ sơ về bốn mùa và một hồ sơ về năm giác quan; ở một hồ sơ tôi tập hợp các trang viết về những thành phố và những phong cảnh trong cuộc sống của mình, ở một hồ sơ khác: những thành phố

tưởng tượng, nằm ngoài không gian và thời gian. Khi một hồ sơ bắt đầu đầy đặn các trang viết, tôi cũng bắt đầu suy nghĩ về tác phẩm mình có thể rút ra.

Theo cách đó, trong những năm qua, tôi cứ mang tác phẩm viết về những thành phố này, tôi viết lúc này lúc kia, từng mẩu một, trải qua những giai đoạn khác nhau. Có dạo, trong trí tưởng tượng của tôi chỉ toàn những thành phố buồn thảm, có lúc lại toàn những thành phố vui sướng; có khoảng thời gian tôi so sánh thành phố với bầu trời đầy sao, ở khoảng thời gian khác lại luôn bị thúc đẩy để nói về cái bãi rác hằng ngày tràn ra khỏi thành phố. Nó có phần trở nên như thể một cuốn nhật ký dôi theo những tâm trạng và suy ngẫm của tôi; tất cả cuối cùng đều biến thành những hình ảnh về thành phố: những quyển sách tôi đọc, những cuộc triển lãm nghệ thuật tôi đã ghé thăm, những buổi thảo luận với bạn bè.

Song tập hợp tất cả các trang viết này chưa tạo nên một tác phẩm: một tác phẩm (tôi tin thế) là cái gì đó có một sự khởi đầu và một sự kết thúc (ngay cả khi đây không phải là một cuốn tiểu thuyết theo sát nghĩa của nó), một không gian mà người đọc phải bước vào, đi đây đi đó, có thể bị lạc, nhưng tới một điểm thì tìm được một cánh cửa, hoặc có thể nhiều cánh cửa, cái khả năng khai mở cho mình một con đường để đi ra. Ai đó trong các bạn

có thể nói với tôi rằng định nghĩa này có thể được áp dụng cho một tiểu-thuyết-có-cốt-truyện, chứ không cho một tác phẩm như thế này, vốn nên đọc như thể đọc một tập thơ, một tập tiểu luận, hay cùng lắm là một tập truyện ngắn. Vâng, tôi sẽ chỉ nói rằng ngay cả một tác phẩm như thế này, để là một tác phẩm, phải có một kiến tạo, nghĩa là người ta phải có khả năng khám phá ra trong đó một cốt-truyện, một lộ trình, một giải pháp.

Sách thơ tôi chưa bao giờ viết, song sách truyện tôi đã viết một số quyển, và ở quyển này tôi thấy mình đứng trước vấn đề là phải mang lại một trật tự cho các tiểu đoạn đơn lẻ, vốn có thể trở nên một vấn đề khó khăn. Lần này, ngay từ đầu tôi đã xác định tiêu đề của một chuỗi ở đầu mỗi trang: Thành phố và Ký ức, Thành phố và Dục vọng, Thành phố và Ký hiệu; chuỗi thứ tư có lúc tôi gọi là Thành phố và Cấu trúc, cái tiêu đề mà sau đó cho thấy là quá chung chung, và cuối cùng đã được chia ra cho những chuỗi khác. Có giai đoạn, trong khi triển khai viết về thành phố, tôi phân vân không biết nên tạo ra nhiều chuỗi, hay giới hạn chúng trong một số ít (hai chuỗi đầu tiên là căn bản), hay loại bỏ tất cả. Nhiều tiểu đoạn tôi không biết xếp vào chuỗi nào, thế là tôi đi tìm các định nghĩa mới. Tôi có thể kết nhóm cho những thành phố có phần trừu tượng, trên không, mà cuối cùng được gọi là Thành phố Mỏng. Một số có thể định nghĩa là Thành phố Kép, nhưng sau đó tôi thấy tốt hơn nên phân phối chúng

vào những nhóm khác. Một số chuỗi khác tôi đã không dự kiến: chúng nảy sinh vào phút cuối, bằng cách phân phối lại các tiểu đoạn đã được xếp loại, đặc biệt là từ dạng “ký ức” và “dục vọng”, ví dụ Thành phố và Mắt (đặc trưng bởi tính chất thị giác), hay Thành phố và Giao lưu, đặc trưng bởi sự giao lưu: giao lưu về kỷ niệm, về ước muốn, về hành trình, về số phận. Thành phố Tiếp diễn và Thành phố Ẩn, trái lại, là hai chuỗi tôi viết theo chủ đích, tức là, với một ý định chính xác, khi tôi bắt đầu hiểu ra cái cấu trúc và ý hướng mang lại cho tác phẩm. Dựa trên cơ sở các chất liệu đã tích lũy được, tôi tìm tòi cách kết cấu thích hợp, thế là tôi cho các chuỗi luân phiên, đan xen nhau, và cùng lúc không để diễn tiến của tác phẩm bị ngắt quá xa về trình tự thời gian xuất hiện của các tiểu đoạn đơn lẻ. Và cuối cùng tôi quyết định con số 11 chuỗi, mỗi chuỗi gồm 5 tiểu đoạn. Các tiểu đoạn mang một khí hậu chung nào đó trong những chuỗi khác nhau sẽ được tập hợp thành chương. Hệ thống các chuỗi đan xen nhau là cái hệ thống đơn giản nhất có thể, cho dù đã có người chuyên chú khảo sát nó và đưa ra cách giải thích.

Tôi chưa đề cập về điều lẽ ra nên nói trước tiên: Những thành phố vô hình được giới thiệu như là loạt tường trình về các chuyến đi của Marco Polo với Hốt Tất Liệt, Hoàng đế của người Tartar. (Trong thực tế lịch sử, Hốt Tất Liệt, hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn, là Hoàng đế của người Mông Cổ, nhưng Marco Polo trong tác phẩm

của mình đã gọi ông là Đại Hãn của người Tartar, và điều đó vẫn tiếp tục trong truyền thống văn học Ý.) Không phải tôi tự đề xuất cho mình việc lần theo hành trình của chàng thương gia thành Venezia đã thành công đặt chân đến Trung Quốc ở thế kỷ XIII, và tại đó, trong tư cách sứ giả của vị Đại Hãn, đã đi thăm nhiều vùng Viễn Đông. Bây giờ phương Đông là một chủ đề dành cho những người có thẩm quyền, điều mà tôi không có. Nhưng ở các thế kỷ đều có những nhà thơ và nhà văn lấy cảm hứng từ Những chuyến du hành của Marco Polo như một dàn dựng mê hoặc và hương xa: Samuel Taylor Coleridge trong một bài thơ nổi tiếng của mình, Franz Kafka trong Thông điệp của Hoàng đế, Dino Buzzati trong Hoang mạc Tartar. Duy Nghìn lẻ một đêm là có thể tự hào về một số phận tương tự: những tác phẩm trở thành như thể những châu lục tưởng tượng mà ở đó những tác phẩm văn học khác tìm được không gian cho mình; những châu lục của “Chốn khác”, cái chốn mà hiện nay có thể nói rằng không còn tồn tại nữa, bởi toàn bộ thế giới đang có xu hướng đồng-nhất-hóa lẫn nhau.

Vị hoàng đế sâu muộn này - người hiểu rằng quyền lực mênh mông của mình chẳng may thực chất, bởi toàn bộ thế giới đang chuyển sang điêu tàn - được một anh chàng đầy thị kiến kể cho nghe về những thành phố bất khả, chẳng hạn, một vi-thành-phố với từng đợt bùng ra, bùng ra xây nên nhiều thành phố ngày càng mở rộng một

cách đồng tâm, hoặc một thành-phố-mạng-nhện treo trên một vực thẳm, hoặc một thành-phố-mang-chiều-kích-kép như Moriana.

Kèm trước và kèm sau mỗi chương của tác phẩm là một tiểu đoạn “ngiên”, dành cho những suy ngẫm và những lời bình luận của Marco Polo và Đại Hãn. Tiểu đoạn nghiêng đầu tiên giữa Marco Polo và Đại Hãn được tôi viết đầu tiên, chỉ sau khi đã triển khai được nhiều thành phố, tôi mới nghĩ đến việc viết những tiểu đoạn nghiêng khác. Hoặc rõ hơn, ở tiểu đoạn nghiêng đầu tiên tôi đã làm việc nhiều và có đôi ra một số chất liệu, và tới một lúc thì tôi khai triển những biến cách từ số chất liệu ấy (ngôn ngữ của các sứ giả, động tác của Marco Polo), rồi kéo theo sau đó là những diễn ngôn khác. Dần dà, trong lúc tiếp tục viết những thành phố, tôi còn đem những suy ngẫm về công việc của mình vào trong những lời bình luận của Marco Polo và Đại Hãn, và mỗi suy ngẫm này lại có sức hút riêng; nên tôi tìm cách để mỗi diễn ngôn đó đi theo hướng của nó. Thế là tôi có thêm một tập hợp chất liệu, tại đó, để chúng có thể tiến hành song song với các phần còn lại, tôi thực hiện một chút “dựng-phim”, nghĩa là một số lời đối thoại bị ngắt ra rồi sau đó được nối lại; tựu trung, tác phẩm tự thực hiện nó qua thảo luận và chất vấn.

Tôi tin rằng tác phẩm không chỉ khơi gợi một ý tưởng

phi thời gian về thành phố, mà cần mở ra trong đó, lúc thì tiềm ẩn lúc thì tỏ lộ, một cuộc thảo luận về thành phố hiện đại. Vài người bạn chuyên gia quy hoạch đô thị nói với tôi rằng tác phẩm chạm đến nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực của họ, và đó không phải là ngẫu nhiên, vì chúng có cùng một “hậu phương”. Thế rồi không chỉ những đại đô thị của “những con số vĩ đại” mà còn cả những gì coi như cuộc chiêu-gọi cái thành-phố-cổ-xưa, vốn chỉ có nghĩa khi được suy ngẫm và viết ra với cái thành phố hiện nay trước mắt, đều xuất hiện vào khúc cuối của tác phẩm.

Hôm nay thành phố đối với chúng ta là gì? Tôi nghĩ mình đã viết cái gì đó như thể một bài thơ cuối cùng về tình yêu thành phố, vào thời điểm mà việc sống và trải nghiệm thành phố ngày càng trở nên khó khăn. Có lẽ chúng ta đang tiến dần đến một thời điểm khủng hoảng của cuộc sống đô thị, Những thành phố vô hình là một giấc mơ sinh ra từ trong lòng những thành-phố-sống-không-thấu. Hiện nay, qua cùng một cường độ nhấn mạnh, người ta đề cập về sự tàn phá môi trường tự nhiên cũng như về tình trạng mong manh của các hệ thống công nghệ bao trùm vốn có thể sản sinh ra những hư hỏng dây chuyền, làm tê liệt toàn bộ những đại đô thị. Cuộc khủng hoảng của cái thành phố quá lớn là mặt kia của cuộc khủng hoảng của thiên nhiên. Hình ảnh “siêu-đô-thị”, cái thành-phố-tiếp-diễn, đồng-nhất-hóa, vốn đang bao trùm lên thế giới, cũng chi phối tác phẩm của

tôi. Song những tác phẩm tiên đoán thảm họa và tận thế thì đã có rất nhiều; viết một quyển khác ắt rườm rà, và lại, nó không hợp với cái tạng của tôi. Những gì tâm đắc đối với Marco Polo của tôi là việc khám phá những lý do thâm kín thúc đẩy người ta đến sống ở thành phố, những lý do vốn có thể có giá trị ở bên kia mọi cuộc khủng hoảng. Thành phố là một tập hợp của vô số điều: ký ức, dự vọng, ký hiệu của một ngôn ngữ; thành phố là chốn của sự giao lưu, như tất cả các bộ lịch sử kinh tế đã giải thích, song sự giao lưu này không chỉ là giao lưu về hàng hóa, mà còn là giao lưu về ngôn từ, về ước muốn, về kỷ niệm. Tác phẩm của tôi mở ra và khép lại với hình ảnh của những thành phố hạnh phúc, liên tục nhận lấy cấu trúc rồi tan biến, ẩn vào trong những thành phố bất hạnh.

Hầu như tất cả các nhà phê bình đều chú trọng câu cuối của tác phẩm: “Tìm kiếm và học hỏi liên tục để nhận biết người nào, sự nào, giữa địa ngục, không là địa ngục, duy trì và dành không gian cho người ấy, sự ấy.” Vì là những dòng cuối cùng, nên họ coi là cái kết luận, “đạo đức của câu chuyện”. Nhưng tác phẩm này được thể hiện như một khối đa diện, và những kết luận có phần được rải ra khắp nơi, viết trên tất cả các cạnh; và cũng không kém mang tính chất dụng-chữ-hóm-hình hoặc khắc-chữ như câu cuối đó. Tất nhiên, không phải tình cờ mà câu này xuất hiện ở cuối tác phẩm, song chúng ta hãy khởi sự

bằng cách cho rằng cái đoạn viết cuối cùng này có một kết-luận-kép - trong đó cả hai thành tố đều cần thiết - về cái thành-phố-không-tưởng (ngay cả khi chúng ta không nhận thấy chúng ta không thể ngưng tìm kiếm nó) và về cái thành-phố-địa-ngục. Và lại, đây chỉ là phần cuối của cái tiểu đoạn nghiêng về tập bản đồ của Đại Hãn, các tiểu đoạn nghiêng khác thì dường như bị các nhà phê bình lơ là, rằng từ tiểu đoạn đầu cho đến tiểu đoạn cuối, tác phẩm không làm chi khác hơn là đề nghị những “kết luận” khả dĩ cho toàn thân. Song cũng có những cách đọc khác, cho rằng ý hướng của một tác-phẩm-đối-xứng nên được tìm ở ngay chính giữa. Có những nhà phê bình theo khuynh hướng phân tâm học, đã tìm thấy những gốc rễ sâu kín của tác phẩm ở những gợi tưởng của Marco Polo về thành phố Venezia, như một cuộc trở về với những cổ mẫu ban sơ của ký ức; một số nhà phê bình khác, theo khuynh hướng ký hiệu học cấu trúc thì cho biết, nơi ta cần tìm kiếm chính là trung điểm của tác phẩm: và họ tìm thấy một hình ảnh của sự vắng-mặt, cái thành phố với tên gọi Bauci. Ở đây thì rõ ràng rằng ý kiến của tác giả là thừa: tác phẩm này, như tôi đã giải thích, có phần tự làm nên nó, và chỉ có văn-bản-như-nó-là mới có thể cho phép hoặc loại trừ cách đọc này hoặc cách đọc kia. Trong tư cách là một trong những người đọc, tôi chỉ có thể bảo rằng ở chương năm, vốn được triển khai giữa lòng tác phẩm, cái chủ đề Nhẹ đã liên kết một cách lạ

lòng với cái chủ đề Thành phố, có một số tiểu đoạn mà tôi coi như là những chứng cứ thị kiến tốt nhất, và hình tượng mang tính-cấu-thức-tơ-chỉ hơn cả này (“Thành phố Mỏng” hoặc những cái khác trong đó) có lẽ là cái khu vực lấp lánh nhất trong tác phẩm. Tôi không biết nói gì hơn.

Lời dịch giả

Kính tặng Cậu Mợ nơi Thành-Phố-Vĩnh-Hàng.

(Đã thương yêu cho con sang Ý học.)

* * * * *

Cảm tạ bạn đọc Thanh Hải.

(Đã phiêu du cùng tôi qua từng Thành phố vô hình và góp
những con chữ cho bản dịch.)

NHỮNG THÀNH PHỐ VÔ HÌNH

Chịu trách nhiệm xuất bản

Tổng giám đốc

LÊ TIẾN DŨNG

Biên tập: Nguyễn Thị Dung

Biên tập viên Nhã Nam: Nhị Linh

Thiết kế bìa: Bảo Anh

Trình bày: Hồng Nhung

Sửa bản in: Đỗ Hằng

In 2500 cuốn, khổ 13x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông (km 19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên). Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 2309-2015/CXBIPH/03-114R/HN và quyết định xuất bản số 430/QĐ-HN của Nhà xuất bản Hà Nội ngày 1.9.2015. ISBN: 978-604-55-1524-2. In xong và nộp lưu chiểu năm 2015

[1] Đây là bài giới thiệu quyển Những thành phố vô hình của nhà xuất bản Arnoldo Mondadori trong loạt ấn bản Oscar các Tác phẩm của Italo Calvino năm 2011, thu thập từ một số lời phát biểu của ông sau khi tác phẩm ra đời (khoảng thời gian bản lễ giữa năm 1972 và 1973) và từ bài nói chuyện của nhà văn tại Đại học Columbia ở New York ngày 29/3/1983.